

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 08439 6465

NGUYỄN ĐẠT 22 TRUYỀN NGẮN

vh Nhà xuất bản Văn Học



NGUYỄN ĐẠT

Sinh năm 1945 tại
Vinh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc,
Bắc Việt.

Học tiểu học tại Hà Nội
và Đà Lạt, trung học và
đại học tại Sài Gòn.

Làm nhiều nghề mưu sinh,
làm thơ trước khi viết
truyện ngắn.

Đã in:

NOI GIÁ BẰNG, thơ,

Nhà Xuất bản

Hội Nhà văn, 1991-

KỶ NIỆM DÃ QUỲ,

tập truyện ngắn, Nhà Xuất bản Trẻ,
1996 -

CON MỘNG CẨM GIANG,

tập truyện ngắn,

Nhà Xuất bản Trẻ, 1997

Nguyễn Đạt

22

truyện ngắn

Truyện ngắn là một thể loại văn học, có tính chất độc lập, nhưng không thể tách rời khỏi tác phẩm văn học. Nó là một thể loại văn học, có tính chất độc lập, nhưng không thể tách rời khỏi tác phẩm văn học.

GV

Truyện Ngắn

Nhà Xuất Bản Văn Học

Tôi viết, bởi lẽ bản thân tôi sẽ không là gì khác. Và tôi chọn truyện ngắn, với niềm tin nó cho phép tôi có nhiều tự do.

ND.

Nguyễn Đạt

22

Truyện Ngắn

Nhà Xuất Bản Văn Học

Nguyễn Đạt

22

Truyện Ngắn

VIETNAMES F NGUYEN D
Nguyễn, Đạt, 1945-
22 truyện ngắn
Hà Nội : NXB Văn học :
Nhà sách Kiến thức, 2007.

3 1223 08439 6465

Trưa Tân Hiệp

*Chỉ những ai cực kỳ yêu đời, cực kỳ
chán đời mới chịu được buổi trưa*

CIORAN

Anh đi xe đồ, bây giờ xe đồ rất nhiều, đều là các thứ xe khá, cả về động cơ lẫn kiểu dáng, anh không chú ý chuyện đó. Từ thuở nào tới bây giờ anh không chú ý chuyện đó, miễn là anh được ngồi bên hông xe, chỗ cửa sổ, để dễ thở và nhìn ngó phía ngoài. Tai nạn giao thông là chuyện xảy ra hằng ngày trên khắp các lộ trình, anh không chú ý chuyện đó. Bây giờ anh đang ngồi bên hông xe, chỗ cửa sổ của chiếc xe đi Mỹ Tho. Anh có việc xuống đây. Một biển hiệu trời tới: Tân Hiệp. Anh kêu lên: "Tôi xuống chỗ này". Chiếc xe vẫn chạy. Người ngồi phía sau anh đập tay vào hông xe nghe thình thình, và tiếng nói: "Cho người ta xuống kia". Chiếc xe dừng, anh vội vàng ra cửa xe, bước xuống. Anh đứng sững giầy lát giữa nắng và bụi. Giầy lát sau, anh đi ngược trở lại một khoảng cách chừng trăm mét, chỗ cây cột dựng biển hiệu mang tên thị trấn Tân Hiệp chữ trắng trên nền xanh đậm. Anh đứng phía trước cây cột biển hiệu. Không xa phía sau, trên dải đất hình mũi tàu rẽ con đường thành hai ngã, bức tượng Quán Thế Âm

Bồ Tát cao lớn trắng lóa nắng, tấm vải mỏng màu đỏ chói khoác ngoài, chắc làm tấm y cho bức tượng, không hề lay động trong gió hâm hấp và đục, dịch chuyển chút ít.

Cuối cùng anh vào một cái quán kê ly cà phê đá pha sẵn không bỏ đường. Anh lấy từ túi quần mấy ngàn đồng, hỏi giá, trả trước tiền ly cà phê đá khi người chủ quán, chắc là vậy, mang tới. Cùng lúc ấy, anh lấy cũng từ túi quần chiếc khăn nhàu bẩn lau mồ hôi. Rồi anh cố xếp chiếc khăn ngay ngắn bỏ vào túi áo, rồi anh vẫn để gói thuốc lá, bây giờ gói thuốc đang nằm trên mặt bàn nhựa nứt nẻ đầy bụi. Nước sũng ướt chỗ ly cà phê đá mau chóng loang ra. Anh nhìn mặt bàn hoen bẩn, cái nhìn kiểm tìm của anh ngưng lại trước vẻ thờ ơ ngạo mạn của người chủ quán, chắc là vậy, vận chiếc quần xà lỏn xệ rốn, ở trần, thân mình bóng loáng mồ hôi. Người phụ nữ từ phía trong đi ra, uể oải nói: "Nóng thấy mẹ mà còn cúp điện". Chủ quán, chắc là vậy, và chắc là chồng của người phụ nữ này, đứng nguyên chỗ gần cửa vào buồng trong. Anh ta đổi tay đang dựa cái quỳ bọc phoọc-mi-ca màu xanh cũ xỉn cong hờ nơi những góc cạnh, nói: "Ông điện lực muốn cúp thì cúp, cần chi biết nóng lạnh". Anh ta lại nói khi chàng trai cũng vận quần xà lỏn nhưng có vận áo sơ mi màu sắc vẫn vận và chiếc mũ vải úp chụp vào đầu, có vòng màu như dải ruy băng xanh lá cây may dính liền quanh phía trên vành hẹp: "Mầy bỏ ông già nằm phơi nắng cho mau khô ráo máu me hả?"

Chàng trai ngồi xuống cái ghế ở một bên bàn anh đang ngồi, không kê uống gì. Người phụ nữ đi tới phía chàng trai, gần cửa sắt đã được đẩy chùn lại về hai phía

vách quán, nhìn ra con lộ rực nắng, hỏi: "Ông chủ có cho mang hàng tới chưa?" "Chắc chắn chứ!... Tui chắc ổng còn cho tui thêm một tháng lương nữa", chàng trai nói về hãnh diện. Từ chỗ quầy, chủ quán, chắc thế, hỏi vọng ra: "Mầy có tính chuyện thừa gởi gì thẳng cha lái xe ben không?" Chàng trai nói: "Tui có thấy mặt mũi thẳng cha xe ben nào. Nghe mấy đứa nhỏ móc rác nói tùm lum ai mà biết". Người phụ nữ nói: "Thừa gởi gì! Mầy lo chôn cất ổng tử tế thì mầy được phước. Còn bà con tổ dân phố, mấy ông Mặt trận Tổ quốc nữa, Hội Phụ lão gì đó, thế nào mà không phụ vô. Tao thấy ổng có lui tới Ủy ban, hội họp tổ dân phố đều đều". Chàng trai vói tay lấy bình trà bằng nhôm ở bàn bên, chỗ chính giữa cửa quán, lắc lắc rồi ngửa cổ rót nước xuống không được bao nhiêu, lại rót nhiều giọt ướt chỗ ngực áo sơ mi vắn vện. Chàng trai đặt bình trà trở lại chỗ bàn đó, giở chiếc mũ vải, có xấp tiền lẻ dày cộm dù đã bị ép kẹp, rồi úp trở lại chiếc mũ vào đầu, kéo xuống hết mức, bước ra con lộ rực nắng.

Chủ quán, chắc vậy, tới ngồi ở bàn có bình trà chàng trai vừa lấy uống, chỗ bụng anh ta như có dầu mỡ tưa ra từ mấy lần xếp ở đó. Anh ta kéo một hơi điếu thuốc lá rồi liệng mẩu thuốc còn dài không kể chỗ đầu lọc, nó lẩn chút đỉnh trên mặt lộ trái nhựa và cả hai cùng bốc khói. Người phụ nữ lúc này cũng ngồi xuống cái ghế chàng trai vừa ngồi, chị ta đã kéo nó sang bên bàn có chiếc bình rỗng không. Chị ta đưa ngón tay chỉ một chiếc xe tải chạy vụt ngang ngoài lộ, nói: "Mấy cha tài xế này là những hung thần. Ông già thẳng Đực chết toàn cây là còn có phước. Mà ổng có bị cái xe ben cán qua người không?" Anh ta nói

vẻ thờ ơ: “Tui có dám sờ nắn gì trên người ông mà biết. Chắc nó chỉ ùi ổng vô bãi rác. Thằng Đực nói nó phải kéo ổng ra từ đống rác sát cái mộ có bức tường xây bao quanh thiệt bự đó”. Chị ta gật gù cái đầu, nói: “Ờ, chắc ổng chỉ bị chấn thương sọ não. Tui thấy mặt mũi ổng còn nguyên vẹn, cả hàm răng hở ra cũng còn nguyên”. Lát sau chị ta lại hỏi: “Sao ông nói thằng Đực phờ nằng cho ổng ráo máu?” “Thì nói vậy chớ máu me gì. Chấn thương sọ não khỏi có máu me gì, mà càng nguy hiểm hơn có máu”. Anh ta lấy tay đẩy chiếc bình rỗng muốn lọt khỏi mặt bàn, nói: “Đủ mề thằng nhỏ không dám kêu ly trà đá”. Chị ta nói: “Chắc chiều mát mới mang hàng tới”. Anh ta lắc đầu, nói: “Chưa chắc có mang hàng tới đâu, không chừng thằng Đực phải mua hàng bằng xi măng... Đủ mề tui nghe nói ổng thầu vụ này thua lỗ trào máu họng. Sắt thép lên giá đưng la-phông. Lương tui thợ tháng rồi ổng còn chưa trả đủ”.

Lúc này anh ngồi một mình trong quán. Người phụ nữ bước ra ngoài, rẽ sang phía trái để đi đâu, chồng chị ta, chắc vậy, vào tuốt phía trong. Trưa im bật, thỉnh thoảng xe gắn máy rồ ga kéo tiếng động buốt óc, xe tải, xe đồ từng chập chạy vụt qua, bụi phả nhiều từng chập như vậy trong nắng chói chang.

Anh cầm ly cà phê đá loăng trắng nửa phần trên, uống chậm từng ngụm, cùng lúc cái nhìn ngao ngán không rời chiếc muống nằm dính trên mặt bàn hoen bẩn. Khuôn mặt râu ria của anh ngơ ngơ hồi lâu. Anh lấy từ túi áo chiếc khăn tay ẩm mồ hôi, lau tiếp mồ hôi ướt rùng trên mặt và cổ, cả phía dưới cổ áo không gài cái nút trên cùng.

Anh châm hút điếu thuốc thứ mấy không biết, chắc là nhiều, gói thuốc đã vơi hẳn. Anh nghe tiếng Hiệp nhẹ như gió thoảng: "Anh hút thuốc nhiều thế này không sợ lungs phổi à?" Anh thấy Hiệp nhoài người, ngực hở nhiều, kéo sâu xuống vùng thân thể kín tối trong chiếc áo, cổ vươn ra có quện những sợi tóc, mùi da thịt trộn với thứ hương hoa nhẹ nhàng. Anh thấy Hiệp đứng dậy, quần jeans trắng bó sát đi vào toa lét, cái nhìn bám theo đường viền quần lót hằn lên... Anh chợt nhận ra mình xuống xe như mộng du ở một nơi bất kỳ gợi nhớ người đàn bà, một nỗi hốt hoảng như anh đang nghe hồi còi rúc bất tận từ nơi chân trời. Anh ngồi tê cứng trong nỗi điên rồ đã mang anh tới một tình trạng hồi tiếc tuyệt vọng không có cách nào cứu chữa.

Anh tỉnh thức trước sự xuất hiện đột ngột của người phụ nữ trẻ, cô ta từ phía ngoài lóa nắng chấp chới vào quán, đứng trước mặt anh như ảo tượng. "Mua cho em mấy tấm vé số, anh Hai". Khuôn mặt đẹp ứng hồng vẻ say nắng, cô ta ngồi xuống cái ghế bên anh. Mùi da thịt trộn lẫn mùi mồ hôi ướt át nồng nàn, những sợi tóc vương vãi dính nhẹp cần cổ trắng dài. Cô ta mời mua nhưng cầm xấp vé số ở bàn tay hờ hững phía xa trên mặt bàn, cánh tay kia đặt tựa vào mép bàn chỗ gần sát nơi anh. "Anh Hai ở Sài Gòn xuống hả?"

Anh nói: "Cô lấy cho tôi hai chục tấm". Giọng nói nhẹ như gió thoảng và ngọt ngào hơn giọng nói Hiệp: "Chớ anh Hai không lựa hả?" Anh hỏi bao nhiêu, lấy ra năm tiền trong túi quần lựa hai tờ giấy bạc hai chục ngàn đồng, đưa cô gái. Anh đưa lại hết cả vé số cho cô ta, nói: "Tặng cô."

Chúc cô may mắn trúng số đặc biệt". Cô gái ngạc nhiên, nói: "Ủa, sao anh Hai không giữ để dò?" Anh lắc đầu, nói: "Tôi mà dò thì không trúng đâu. Không bao giờ trúng". Cô gái nói nhỏ, rụt rè cùng sắc diện ửng hồng hơn: "Anh Hai cần nghỉ trưa không?... Em biết chỗ này mát lắm, có gió sông thổi mát rượi".

Cô gái lúc đi song đôi sát bên anh, lúc đi nhanh hơn lên phía trước, anh nhìn dáng thon thả, hai vai đưa ngang, vai những cô người mẫu thời trang, lưng áo bà ba ướt mồ hôi dính sát thân mình chắc lằn. Anh gặp người vợ chủ quán, chắc thế, đi đâu về, chị ta về đứng không ngó qua anh và cô gái bán vé số. Anh nói cô gái chờ anh một lát rồi anh đi vào cái sân khá dài của nhà bưu điện vắng vẻ. Anh đứng một lát trước dãy máy điện thoại, đành trở ra vì bỗng nhiên anh không nhớ nổi số điện thoại của Hiệp. Anh bước chậm trên sân nhà bưu điện, nhìn cô gái đứng chờ anh ngoài lộ không về gì đi bán vé số, cô ta giống như đang đợi người tình. Bỗng nhiên anh rung mình như nỗi sợ hãi trắng lóa bao vây khắp. Anh nói với cô gái: "Tôi có việc phải về Sài Gòn ngay bây giờ".

Anh đi tới chỗ dải đất hình mũi tàu rẽ con đường thành hai ngã, đứng đợi xe đò về Sài Gòn. Từ hiên nhà có mái đang che hướng nắng, anh nhìn bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát cao lớn trắng lóa nắng, tấm y mỏng đỏ chói không lay động dù thỉnh thoảng phía dưới chân bức tượng có bụi đất bốc lên mờ mờ như hơi nước từ nồi cơm sôi. Chúng cũng thỉnh thoảng bốc lên như vậy dưới cây cột biển hiệu mang tên thị trấn Tân Hiệp.

Trưa rừng

Tôi không ngờ đẩy cái xe ba bánh chở nước nặng quá chừng. Con dốc đồi, nhìn không dốc bao nhiêu, lúc này sao cái không dốc bao nhiêu ấy mà nó ghê gớm khủng khiếp. Bà chủ quán nói: "Cám ơn ông". Tôi không thể thấy khuôn mặt bà chủ quán khi bà cố tình tránh không để tôi nhìn. Nhưng tất nhiên, tất nhiên tôi biết bà là một nhan sắc.

Hai chàng trai thì tôi chỉ mới thấy lần đầu tiên. Nghĩa là tôi chỉ thấy hai chàng trai này, một chàng phục sức lôi thôi, một chàng phục sức bảnh bao, lối phục sức của con nhà đại gia, chẳng hạn như vậy. Chàng phục sức lôi thôi nhìn tôi, cái nhìn tư lự. Chàng phục sức bảnh bao, không biết có nhìn tôi kỹ chẳng, nói với chàng phục sức lôi thôi: "Tội nghiệp ông già làm thuê làm mướn". Tôi nghe chàng phục sức lôi thôi nói với chàng phục sức bảnh bao, chắc hẳn hai chàng là bạn của nhau: "Cậu có quyền gì tội nghiệp người khác?" Chàng phục sức bảnh bao không nói, chỉ cười, và chỉ cái cười này, chàng phục sức bảnh bao tỏ rõ sự bất đồng ý kiến với bạn, nghĩa là, có thể như vậy, chàng có cái quyền tội nghiệp người khác.

Tôi duỗi đôi chân đau thấp khớp, lúc này đau mỗi giây một ngàn lần. Chắc không phải bệnh "Gút" như người ta nói. Tôi vẫn uống bia, rượu mà không đau nhức vì thế, như điều cấm kỵ đối với những người bị chứng bệnh này. Tôi nghĩ đây chỉ là chứng bệnh thấp khớp, đau nhức mỗi khi trái gió trở trời, khi gắng công quá mức.

Ly cà phê sữa đá xuất hiện đột ngột trên mặt bàn, chắc hẳn ai đã mang ra cho tôi vào lúc tôi bận nhìn hai chàng trai ở một bàn cách một khoảng xa kia, sát gần bờ dốc xuống thung lũng. Cũng đột ngột như sự xuất hiện của ly cà phê sữa đá, tôi kịp nhìn cái lưng bà chủ quán. Liên đó, tôi nhớ một khoảng cách thời gian hai mươi năm. "Em có thân mình, nhất là cái lưng, rắn chắc như thân cây ổi..."

Trưa rừng cao như chưa từng bao giờ trông thấy. Rừng thông ngút ngàn, nắng trong suốt cõi mệnh mông. Liệu đã có ai đặt chân trên ngọn núi phía rất xa kia? "Ông bỏ đi từng ấy năm, tôi nghĩ ông không nên trở lại đây làm gì nữa. Trở lại cùng ảo tưởng? Tất cả những gì ông nghĩ, chỉ là ảo tưởng mà thôi. Cả thằng bé nữa, nó cũng không còn thuộc về ông để ông nghĩ ngợi, hiểu theo bất cứ nghĩa nào..."

Tôi không nên trở lại đây? Có thể là như vậy. Còn ảo tưởng, thì... Không chừng cả người nghĩ mình không ảo tưởng, cũng có thể chỉ là ảo tưởng rằng mình không ảo tưởng. Không chừng ngọn núi phía rất xa kia cũng là ảo tưởng của kẻ phiêu lưu.

Tiếng nói chuyện của hai chàng trai. Giọng chậm rãi của chàng phục sức lòi thôi: "Hồi sáng sớm tôi thấy ba cậu

ăn điểm tâm trong tiệm mì bác Xá Xứ". Chàng phục sức bảnh bao có giọng nói hào hứng: "Ông già tớ về Sài Gòn. Tớ sẽ xài cái Nokia mô-đen mới nhất. Nó có cả chức năng chụp hình, quay phim nữa. Ông già tớ sẽ vào mua ở chỗ đại diện chính thức của hãng Nokia". Nói xong, chàng trai lấy ra trong túi quần, cái điện thoại di động nhỏ xíu, mở ngó như người phụ nữ mở hộp trang điểm ngó soi gương, nói: "Thứ này mà cũng chả có một miếng sáng". Chàng trai phục sức lười thôi nói: "Chỗ không có phủ sáng thì điện thoại nào cũng không có sáng. Mà điện thoại để nói chuyện, cần chi quay phim, chụp hình nữa chứ?". "Cậu gần bỏ mẹ. Ông già tớ đề nghị, cứ chi tớ từ chối. Càng có nhiều điều kiện, phương tiện tiêu dùng, càng tốt. Chỉ có khùng mới khước từ, mới không biết hưởng thụ. Tớ quen xài sang rồi, chả việc gì buộc mình thay đổi thói quen, khi không ai bắt buộc mình như thế".

Chàng trai phục sức lười thôi ngắt lời bạn: "Mình cần bắt buộc mình chứ. Tôi đọc câu này của ai nhỉ, rất nên nghe: Người hạnh phúc nhất, là người có ít nhu cầu nhất".

"Tớ hiểu rằng, cậu là người cần bắt buộc mình có rất ít nhu cầu như vậy, để cuộc sống được hạnh phúc. Nếu cần nhiều hơn, sự nghèo khổ không thể đáp ứng được cho cậu gì hết".

Tôi có cảm tưởng chàng phục sức bảnh bao sắp bị bạn đạp cho lộn xuống thung lũng. Hóa ra không. Chỉ một cái nhìn ngao ngán của chàng trai phục sức lười thôi, nhưng tôi không dám chắc chàng trai phục sức bảnh bao có thấy.

Tôi cũng ngao ngán hết sức, ngao ngán cho cái ông nào là cha của chàng trai phục sức bảnh bao này. "Ông già cậu, tớ đoán là nhà văn, đúng không?". Chàng trai phục sức lôi thôi lắt đầu, nói: "Ba tôi thỉnh thoảng có dịch sách chứ không phải nhà văn. Nói chung, ba tôi làm nghề tự do, nghĩa là làm bất cứ việc gì, khi không có ai đặt dịch sách".

"À, tớ có thấy ông già cậu một lần, trong một quán cà phê gần chợ. Ông ấy trông cũng linh xình như cậu, như ông già kia, đúng rồi, chắc cùng cỡ tuổi ông già kia". Chàng trai nói ông già kia là nói tôi, nhưng không có cử động nào hướng về phía tôi. Chàng trai phục sức lôi thôi không nói gì, tôi thấy cái nhìn mênh mông của chàng trai này hướng về phía rừng thông ngút ngàn.

Tôi ngao ngán và một nỗi hoang mang xâm chiếm. Tiếng bà chủ quán gọi một trong hai chàng trai, hần thê: "Hưng ơi, vào mẹ nhờ một tí này".

Tôi xin thú nhận, vô cùng hồi hộp.

Chào bà chủ quán, tôi nói: "Bà nói đúng, tôi không nên trở lại đây làm gì nữa. Tuy nhiên chỉ đúng vào đúng lúc này, lúc tôi đã gặp thẳng Hưng. Nghĩa là, ảo tưởng cuối cùng của tôi vừa rút xuống".

Ngọn núi phía rất xa kia hiển nhiên có thật, có thật như chàng trai phục sức lôi thôi đang uống cà phê ở quán trên đồi. Tôi có thể sẽ gặp hai cha con chàng trai, ngồi uống cà phê hay ngồi uống rượu, trên ngọn đồi này, nhìn ngọn núi phía rất xa kia. Rừng thông ngút ngàn, nắng trong suốt cõi mênh mông, sao quá đẹp như một nỗi buồn không gì có thể an ủi.

Buổi chiều có thể

Tòa dinh thự có bờ tường xây thấp, chắn song sắt ngang dọc trên cao, chạy dài suốt đoạn đường, cổng mở ra ngã tư. Anh đã chọn một chỗ ngồi ở quán cà phê góc ngã tư nhìn chéo sang cổng tòa dinh thự.

Nhưng đâu phải anh chọn một chỗ ngồi để nhìn sang tòa dinh thự. Anh đã tới uống cà phê ở đây từ nhiều năm, vào lúc ba giờ chiều mỗi ngày, sớm hay trễ một chút, anh đã hoàn toàn rảnh rỗi, đã ngủ được một giấc, hoặc nếu chưa ngủ thì dư âm công việc của anh trong đêm trước cũng đã tan rồi. Anh ra phố tới thẳng quán cà phê. Anh chú ý đến tòa dinh thự từ lần đầu ngồi quán. Kiến trúc của tòa nhà theo lối cổ điển hay hiện đại, hay cả hai hòa lẫn rồi hiển hiện như vậy? Từng đường nét thích hợp với dáng vẻ tòa nhà đến nỗi không thể thay đổi một chút còn con. Tòa nhà kiên cố bền bỉ như đã có ở đấy và còn tồn tại ở đấy một ngàn năm.

Bà chủ người Hoa hỏi anh như thường lệ: "Cà phê leng?" Lúc nào anh chẳng uống chỉ mỗi một thứ cà phê đen, nhưng anh vẫn thích nghe bà chủ quán hỏi bằng giọng nói hiền và ngọng nghịu. Còn cô bé xinh đẹp con bà

chủ quán thì thường anh chỉ nghe tiếng cười giòn, đang đứng loay hoay bên trụ điện thoại mới lắp đặt ở góc phố ngay trước quán. Cô bé cầm ống liên hợp kề sát miệng, tưởng tượng đang nói chuyện với ai đấy, thỉnh thoảng cười ngặt nghẽo. Anh uống cà phê và nhìn ngắm các thứ diễn ra ở chung quanh. Trời chiều không nắng, lững lờ ngập ngừng. Cô bé tưởng tượng đang nói chuyện lại cười giòn tan, câu chuyện hẳn thú vị đến nỗi cô ta đã đứng ở trụ điện thoại này một tiếng đồng hồ chưa thôi. Ở bên kia ngã tư, những người làm việc bắt đầu đi ra cổng tòa dinh thự.

Chủ nhân tòa dinh thự là một người Hoa danh tiếng, nhiều huyền thoại về sự giàu có. Sau một trăm năm, tòa dinh thự trở thành cơ quan Ngân hàng Xuất nhập khẩu. Hầu hết người làm việc ở cơ quan phục sức sang trọng hợp thời. Có một cô gái luôn luôn mặc áo dài, các màu đều sậm và đều đẹp. Cô đi ra cổng lúc nào cũng thông thả và khép nép, đứng trên hè đường rộng ngoài bức tường thấp có chẵn song sắt, chờ người đàn ông luống tuổi có lẽ là cha, lái xe tới đón. Chiếc xe hơi đón cô là kiểu xe không lỗi thời hay hợp thời, không gây ấn tượng nào, hiện ra đơn thuần là một chiếc xe hơi. Cô gái đứng đợi mười phút, vẻ khép nép tội nghiệp. Anh nhìn chăm chú cả lúc cô lên xe ngồi bên người đàn ông luống tuổi có-lẽ-là-cha, xe chạy khuất mà anh vẫn lẫn lẩn quần hình ảnh cô gái. Anh đã ngắm nhìn cô-gái-áo-dài từ một buổi chiều nào đấy lâu rồi, và cô đã dự phần quan trọng vào những buổi chiều của anh, vẻ đẹp của cô đối với anh thật hoàn hảo.

Cô bé tưởng tượng nói chuyện lúc này biến đi đâu đó, để lại ống liên hợp không vào đúng khoen móc, lệch lạc bên hộp máy gắn đứng trong trụ điện thoại. Hai cánh cổng sắt to lớn đã khép lại, những chấn song sắt ngang dọc ở hai cánh cổng bây giờ nối vào nhau thành hình đồng tiền kim loại thời các vua nhà Nguyễn. Anh tự hỏi: Cô gái có bồn chồn như anh không? Mọi người ở tòa dinh thự đã về hết mà chiếc xe hơi đón cô chưa tới. Tuy vậy anh cũng vui thích được ngắm nhìn cô đứng ở đấy, vẻ khép-nép-tội-nghiệp, những sợi tóc bay ngang khuôn mặt đẹp.

Anh cũng chợt hiểu bầu trời chiều nay, bầu trời lững-lờ-ngập-ngừng giữa có thể mưa và có thể không mưa. Bây giờ thì những hạt mưa trong suốt đang rớt xuống mỗi lúc nhiều hơn. Anh hơi mất bình tĩnh khi cô-gái-áo-dài bước vào quán. Cô băng sang đường lúc nào? Anh gật đầu chào cô, rồi anh hỏi tự nhiên đến nỗi anh cũng không ngờ: "Chiều nay cha cô tới trễ rồi phải không?"

Cô gái trả lời vui vẻ: "Vâng. Nhưng không phải cha. Bạn tôi đấy!"

Anh ngạc nhiên về điều cô gái cho biết: "Vậy mà tôi cứ tưởng là cha của cô. Tôi thấy ông ấy đón cô mỗi chiều".

Cô gái vẫn vui vẻ: "Tôi cũng thấy anh ngồi đây mỗi chiều. Hình như anh ngồi lâu lắm!"

"Tôi uống một ly cà phê hết cả buổi chiều", anh nói, lòng sung sướng khi chuyện trò được bắt đầu dễ dàng như vậy.

Mưa làm sấm đặc bàn ghế trong quán. Cô gái ngồi ở bên chiếc bàn song song với bàn anh, chỉ cách một khoảng ngắn. Cô nói: "Anh có vẽ rảnh rồi". Anh nghĩ: Cô chê trách hay hỏi anh?

"Bây giờ thì tôi rảnh rồi. Chẳng lẽ tôi không được ra khỏi căn hầm vào lúc buổi chiều?"

"Anh ở dưới hầm à?", cô gái ngạc nhiên.

"Đúng như vậy. Nơi tôi ở thấp hơn mặt đường. Nó được dựng trên đầm lầy ngày trước. Từ chỗ người chủ nhà đến nơi tôi ở có thang gỗ dẫn xuống rất sâu".

Có lẽ cô gái đang hình dung căn hầm. Cô nói: "Căn hầm như thế có tối lắm không?"

Anh lắc đầu: "Ban ngày cũng sáng như mọi nơi. Có một mặt nhìn ra ao lục bình. Đêm thì tôi cứ việc thắp nến mà vẽ".

Có lẽ căn hầm khá hấp dẫn đối với cô gái, cô trở nên hào hứng: "Ôi! Căn hầm toàn bằng gỗ phải không? Và trên sàn đầy những đụn nến!... Mà anh dùng nến màu gì?"

"Nến màu gì hả? Trắng cũng có hồng cũng có, cả những cây nến bé tí xíu đủ màu của trẻ con thắp đèn Trung thu".

Cô gái bây giờ có vẻ lo lắng: "Thế anh vẽ cái gì?"

"Tôi vẽ tranh", anh đáp gọn lỏn, thản nhiên vô sự.

"Ý tôi muốn hỏi anh vẽ gì trong bức tranh của anh?"

"À... Tôi vẽ gì trong bức tranh hả?... Tôi vẽ nhiều bức tranh, chẳng biết cô muốn hỏi bức nào?"

Cô gái trở nên trầm tư: "Tôi đâu hiểu gì về tranh. Tôi có người bạn vẫn mang dụng cụ đi vẽ ngoài trời, có khi đi thật xa để vẽ, như chuyển đi Long Hải với bạn bè tháng trước. Anh ấy có phải là họa sĩ như người ta thường nói?"

"Phải ông vẫn đón cô về mỗi chiều đấy không?", anh hỏi, chợt nhớ tới người đàn ông luống tuổi. Cô gái không trả lời. Một lát sau cô hỏi: "Thế anh không vẽ ở ngoài trời à? Trong căn hầm của anh có thứ gì để vẽ mãi được?"

"Tôi không vẽ thứ gì ở trong căn hầm cả. Tôi mong cô hiểu, căn hầm là chỗ tôi ở mà thôi. Tôi làm việc ở đây...", anh chợt nhớ cô gái đã nói cô đâu hiểu gì về tranh. Giọng anh tha thiết: "Cô thích căn hầm ấy chứ?"

Cô gái gật đầu, khuôn mặt sáng rạng hồn nhiên: "Tôi mong sẽ được tới thăm căn hầm của anh, lúc anh thả nển vẽ ấy... Mà anh nhớ thả những cây nển bé tí xíu đủ màu... Tôi cũng sẽ mang theo cả hộp nển của tôi nữa".

Anh chắc chắn bằng lòng, vui sướng bằng lòng. Anh nghĩ không chừng bức họa chân dung đẹp nhất anh có thể vẽ được là khuôn mặt cô gái trong ánh sáng những ngọn nển...

Anh thốt nhớ ra, anh chưa mời cô gái uống gì... Trời còn đang mưa... Anh tìm chị-giúp-việc hay người-nhà-chủ-quán.

Nhưng lúc anh nhìn thấy chị ta thì cô-gái-áo-dài không còn ngồi ở bên chiếc bàn song song với bàn anh... Một khoảng cách ngắn... Anh hỏi vội chị ta: "Bạn cô áo dài tới đón cô ấy rồi sao?"

Chị ta có vẻ mặt ngạc nhiên hết sức: “Anh nói cô Nhã ở Ngân hàng phải không? Cha cô ấy tới đón về rồi. Về lâu rồi”.

Anh bước ra khỏi quán vội vã như muốn rượt theo ai, băng qua đường sang bên kia ngã tư, đi sát bờ tường thấp có chằng song sắt trên cao, dài hun hút trong màu sẫm tối đang tràn đầy chung quanh. Hình như cả một chùm ngọn đèn bật sáng những ô cửa kính của một căn phòng trong tòa dinh thự, cùng lúc những trụ đèn trên bờ chằng song sắt tỏa màu trắng đục giải xuống hè đường rộng và khô ran. Anh ngỡ ngàng tự hỏi: Chiều nay có mưa không?

Anh nhận ra một bàn tay của anh đang nắm thanh sắt giá buốt khô cứng, trong lúc bóng tối mềm dịu bao bọc khắp thành phố.

Giờ đêm

Người đàn bà tên Hợp, bi khúc não nùng giã biệt chim én Sài Gòn, thành phố đang đi vào mùa xuân. Anh nhớ lại một thời không chỉ mùa xuân, chim én bay đầy trong trời chiều thành phố. Anh nhớ lại là nhớ một người, không phải những con chim én, chúng vẫn bay loạn xạ trong mọi buổi chiều Sài Gòn.

Thật kinh khủng, những con bọ, chúng từ đâu không biết, tràn ngập căn phòng. Đầu tiên, chúng xuất hiện trên sàn gỗ, đêm anh ngủ chung với chúng ở trên giường sắt nhà binh, tới sáng anh nhìn thấy chúng cười nhạo trên đầu anh, buộc anh nhìn lui lại suốt một đêm anh không thể ngủ vì sự phá rối của chúng. Thật kinh khủng, vì chúng nhỏ nhít, anh không thể nhìn thấy nếu chúng không cắn rút anh.

Người đàn bà tên Hợp, bi khúc não nùng, giã biệt nơi này, đi về chốn cố đô, để gặp một người, dĩ nhiên không phải là người khiến anh nhớ lại cả một thời, với chim én bay đầy trong trời chiều thành phố Sài Gòn. Người mà

anh nhớ lại, người thi sĩ ấy tưởng niệm bạn: *Vũ Đạo Ánh / Đập cụt cổ chai bia / Đạn chì sẽ ghim ngực tao lép...*

Thật kinh khủng, những con bọ phá rối giấc ngủ, anh buộc phải triệt hạ chúng bằng bình xịt diệt côn trùng. Anh xịt thuốc ướt hết căn phòng. Thật kinh khủng, chúng chết hết, nhưng anh hiểu ngay tức thì, hiểu trước cả khi anh phát hiện ra chúng, một con bọ khác, một con bọ cực kỳ to lớn so với mọi loài sâu bọ. Anh chết giấc khi biết rằng con bọ này mới thật sự làm anh mất ngủ, cùng lúc, nó đẩy anh vào ngõ cụt, anh loay hoay, không thể xoay trở bất cứ gì để ngăn cản đêm giã từ của Hợp. Anh chết giấc khi bị khúc não nùng trỗi lên. Con bọ kinh khiếp ấy, không phải loài bọ tầm thường bốn chân, hay nhiều chân hơn nữa, không sao cả, dĩ nhiên là như vậy. Con bọ, cái tên bốc mùi đàng điếm, cái tên có màu trắng của thứ quần trắng bó sát đùi cẳng, có màu vàng của thứ hoa nhạt nhẽo, mở miệng cười cầu tài vào khuôn mặt mùa xuân. Dĩ nhiên con bọ, dù kinh khiếp nhơm tởm, không chịu trách nhiệm về cái tên. Chính là do cha mẹ đặt tên, vì dù sao sâu bọ cũng phải có đấng sinh thành. Nhưng, thật kinh khủng, bản thân nó rót tràn đầy ý nghĩa cho cái tên ấy, thứ ý nghĩa mà không đấng sinh thành nào mong chờ.

Dù sao anh quá cần giấc ngủ sau một đêm thức trắng. Vì vậy anh chui vào phía dưới giường sắt nhà binh, duy nhất chỗ này không ướt thuốc xịt côn trùng. Thật kinh khủng: Ít nhất, một con bọ sống sót sau trận đại hồng

22 truyện ngắn

thủy, những đợt sóng thần mang tên Raid. Con bọ cất tiếng nói, chính điều này mới thật kinh khủng: "Sao ông lại xuyên tạc, phỉ báng đồng loại của ông?" Anh chết giấc, một con bọ mà biết nói tiếng người! Lúc này anh phát hiện lũ bọ cười nhạo trên đầu, ấy là anh nghĩ như vậy. Chúng phát ra tiếng động nào đấy, và anh nhận ra chúng phía trên đầu, ở trần nhà. Bây giờ, tiếng nói của một con bọ sống sót, đây là chuyện khác, chuyện kinh khủng thật sự. Sau giây phút kinh hoàng, anh bình tâm suy nghĩ, và ngạc nhiên, rằng sao con bọ dám khẳng định anh là đồng loại của con bọ có cái tên bốc mùi đàng điếm. Rồi anh không ngạc nhiên nữa, loài sâu bọ vốn dĩ như vậy từ ngàn năm qua. Chúng không suy nghĩ được gì hết, nên chúng ăn nói xằng bậy. Chỉ vì con bọ căn cứ bề ngoài, đã cho rằng con bọ có cái tên bốc mùi đàng điếm kia là đồng loại của anh. Anh định giảng giải cho con bọ hiểu rằng, người ta chỉ có thể tin chắc những động vật hình dạng giống nhau là đồng loại, khi xét về tính cách, thuộc tính, tập tính của những động vật ấy. Con bọ có cái tên bốc mùi đàng điếm, hiển nhiên chỉ có thuộc tính và khả năng duy nhất, là ve vãn con vật cái, thậm chí ve vãn được cả con vật cái đẳng cấp cao hơn mình mấy cái đầu. Và thậm chí, con bọ ấy vẫn không suy giảm khả năng của con vật đực khi tuổi đời đã sắp tới lúc mãn cuộc sinh tồn.

Anh mong mọi tìm lại giấc ngủ đã mất, lại rơi vào tình trạng hồi đêm. Loài sâu bọ đáng nguyên rủa! Anh lại

bị dồn vào ngõ cụt, anh lại loay hoay, không thể xoay trở bất cứ gì để ngăn cản đêm giã từ của Hợp. Anh thiếp đi lúc nào đấy, dù sao giấc ngủ thiếp mệt cũng dành cho anh chút an ủi. Anh mơ thấy Ngọc Châu, người bạn gái ở bên kia bờ Đại Tây Dương, biệt tin gần bốn mươi năm, bây giờ anh mới liên lạc được. Ngọc Châu, qua thư từ, dặn dò anh ráng giữ gìn sức khỏe, để cuộc sống vui. Hemingway bảo vui vẻ là đạo đức. Thốt nhiên anh thắc mắc: Con bọ nghĩ sao về đạo đức? Con bọ có đạo đức không? Anh giật mình khi biết rằng, con bọ cũng chỉ muốn sống một cuộc đời vui vẻ, chẳng làm tổn hại gì tới ai, dù ai đó là đồng loại, hay thuộc đẳng cấp cao hơn mình cả mấy cái đầu.

Anh trở mình, giấc ngủ đang tới dưới giường sắt nhà binh. Anh thấy cái gì đó, và cười trong mơ.

Giờ lành

Tặng Nguyễn Hưng Quốc

Joseph Huỳnh Văn không hề ngạo mạn khi tôn trọng mọi nhân cách ngang bằng nhau. Tôi hỏi anh: "Sao không cho thẳng ăn cắp đó một cú direct?" Anh lắc đầu: "Đừng không nên nói như thế... Ông ta có lý do chính đáng và khẩn thiết lắm mới làm như vậy". Ông ta là một tên đạo chích chuyên nghiệp. Tôi cũng sẽ xử sự như anh, trước một thực trạng đơn giản, cụ thể, như cái nghề của tên đạo chích chuyên nghiệp, Joseph Huỳnh Văn lại giống tôi ở chỗ từng học quyền Anh thuở thanh niên. Anh là người bạn duy nhất mà tôi đã dẫn tới nhà chị Tường ở Đơn Dương. Chị Tường là chị cùng cha khác mẹ với tôi. Chị rất đẹp, thứ nhan sắc thoát nhìn chỉ hơi đẹp, càng lúc càng thấy đẹp. Ngôi nhà của chị ở Đơn Dương rất đẹp, cái đẹp cũng giống nhan sắc của chị. Tôi đưa H giữ bức ảnh rất đẹp của tôi, chụp tôi cách đây hơn mười năm, ngồi trên bậc thềm ngôi nhà gỗ ấy. Chị Tường sống cuộc đời độc thân. Thỉnh thoảng tôi từ Sài Gòn lên Đơn Dương thăm chị, ở lại một

thời gian có thể tính hàng tháng, nhưng xen kẽ ngày tháng đó là những buổi đi chơi mịt mù phố xá Đà Lạt.

Lần này ngôi nhà rất đẹp của chị Tường có một nỗi bi thảm ẩn trong đó. Suối tóc huyền của chị Tường, như người ta vẫn thường nói vậy, đã rụng hết trơn trụi, tôi không thể mở mắt nhìn lâu chút ít khuôn mặt chị Tường. Lúc nào đây tôi ôm lấy thân dòng suối tắt...? Tôi đoán chị Tường sắp từ biệt sự sống, chỉ vài ngày nữa mà thôi. Hai, ba, hay bốn ngày nữa là cùng. Giọng nói của chị vẫn dịu dàng, có đuôi sức chút ít: "Cậu gì nhỉ, cậu gì là nhà thơ bạn của em, vẫn khoẻ mạnh đấy chứ?" Tôi nói: "Dạ". Tôi không dám nhắc lại tên bạn tôi, Joseph Huỳnh Văn, anh đã chết cách đây mười năm.

Joseph Huỳnh Văn, suốt cuộc đời chỉ là nhà thơ, toàn bộ cuộc đời nhà thơ chỉ làm vài mươi bài thơ. Mỗi bài thơ của anh là một dung tích những tinh huyết. Anh là một trong số hiếm hoi những nhà thơ có khả năng cụ thể hóa những gì trừu tượng và trừu tượng hóa những gì cụ thể. Cách đây trên mười năm, tôi đã đọc cho chị Tường nghe một bài thơ của Joseph Huỳnh Văn. Bài thơ viết về buổi chiều chia tay ở một cánh rừng miền Trung, giữa một thiếu nữ và một chàng trai lên đường nhập cuộc Cách mạng Mùa thu. Đôi mắt chị Tường hoen lệ. Chị nói: "Em đã kể chuyện của chị cho cậu bạn nhà thơ nghe phải không?" Tôi chỉ nghe một lần chị Tường nói chia tay người ấy ở cánh rừng

22 truyện ngắn

vùng Liên Chiêu, tôi không biết gì nhiều hơn nữa. Và chỉ đợi người ấy suốt đời.

Tôi nói với Nhị, cô sinh viên lười xóm của chị Tường bây giờ đã tốt nghiệp đại học: "Tôi đi Đà Lạt, tới trưa là về thôi". Tôi ngó chỗ chị Tường nằm, gặp lúc chị nhóm người lên nhìn tôi, và tôi nói vọng vào: "Em đi ra đây một chút xíu thôi chị à".

Đôi giày thô tháp của tôi đạp lạo xạo trên lối đi đầy sỏi đá. Một nỗi căm hận, nó vằng vặc trong đầu, nó lảng vảng chung quanh, nó ở rất xa chợt hiện diện sát gần. Ngôi nhà và bóng tối mừng độc, lối đi những viên đá cuội trơ cục, những dòng thơ đau đớn của một buổi chiều chia tay nơi cánh rừng bị đánh cắp, tên đạo chích vô hình, một ông ta khác, không đơn giản trộm cắp của cải vật chất của người ta, hẳn đã đốt phá, đám lửa nơi cánh rừng chỉ riêng chúng tôi nhìn thấy, Joseph Huỳnh Văn và tôi, chỉ riêng chúng tôi, trái tim bị thui đen như miếng mồi nhem nhuốc của loài ác thú. Joseph Huỳnh Văn, người mà nỗi ô nhục của bất cứ ai cũng làm trái tim anh bị tổn thương, đã căm hận: "Tôi tôn trọng các nhà thơ, nhưng ông ta... ông ta làm vậy... tôi phải nói rằng tôi không thể tôn trọng ông ta được". Tên đạo chích đánh cắp bài thơ, hẳn gán bài thơ đánh cắp nơi cánh rừng vào cảm đề từ một góc phố, trong brochure tranh triển lãm của một số họa sĩ chốn Kinh thành cũ. Hình ảnh chị Tường ở chỗ nằm trong ngôi nhà gỗ đầy bóng tối mừng độc bám theo từng bước chân tôi.

Tên đạo chích hợm hĩnh đeo mang chiến lợi phẩm, kêu đòi tàn sát sự sống trong thân thể chị.

Tên đạo chích chỉ chịu rời bỏ khi bước chân tôi tới bậc thềm ngôi nhà gỗ, con phố rất cao ở Đà Lạt, ngôi nhà gỗ này giống hệt ngôi nhà gỗ của chị Tường ở Đơn Dương. Tấm biển hiệu bằng gỗ thông, kẻ chữ kiểu cổ điển, dạng chữ không chân: VEGETARIAN RESTAURANT.

Bóng tối, vẫn là bóng tối ấy, nhưng không còn mừng độc. Bóng tối mềm mại không khác sự mềm mại của sóng nước dòng sông xanh, êm đềm, thanh thản. Tôi cởi đôi giày thô tháp để dưới chân cầu thang, bước lên lầu. Một thực khách người ngoại quốc ngừng ăn, ngó tôi và gật đầu chào. Vài ba người nữa, rồi tất cả thực khách, hết thảy là người ngoại quốc ở những đất nước phương Tây, mỗi người đều ngừng ăn giây phút để gật đầu chào tôi. Tôi chỉ có ý định uống một tách cà phê, một ly sữa đậu nành chẳng hạn, rồi cuộc tôi kêu một đĩa cơm đậu hũ. Chị Tường đã ăn đậu hũ trong suốt cuộc đời của chị.

Tiếng động khuơ trên sàn gỗ. Tất cả thực khách đều vẫn đi giày hoặc đi xăng đan khi lên lầu. Rồi tôi ngó cánh rừng thông bên kia thung lũng đang tỏa lên sương khói. Buổi chiều hôm qua, rời chỗ chị Tường, tôi ngồi bên cửa sổ căn phòng dành cho tôi trong ngôi nhà, ngó cánh rừng thông tỏa sương khói lam chiều. Rồi tôi ứa nước mắt, bài thơ ngắn ngủi của Joseph Huỳnh Văn đắm lệt. Tôi cầu nguyện cho chị Tường. Rồi hân hoan rạng mở, chị gặp lại

nhà thơ bạn em nơi êm đêm ấy, trong bóng tối ấy, chốn vĩnh hằng ấy.

10 giờ sáng. Tôi rời quán, gật đầu chào lại tất cả những thực khách người phương Tây. Họ hoàn toàn không mệt mỏi sau chuyến hành hương dài ngày vùng núi Himalaya, qua Katmandu, Karachi nữa.

Tôi không thấy một đôi giày hay một đôi xăng đan nào dưới chân cầu thang, kể cả đôi giày thô tháp của tôi. Nhưng không đến nỗi, chân tôi còn đi vớ. Dù sao, con đường từ VEGETARIAN RESTAURANT tới trạm điện thoại khá dài, lại không trải nhựa, mặt đường đất màu hạt cà phê có nhiều sỏi đá lụn vụn làm gan bàn chân tôi đau buốt. Cạnh sắc của một mảnh đá xanh trời lên mặt đường rạch đứt giữa gan bàn chân trái, máu thấm ướt dưới vớ.

Tôi nói chuyện điện thoại với H: "Chị Tường đã đi rồi". Tôi không muốn H ở mãi trong trạng thái hồi hộp về giây phút tàn hơi của chị tôi. H hỏi thăm, hỏi thăm mãi, từng giờ từng phút, kể từ ngày tôi lên Đơn Dương. "Chị Tường mất lúc mấy giờ hả anh?" Tôi nhìn vào chiếc đồng hồ to tròn trong một gian hàng phố, ngay trước trạm điện thoại: "10 giờ". H nói: "Giờ lành đấy, anh ạ".

Tôi trở về Đơn Dương, Nhị ngồi ôm mặt khóc trên bậc thềm ngôi nhà gỗ của chị Tường, nơi tôi đã ngồi chụp ảnh mười năm về trước. Tôi hỏi Nhị về giây phút chị tôi lìa đời. "Dì mất lúc 10 giờ 5 phút. Có lẽ là 10 giờ, cái đồng hồ của cháu hình như chạy nhanh 5 phút... Êm đêm lắm cậu

à, dì ra đi thanh thản, trông như dì đang ngủ... Trước lúc nhắm mắt, dì nhắc tên ông H.B., ông Joseph Huỳnh Văn, và tên cậu". Tôi hối tiếc không nói cho chị Tường biết, ông H.B., trong cuộc phỏng vấn những sĩ quan quân báo vào dịp kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, ông nhắc mãi tới chị Tường, người yêu của ông, mất tích từ thời gian ông nhập cuộc Cách mạng Mùa thu.

Một chín chín trên bốn một

"Quán đẹp thế này mà lại vắng khách nhỉ," người đàn ông nghe người đàn bà nói vậy. Người đàn ông tới trước, uống thật chậm ly chanh rum, uống hết chừng hai phần ba ly chanh rum thì người đàn bà tới.

Người đàn bà ngắm nghía tấm danh thiếp của quán đặt dựa vào bình hoa nhỏ bé trên bàn, có ghi giờ mở cửa quán: Từ 17 giờ tới 22 giờ 30. "Anh phải đứng ở ngoài đường đợi hả?" Người đàn ông im lặng. Như vậy thì ai mà chẳng hiểu rằng im lặng là đứng đợi ngoài đường.

Người đàn ông tới quán vào lúc 4 giờ 30. Cô chủ quán đứng phía trong cánh cổng gỗ sơn trắng đã hơi cũ và sạch sẽ, hai người cùng một lúc gật đầu chào nhau. "Cô còn nhớ tên tôi chứ?" Cô chủ quán nói tên người đàn ông, đúng họ nhưng sai tên, người đàn ông nói vậy, cô chủ quán nói lại đúng tên. "Cô có trí nhớ thật tuyệt vời." "Quán chỉ có ít khách lui tới nên cũng dễ nhớ." Cô chủ quán nói vậy, mặc nhiên lời khen của người đàn ông là quá đáng. Cũng không thể biết người đàn ông có thấy những gì là tuyệt vời trong cuộc đời này.

Chợt giọng nhẹ nhàng như hơi gió thoảng của người đàn bà: "Người đẹp chung thân của anh đó... có điều gì phàn nàn nhau không?" "Hể mình không phàn nàn ai thì chẳng ai phàn nàn mình." Người đàn ông nói vậy, mặc nhiên sự thật là người đàn ông và người đẹp chung thân không có điều gì phàn nàn nhau. "Đàn ông thường như vậy" người đàn bà nói. Người đàn ông lắc đầu: "Không có tôi trong đó đâu."

Người đàn bà nghiêng ngó chỗ này chỗ kia giống vẻ nghiêng ngó của con chim. Tuy nhiên sẽ thật kỳ dị nếu có một con chim như vậy, phải thật khổng lồ, và không thể tưởng tượng nó xâm nhập chốn này. Đột ngột người đàn bà nhìn thẳng gương mặt đối diện, cười không thành tiếng: "Anh không có trong đó thì anh có ở đâu?" Người đàn ông nói nhanh: "Tôi ở trên đường." Người đàn bà nói với vẻ nghi hoặc: "Chẳng lẽ chỉ có mình anh trên đường. Thế theo anh thì những người khác ở đâu?" "Những người khác ở đâu hả?" người đàn ông nói, "Ở trên giường."

Sau giây lát im lặng êm ả người đàn bà nhào thân mình nhìn ra ngoài cửa sổ, chỗ người đàn ông ngồi ở khoảng giữa khung gỗ hình vuông. Phía ngoài cửa sổ, một không gian hẹp, dài và tối giữa vách quán và bức tường rêu xám xịt có treo những chậu hoa phong lan. "Anh biết tên mấy thứ lan này không?" người đàn bà hỏi khi đã ngồi lại tư thế cũ. Người đàn ông nói tên một chậu lan, Vũ nữ, mấy thứ khác người đàn ông nói không biết và khen mấy

thứ lan đó đẹp hơn lan Vũ nữ, nhất là mấy chậu lan treo ngoài cùng, phía tay mặt cửa sổ. Người đàn bà nói: "Mấy chậu lan Hồ điệp đó, mà là hoa giả." Người đàn ông ngạc nhiên: "Thế à? Vậy thì tôi không thể ưa nó bằng chậu lan Vũ nữ chẳng mấy đẹp. Tôi không làm sao ưa được hoa giả, cho dù nó đẹp đến mấy đi nữa." Âm giọng người đàn bà vẫn nhẹ nhàng như hơi gió thoảng: "Chậu lan Vũ nữ đó cũng là hoa giả."

Quán sâu hút, ánh sáng đậm nhạt xen lẫn, chia những vùng không gian không đều. Cô chủ quán từ khoảng sẫm tối đi ra, dừng lại ngay phía dưới chiếc quạt trần im lìm. Người đàn bà hỏi: "Sao không treo biển hiệu quán ở ngoài?" Cô chủ quán giọng mềm mại: "Dạ." Người đàn bà tiếp tục thắc mắc sao không treo biển hiệu quán ở ngoài. Người đàn ông nói: "Hồi đó tôi có thấy treo biển hiệu. Tên quán Old Friends viết kiểu chữ Gothique trên miếng gỗ thông." Cô chủ quán gật đầu: "Dạ." Sau tiếng dạ mềm mại cô chủ quán đi chậm rãi quanh mấy bàn, mấy bình hoa nhỏ bé và từng ấy tấm danh thiếp. Người đàn bà nói nhỏ giọng: "Có thể bị thu thuế nếu treo biển hiệu."

Cô chủ quán lướt ngang qua bàn hai người. Tiếng người đàn ông: "Có lẽ nên treo lại miếng gỗ thông ghi số nhà, kiểu chữ Gothique, với mũi tên chỉ lối vào, Một Chín Chín, trên... mấy đó." Tiếng người đàn bà: "Trên mấy nhĩ?" Giọng mềm mại lướt qua thật chậm: "Trên bốn một." Người đàn ông nói: "Trên bốn mươi mốt... Lúc này H tìm

quán này chắc cũng phải lâu lắm.” Người đàn bà mỉm cười, lát sau nói: “Anh hút thuốc nhiều thế này không sợ lung phổi à?”

Chiếc vỏ bao thuốc rúm lại trên mặt bàn, người đàn ông chưa châm điếu thuốc cuối cùng, đợi nghe người đàn bà nói: “Bây giờ H mới quây chứ trước kia tuyệt đối không.” Người đàn ông hỏi: “H quây như thế nào?” Người đàn bà dang hai cánh tay ra một khoảng rộng trước mặt: “Nhu tới đây uống cà phê với anh.” Người đàn ông châm điếu thuốc cuối cùng, nói: “Tôi không thích tới đây mấy. Tôi muốn rủ H tới một quán rượu. Nó là một cái hầm.”

Người đàn bà nói nhanh: “Hồi ký viết dưới Hầm.” Người đàn ông gật đầu: “Đúng, nó là cái hầm, để bọc bạch trần trường gì cũng được, và uống rượu tới xin.” Người đàn bà lặng thinh hồi lâu rồi nói: “H chỉ đi uống cà phê với anh thôi... Chỉ tới mức đó thôi, không thể xa hơn.”

Người đàn ông dụi mẩu thuốc trong cái gạt tàn, lấy ống vố trong túi vải treo sau lưng ghế. Người đàn bà ngó chăm chăm cái ống vố. Người đàn ông nói: “Ống vố này người yêu của H tặng tôi đấy.” Người đàn bà không nói gì, im lặng tới lúc người đàn ông châm thuốc ống vố, vừa bập bập cối thuốc ống vố vừa ngó cánh tay người đàn bà đặt trên mặt bàn, chỗ mấu xương cổ tay cong vẹo như mấu cành củi. Người đàn bà nói: “H bị giựt đồ té xe mấy lần, đập cánh tay này xuống đường.” Người đàn ông đưa một bàn tay sang nắm chỗ mấu xương ấy hồi lâu, nói: “Không

phải tôi lợi dụng cơ hội để sờ mó H đâu." Sau một khoảng im lặng êm ả người đàn ông nói: "Tôi là bạn của ông M từ hồi ở Kinh thành cũ." Người đàn bà mỉm cười: "Anh thấy bạn của anh là người thế nào?"

"Là người thế nào hả?" người đàn ông vừa bập bập cồi thuốc ống vố vừa nói, "Phong nhã tươi đẹp y chang đám phong lan giả ngoài này, chỉ khác là đang treo ở Một Nơi Sạch Sẽ và Sáng Đền." Im lặng một chập người đàn ông nói: "Tôi bịa ra đó. Cái ống vố này đúng là của ông M, nhưng không phải ông ấy tặng tôi. Ông ấy sưu tập đủ thứ, cóc cho ai cái gì hết. Tôi cướp giật của ông M đấy. H không thấy tôi là một gã bặm trợn hay sao?"

Người đàn bà nhìn thẳng gương mặt đối diện: "H không thấy anh bặm trợn. Anh rất hiền... Nói năng có hơi cộc cằn nhưng tâm hồn anh nhân hậu."

Người đàn ông gõ ống vố vào cạnh cái gạt tàn cùng lúc những bước chân đi tới, đám trai gái ù vào một bàn ngay phía dưới chiếc quạt trần. Bây giờ chiếc quạt trần không im lìm, nó quay nhanh và rất nhẹ hầu như không có tiếng động, chỉ quay mà thôi. Tiếng nói chuyện ồn ào của đám trai gái tụ quanh một khu vực nhỏ, như một cụm khói bốc lên từ bàn của họ. Giọng hát nữ lan dài một ca khúc muôn thuở của người nhạc sĩ Thân Phận Da Vàng. Người đàn bà mỉm cười, nói: "Anh có vẻ không thích nghe nhạc." Người đàn ông giọng gắt bần: "Không phải tôi không thích nghe nhạc, mà là tôi không thích nghe thứ nhạc này."

Các thứ ấy chuyển dịch mau lẹ đến nỗi chúng như thể chưa xảy ra, trong phút chốc chúng biến mất và phút chốc sau đó là khoảng trống vắng bản bật. Người đàn ông im ngó người đàn bà giống người ta nhìn sống bức tượng. Hai người trong giây lát cùng im ngó nhau, hai bán diện thanh tú, nhất là sống mũi thẳng của họ. Đột ngột như có đường dao sắc lẹm cắt ngang tấm phong cảnh, một cô bé xuất hiện, đi thẳng tới chỗ hai người. Cô bé đưa phiếu tính tiền. Người đàn bà nói: "Chắc 22 giờ 30." Người đàn ông nhìn đồng hồ đeo tay, nói: "11 giờ đêm rồi." Từ khoảng tối, giọng mềm mại của cô chủ quán: "Bonne nuit." Người đàn ông giơ tay chào khoảng tối: "Chúc cô ngủ ngon".

Ngoài cổng gỗ sơn trắng lúc này như ướt nước, người đàn bà nói nhỏ giọng: "Ngày mai ông M ở Mỹ về." Người đàn ông im ngó người đàn bà, giây lát người đàn bà lại nói: "Người bạn của anh không phải là thứ lan giả đâu, anh đừng quá kiêu ngạo." Giây lát người đàn bà lại nói: "Bữa nào gặp lại... ở quán rượu gì anh nói đó... Hồi Ký Viết Dưới Hầm."

Một nơi mất tích

(Nhân vật xưng) tôi, hẳn có thể trở lại căn nhà này vài ba lần hay vài ba chục lần nữa, ai mà biết được. Dù sao thì ngay lần này, lần mà tôi hiện diện ở đây, căn nhà đã không còn nữa. Tuy nhiên việc hình dung ra nó, căn nhà ấy, chẳng có gì khó khăn. Bởi vì căn nhà xoàng xĩnh tới nỗi chẳng có gì để hình dung, chẳng có gì hết. Một mái trú đột nát, bốn bề tường vách loang lổ, có một lỗ hổng, lũ chuột ra vào tìm kiếm thức ăn, chúng cư ngụ, hẳn thế, chúng sinh sản nữa, ở đâu đó trong bức tường.

Vài cái rương gỗ, một cái giường sắt nhà binh, vài quyển sách, một khung hình không có hình. Trên mặt một cái rương, tôi đặt bức thư đã xé mép phong bì, chặn trên bức thư bằng một cục đá cuội khá lớn. Bức thư ở đó chẳng nhắc nhở tôi gì hết, không chừng chỉ có cục đá cuội gây chú ý, bức thư chị Hợp mang tới giùm Hạnh. Tôi từng quen biết Hạnh, chị Hợp từng quen biết Hạnh.

Tôi quen cả hai người cùng lúc, chị Hợp và Thành, người chồng của chị. Một bạn học cũ chơi thân với Thành từ thuở nào, ngưỡng mộ Thành. Theo lời bạn học cũ nói về

Thành, tôi cho rằng Thành còn tự ngưỡng mộ mình hơn cả sự ngưỡng mộ của bạn. Suốt thời trẻ, anh ta chỉ vận quần lót, đi lại, ngắm nhìn mình trong gương ở phòng khách mỗi ngày ít nhất nửa buổi.

Chị Hợp tới lúc tôi vừa thức dậy, không phải chị tới sớm, mà là tôi thức dậy quá muộn. Chị ngồi trên mép giường sắt, trong nhà không có cái ghế nào, không có thứ gì để ngồi, ngoài cái giường tôi vừa ngủ dậy. Tôi đoán chị Hợp đã có con lớn tuổi, có thể đã lập gia đình rồi là đằng khác, sao chị ngồi rụt rè, ở mép giường? Tôi lấy nước mời chị uống, và tôi ngồi trên mặt rương gỗ, bên cạnh bức thư của Hạnh có một cục đá cuội khá lớn chặn giữ. Tôi hút thuốc và định nói gì đó chưa biết, chị Hợp nhìn chỗ bức thư có chặn trên đó một cục đá cuội khá lớn, "Anh đã gặp Hạnh rồi chứ?" Tôi lắc đầu. Tôi không tìm tới chỗ Hạnh ở làm gì, nơi mà Hạnh viết trong thư là đã rời khỏi. Chị Hợp không hỏi thêm lời nào, chị nhìn vu vơ các chỗ trong căn nhà. Cái nhìn lướt qua, trở lại, vẫn cái nhìn vu vơ, lướt qua lỗ hổng của lỗ chuột. Tôi nói khi chị không nhìn vu vơ nữa, chị nhìn tôi, cái nhìn có sự ngạc nhiên trộn lẫn nỗi buồn nào đó, cái nhìn làm tôi hối hận về sự ơ hờ của tôi đối với bức thư chị mang tới tuần lễ trước, "Tôi tưởng chị biết Hạnh đã rời khỏi đây?"

Chị Hợp cúi đầu, hai tay giữa hai chân duỗi thẳng, mái tóc chị hơi dài, dợn sóng chảy xuôi xuống hai bên khuôn mặt. Chị Hợp ngồi như thế một hồi lâu, chị ngược



khôn mặt, và tôi có cảm giác vừa đi qua con phố sau cơn mưa bốc lên mùi gỗ ẩm. Tôi đã đi qua con phố như vậy bao giờ chưa? Con phố ở đâu đó, hình như ông Jean-Paul Sartre đã đi qua. Có phải vì cái tựa quyền sách tôi vừa nhớ ra, tôi nhớ tới Thành, *buồn nôn*?

Anh ta dẫn cô cháu họ tới ở tạm trong căn nhà này, “chờ dựng thu xếp chỗ ở mới”, với xấp hình khoả thân mà anh ta tự hào về tay nghề nhiếp ảnh của mình, “những bức ảnh khoả thân cỡ quốc tế, chụp cô gái có thân thể đẹp tuyệt vời như thần Vệ nữ”. Chị Hợp chắc không hề biết những tác phẩm nghệ thuật của người chồng, những tấm hình khoả thân với đủ tư thế khiêu dâm của người cháu gái, chị Hợp là dì ruột.

Chị Hợp, vừa cúi xuống lại, bất chợt ngược khôn mặt, *con phố sau cơn mưa bốc lên mùi gỗ ẩm*, chị nhìn tôi, cái nhìn ngạc nhiên trộn lẫn nỗi buồn nào đó lạ lùng, cái nhìn chuyển nhanh sang vợ như làn khói thuốc lá tôi thờ. Tôi thề rằng tôi không tự chủ được gì hết, tôi vụt đứng lên, đi tới chỗ giường sắt, và chị ngã xuống, sém chút nữa va đầu vào vách tường. Tôi ôm choàng thân thể chị Hợp, chị giấu mặt trong tóc, tôi hôn vào tóc vào tai, tôi muốn ngấu nghiến chị như con thú đau đớn tuyệt vọng. Rồi tôi im sống. Chị Hợp khóc không tiếng.

(Nhân vật xưng) tôi không thể hiểu vì sao Thành biết chuyện này, sau hai tiếng đồng hồ chị Hợp rời căn nhà tôi ở. Anh ta là một nghệ sĩ nhiếp ảnh to khoẻ, nhưng

không phải vì thế mà tôi bàng hoàng. Tôi hãi hùng trộn lẫn lo sợ trộn lẫn hối tiếc, hoàn toàn vì chị Hợp. Thành gằn tiếng: "Cậu đê tiện lắm. Thế là hai kẻ đê tiện đã lộ mặt, đưa gian phu, đưa dâm phụ." "Không phải như vậy, anh hiểu lầm rồi." Thành cười nhạt, "Tôi không hiểu lầm. Từ lâu tôi đã biết tình ý của hai người. Và cậu còn đủ tự trọng để không chối cãi chuyện vừa rồi chứ? A ha, quần nhau đã đời trên giường lò xo sắt! Cả hai người cao đạo, bây giờ lòi cái đuôi chim chuột." Hình như tôi sắp đưa thẳng tay ra, bóp cổ tên tổ sư chim chuột chính hiệu. Hình như anh ta lùi lại một chút, giáng thẳng nắm đấm vào mặt tôi. Hình như máu mũi, máu miệng tôi phun ra, nhanh như bước chân anh ta rời khỏi căn nhà tôi ở.

Một cuộc chia tay

Một thứ hương lạ, loại nước hoa nào không biết. Tôi có nhiều ngày tháng sống dưới chân thang dẫn lên lầu vũ trường, cộng với nhiều ngày tháng thử nước hoa thật giả trong tiệm mỹ phẩm, vậy mà cũng không biết được. Ông ta theo tôi tìm ghế trống. Người đàn bà khá đẹp mắt hút trong đám đông vào rạp giờ entr'acte.

Hôm nay quả là một ngày hạnh phúc ngoài mong đợi. "Đi xem cải lương cũng hay, nào chúng ta đi!" Chúng tôi rời quán rượu vào lúc mà bình thường chúng tôi chưa rời. Một tháng, đúng một tháng, tôi quen người đàn ông tôi ái mộ, ông ta đẹp đẽ như hình ảnh người nghệ sĩ trong mường tượng của tôi, sang trọng và đơn độc. Ông ta luôn luôn ngồi uống rượu một mình, cái bàn sát ô cửa kính, nhìn ngó lảng đãng ngoài đường phố. Có một lần, người đàn bà nào đấy, tôi quan sát cách họ nói chuyện với nhau, biết không phải là vợ chồng. Người đàn bà đi ra, ông ta lại ngồi một mình, nhìn ngó lảng đãng ngoài đường phố.

Cái lần mà tôi buồn quá, uống rượu hơi nhiều, quá nhiều so với tửu lượng của tôi, tôi quen ông ta. Lúc ấy tôi

từ toa-lét đi ra, bước hơi nghiêng ngả, ngã chúi vào cái bàn ông ta đang ngồi, sát ô cửa kính, may không vỡ đồ gì. Ông ta kéo ghế bảo tôi ngồi đây, kêu người chạy bàn chuyển ly rượu và cái túi của tôi sang. Tôi không là gì cả trước một người như ông ta, tôi chưa tiện hỏi, và có biết ông ta là ai cũng vậy thôi. Ông ta nói chuyện dễ dàng, chuyện gì cũng được, và không để tôi móc túi trả tiền rượu lần nào: "Bữa nào tôi không có, thế nào chẳng có bữa như vậy, thì cậu trả."

Ông ta không tìm hiểu, hoặc ông ta không tìm hiểu cũng có thể biết tôi là loại người nào, bởi vì ông ta không một lần hỏi tôi làm gì, ở đâu, cả cái tên của tôi ông ta cũng không hỏi. Khi tôi vào quán, luôn luôn thấy ông ta đã ngồi ở chỗ cũ, ông ta vẫy tay thay lời nói tới đây ngồi. Một lần tôi mang tờ báo, ông ta giở ra đọc, mở trang trong đọc khá lâu. Tôi mua tờ báo này liên tục mỗi cuối tuần, chỉ để đọc truyện ngắn ở trang trong. Tôi hỏi ông ta: "Chú có thích đọc truyện ngắn đăng báo không?" "Truyện ngắn không đăng báo thì làm sao có để đọc... Mà thôi, xin đừng gọi anh là chú." Tôi bật cười thích thú, không ngờ ông ta nhắc, nhớ câu nói của nhân vật chú Đạt nói với nhân vật cháu Diễm trong cuốn truyện *Yêu* của Chu Tử, chủ tờ nhật báo *Sống* nổi đình nổi đám tại Sài Gòn ngày xưa. Tôi đọc báo từ thuở nhỏ, cái thuở tôi bán báo dạo trên hè phố. Thế là tôi quên khuấy hỏi lại ông ta có thích đọc truyện ngắn không, ông ta nào đã trả lời có hay không. Rồi tôi đoán,

22 truyện ngắn

mở trang trong khá lâu như thế, chắc ông ta đọc cái truyện ngắn trong đó, cái truyện ngắn tôi đã đọc trên xe buýt, trên đường từ khu phố tôi ở tới quán, bữa ấy tôi mua tờ báo từ sáng mà bận việc chưa đọc. Truyện viết về một cuộc chia tay, người đàn bà trong truyện đẹp và tính cách khá đặc biệt. Nhưng người đàn ông đã quyết định chia tay mỗi tình trong chính mình, khi ông vô tình biết người đàn bà có mối quan hệ sâu đậm với một lão già, kẻ tình nhân đốn hèn mà cơn u mê tăm tối đã trì giữ, khiến người đàn bà không thể rũ bỏ để trong sạch với tính cách đáng yêu của mình. Người đàn ông không biểu lộ gì để người đàn bà biết cuộc từ giã như vậy đã xảy ra trong người đàn ông, họ vẫn gặp nhau, như bạn đồng hành trên chuyến tàu cuộc đời.

Tôi vẫn gọi ông ta là chú, tự bực mình vì không cho phép mình gọi ông ta là anh như ông ta đề nghị. Nếu tôi hồn nhiên gọi ông ta như thế, chắc tôi sẽ thấy ông ta gần gũi hơn. Dù sao tôi cũng có niềm vui được ngồi uống rượu, nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất với ông ta. Tôi bảo ông ta giống papa Hemingway, dám nhìn nhận thất bại, nhà văn tài ba mà tôi ngưỡng mộ. Ông ta nhìn tôi, cười khó hiểu, nói: "Có thể tôi giống một nửa ông Hemingway của cậu." Tôi định hỏi tại sao chỉ giống một nửa, lại thôi, nghĩ chắc ông ta muốn nói ông ta không phải là nhà văn như papa Hemingway.

Vở tuồng cải lương sắp diễn, tắt đèn trong rạp và tấm màn nhung được kéo ra hai phía cánh gà trên sân khấu. Chúng tôi len lỏi tìm được chỗ ngồi ở một hàng ghế phía dưới. Sau khi ngồi ổn định trên chiếc ghế nệm, chiếc ghế nệm bị con chuột khổng lồ nào đó đục khoét một lỗ lớn khiến tôi phải ngồi hơi nghiêng người, tôi chợt nhận ra mùi nước hoa lạ lùng. Đây là mùi nước hoa đã bắt mũi tôi, mũi của một người từng có nhiều ngày tháng sống dưới chân thang dẫn lên lầu vũ trường, cộng với nhiều ngày tháng thử nước hoa thật giả trong tiệm mỹ phẩm. Mùi nước hoa thật gần mà không sức nức, người đàn bà ngồi cách tôi một chiếc ghế trống, chắc chắn mùi nước hoa tỏa từ người đàn bà này. Bà ta quay sang hỏi tôi: "Anh có diêm quẹt không?" Không lâu lắc một phút nào, tôi bật que diêm, đưa que diêm vào đầu điều thuốc người đàn bà đã ngậm trên môi. Người đàn bà, đúng là người đàn bà tôi chú ý, lẩn trong đám đông vào rạp giờ entr'acte. Khuôn mặt người đàn bà đẹp cực kỳ trước ánh lửa que diêm, bên cạnh người đàn ông già chát, có thể bằng tuổi cha của người đàn bà. Ông lão này hỏi người đàn bà, giọng Huế trọ trẹ: "Em không mang theo chewing gum?"

Không hiểu vì không chịu được khói thuốc, hay không ưa mùi nước hoa, "papa Hemingway" bảo đổi chỗ. Chúng tôi xuống ngồi ở hàng ghế gần cuối rạp. Tôi nói: "Chú có kịp nhìn thấy người đàn bà mời thuốc hút quá đẹp?" "Đúng rồi, quá đẹp". Ngay sau, tôi lại nói: "Chú đâu

nhìn rõ được. Que diêm mau tắt, chú lại ngồi cách xa". Ông ta nói đều giọng, bình thường ông ta nói đều giọng như vậy, khi có cơn hứng bất tử giọng nói ông ta cũng khá sôi nổi: "Tôi đã nhìn rõ người đàn bà này liên tục mười năm rồi. Bà ấy là vợ tôi." Tôi không dám nói thêm gì nữa về người đàn bà cho tới khi chúng tôi ra khỏi rạp hát cải lương. Rồi mỗi người một ngả. Trên xe buýt, tôi ở trong trạng thái xúc cảm tưởng chừng không chịu đựng nổi, không phải ở vờ tuồng bi lụy, hoàn toàn không phải, mà ở người đàn bà liên quan tới ông ta.

Hôm sau tôi trở lại quán, tự thú nhận tôi rất hồi hộp. Không thấy ông ta. Liên tục như vậy, nhưng ngày thứ tư, sau ba ngày vắng mặt, ông ta tới. Ông ta uống xong một ly rượu, thay vì kêu ly thứ hai, ông ta đưa tôi một phong bì khổ lớn, dày cộm, dán kín, đề tên người nhận: Ng.Ch. Ông ta lại đưa tôi giữ tấm hình người đàn bà có tên Ng.Ch. Khuôn mặt người đàn bà sáng láng, người ta có thể tin cậy hoàn toàn, không một chút nghi ngại. Nếu cho điểm nhan sắc, theo tôi là điểm trung bình cộng, nhưng với vẻ sáng láng thì khuôn mặt ấy xóa bỏ tất cả thang điểm cao thấp. "Người đàn bà này sẽ tới đây để nhận phong bì này, chậm lắm là một tuần lễ." Ông ta đi ra khỏi quán, tôi nhìn theo, mất dấu ở góc phố. Lần này tôi trả tiền uống rượu, hai ly của tôi và một ly của ông ta.

Tôi ngồi uống rượu một mình ở cái quán tôi đã ngồi như vậy nhiều năm, nhưng một tuần lễ tôi ngồi đây vì ông

ta. Cuối cùng, sau mười ngày chứ không phải sau một tuần lễ, tôi nhờ người quản lý quán rượu làm hộ cái việc ông ta nhờ tôi. Tôi không sợ ông ta sẽ buồn khi biết tôi làm vậy. Tôi không thể trở lại ngồi uống rượu ở quán với chỗ ngồi của người vắng mặt. Tôi không chịu đựng nổi. Hoàn toàn không. Một tháng sau tôi ghé quán gặp người quản lý, anh ta lắc đầu, chưa thấy người đàn bà như trong tấm hình, có tên Ng.Ch tới quán. Tôi nghĩ về ông ta, về người đàn bà trong rạp hát cải lương, về cái truyện ngắn trong số báo tôi đưa ông ta đọc, tên truyện là "Một cuộc chia tay". Tôi nghĩ về người đàn bà có tên Ng.Ch. Tôi nghĩ về tất cả. Ông ta bảo ông ta có giống papa Hemingway thì chỉ giống một nửa thôi. Tôi nghĩ ông ta giống toàn phần. Rất có thể, ông ta là tác giả truyện ngắn tự truyện trong số báo tôi mang theo tới quán. Rất có thể ông ta, nếu chưa, thì cũng sẽ tự sát.

Một tình huống khó xử

*Thế gian này là khủng khiếp,
khủng khiếp, khủng khiếp.*

Bertrand Russell

H không phải là một tình huống khó xử của tôi. H tự nhìn nhận mình là người phụ nữ lụy tình, và tôi thấy H đúng như vậy, u mê một lão già có bốn mươi năm kinh nghiệm mỗi chài phụ nữ. Tôi nói: "Anh sẽ chữa bệnh cho em", xem chừng H bằng lòng để tôi chữa bệnh. Dù sao H cũng không ngăn nổi ý muốn dò tìm lai lịch của ông thầy thuốc, có lẽ để xác định ông thầy thuốc xứng đáng chữa bệnh cho mình hay không. H nói: "Anh kể những mối tình của anh cho em nghe đi". Tôi phải nói tới một ngàn lần: "Anh chỉ được làm một thằng cha tự xực kẹc suốt bốn mươi năm mà thôi". Tôi lấy tuổi hai mươi làm điểm khởi sự cho hành trình tình yêu, và năm nay tôi sắp sáu mươi tuổi, chẳng bốn mươi năm là gì. H không tin, chính tôi cũng không tin, nhưng sự thật là vậy. Một ngàn người đã nói

rằng tôi khá đẹp trai. Bỏ qua chuyện nhan sắc vốn không được xem là quan trọng đối với nam giới, và như người ta thường nói "trai tài gái sắc", một ngàn người đã nói tôi là một nhà thơ có hạng, từ năm tôi hai mươi tuổi. Tôi nhớ năm đó tôi còn làm giùm bài thơ cho cô gái, em một người bạn, theo lời yêu cầu của cô, để cô gửi đăng trên báo xuân của trường. Tôi làm sao nhớ tên cô gái, nhưng còn nhớ vài câu thơ trong bài thơ tôi làm giùm cô: *Tôi nói tôi hoài mà tôi không nghe / Tôi bảo tôi hoài mà tôi không đứng lại / Đừng đi chơi khuya về ngủ rồi buồn...* Vài năm trước đây, tôi được nghe một ca khúc phổ bài thơ ấy. Có lẽ ông nhạc sĩ cũng chẳng nhớ tên cô gái, nên cũng không nghe ai nói đây là bài thơ phổ nhạc.

Tôi không có mối tình nào để kể cho H nghe, chẳng lẽ tôi kể những mối tình đơn phương. Giáng Châu là cô gái xứng đáng nhất để tôi yêu vào năm tôi hai mươi lăm tuổi. Năm đó tôi đi lính, chẳng có cô nào vào trại lính thăm tôi, như hầu hết đồng đội của tôi, người yêu có mặt bất luận khi nào có thể. Tôi viết một bức thư, tự thấy rất cảm động, và thắm sâu như tình sâu của chàng Werther, vậy mà cô Giáng Châu xem như tờ giấy lộn, chỉ để vút vào sọt rác. Và từ đó tôi quen với chuyện yêu đơn phương, và khi tôi làm thơ viết truyện, thì những chuyện yêu đơn phương chuyển đổi sang song phương quá dễ dàng. Cần thiết nữa là đẳng khác, cái chuyện yêu đơn phương ấy.

Nhiều năm sau đó, tới bây giờ, tôi vẫn làm thơ viết truyện, nhưng lúc ấy tôi đang là lính, thứ lính dử dội nữa là chẳng khác. Anh chàng đổ xăng vào xe Jeep có cái cần ăng-ten kéo cong từ phía sau xe tới phía trước xe, ngó phù hiệu con báo đen ở mũ bê-rê trên đầu tôi: "Binh chủng này là binh chủng gì hả anh?".

"Không binh chủng nào hết. Đại đội Hắc báo, tăng cường cho Sư đoàn 1 Hòa tuyến". Anh chàng nhìn tôi bằng con mắt khâm phục pha chút sợ hãi. Tôi đạp mạnh ga, chiếc xe Jeep lao tới như máy bay phản lực.

Tôi dừng xe ở một khu vực lạ hoắc, không thể nhận định nơi này thuộc vùng Thừa Thiên - Huế, hay Đông Hà - Quảng Trị. Từ ngôi biệt thự gần như hoang phế, thoát ra tiếng kêu rên đau đớn. Tôi vội vàng xách cái ba lô không kịp gài nấp, chạy lên bậc cấp của ngôi nhà. Tôi vừa chạm vào, hai cánh cửa gỗ mở ra căn phòng rộng rinh. Cô Giáng Châu chứ không phải ai khác, gương mặt đẹp và nốt ruồi đậm phía trái của chiếc cằm có chẻ giữa, cô ngồi như bức tượng đặt trên chiếc ghế bành. Người đàn ông ngồi sụp bên, hai tay ôm chân cô Giáng Châu, ông ta ngoái mặt ra phía cửa, nơi tôi vừa bỏ rơi xuống cái ba lô. Ông ta trắng trẻo, vẻ thư sinh nho nhã, ngược hẳn với tôi. Ông ta đi nhanh, cũng chỉ vài bước chân, đứng trước gã lính Đại đội Hắc báo mà rõ ràng ông ta tin tưởng có đầy sức mạnh. Ông ta khẩn nài: "Xin anh nói giúp tôi, bảo cô ấy vào phòng ăn cùng tôi". Tôi ngạc nhiên hết sức: Cô Giáng Châu

ngồi bình thản, đâu có vẻ gì giận dữ mà không cùng ăn với người đàn ông này, là chồng, hay là người yêu của cô. Tôi hỏi: "Cô ấy là vợ của ông? Cô ấy bị bệnh sao vậy?". Ông ta, môi đỏ hồng như trẻ thơ, mỉm máo nói: "Vợ tôi, nàng như thể bị chứng trầm uất. Tôi đã năn nỉ, dỗ dành bao nhiêu ngày rồi, nàng không chịu ăn uống gì cả". "Ông nói bao nhiêu ngày rồi không ăn uống, làm sao cô ấy chịu được?". Người đàn ông ngoảnh nhìn phía tay mặt, một phụ nữ có lẽ là gia nhân đứng bên cửa phía đó. Ông ta nói: "Nàng chỉ uống một chút nước mà thôi. Nàng bị trầm uất. Nàng cứ thỉnh thoảng nhắc tới một cái tên, như thể tên người tình của nàng. Mà không phải đâu, tôi biết nàng từ nhỏ, tới lúc thành hôn với tôi, nàng chưa hề yêu ai để mà nhắc cái tên như vậy. Tôi biết nàng đã bị bệnh. Cái tên nàng nhắc, không biết từ trên trời hay từ dưới đất, đã nhập vào nàng". Người đàn ông vừa nói tới đây, cô Giáng Châu lại nhắc cái tên mà người đàn ông cho rằng từ trên trời hoặc từ dưới đất nhập vào. Cô gọi tên tôi, chính xác cả họ và tên. Và giọng nói của cô không có chút gì là mê sảng. "Đấy, cái tên như vậy, nàng cứ nhắc mãi không thôi. Anh giúp tôi, giả bộ với nàng như cái tên ấy chính là tên anh vậy, anh nói nàng phải ăn một chút gì chứ". Không lâu hơn một giây, cô Giáng Châu vừa nhìn tôi vừa vẫy tay gọi tôi tới. Người đàn ông có chạm vào người tôi để thúc giục tôi đi tới chỗ cô Giáng Châu? Tôi không biết gì cả, chân tôi bước cũng chỉ vài bước là tới ngay bên chiếc ghế bành. Cô Giáng Châu



nhóm người lên một chút, vẻ mặt cô hiện rõ niềm hân hoan, cô nói: "Em biết mà, sớm muộn gì anh cũng trở về". Tiếng nói của người đàn ông phía sau lưng tôi: "Đấy, tôi nói đúng không, nàng bị ma nhập, nàng tin rằng anh là người mang cái tên đó".

Cô Giáng Châu chậm rãi đưa bàn tay ra, đặt bàn tay mềm mại đó lên bàn tay tôi, lúc này nó tự động đặt trên tay gỗ của chiếc ghế bành. Giọng nói như trách móc: "Em biết mà, đời lính cực nhọc nguy hiểm lắm, anh đi lính làm chi vậy? Tay anh khô héo, còn mỗi da bọc xương". Tôi nghe giọng nói, tôi nghe hơi thở, tôi nghe cái mềm mại của những ngày hư tưởng cô Giáng Châu, niềm hạnh phúc từ đâu vấy lấy tôi, chôn chặt tôi bên chiếc ghế bành. Bước chân đi giày đế da gõ lộp cộp trên nền gạch căn phòng, tôi giật mình, nhìn sống cô Giáng Châu nhóm hân người lên. Từ lòng chiếc ghế bành, thân thể cô như con trăn trườn sát tới bộ đồ lính bụi bặm của tôi. Trong một chớp nhoáng, cô Giáng Châu ôm ghì lấy đầu tôi, chiếc bê-rê Đại đội Hắc báo của tôi rớt xuống. Cô hôn tôi, gấn chặt đôi môi như đang trong cơn sốt, vào miệng tôi đắng ngắt vị xì-gà.

Tôi choàng tỉnh tức thời. Người đàn ông, một tay cầm khẩu súng colt 45 của tôi, một tay giơ tập bản thảo thơ cũng của tôi, chúng tuồn ra từ cái ba lô không gài nắp lúc nào tôi không biết. Giọng người đàn ông lạnh băng: "Té ra chính là anh. Chính là anh. Thế mà bấy lâu nay tôi tưởng vợ tôi bị bệnh. Còn cô, ha ha ha, cô đóng kịch khá



lắm, con dâu phụ". Những gì diễn ra ngay sau đó rất lộn xộn. Người đàn ông nhắm bắn tôi hay nhắm bắn cô Giáng Châu, hay nhắm bắn ai trước? Tôi chỉ biết sau giây phút rất lộn xộn, bao gồm giằng kéo, ngăn cản gì đó giữa người đàn ông và tôi, một tiếng súng nổ, cô Giáng Châu cùng tiếng kêu ngã xuống nền gạch căn phòng. Người đàn ông biến mất sau giây phút ngắn ngủi đó. Tôi đứng như bị trời trồng trong vài phút, bên cạnh người phụ nữ có lẽ là gia nhân, và phía trên cái thân thể im bật của cô Giáng Châu trải dài trên nền gạch.

Tôi ra khỏi ngôi biệt thự, không biết để tìm người đàn ông vừa biến thành kẻ sát nhân, hay trở ra chiếc xe Jeep có cái cần ăng-ten kéo cong từ phía sau xe tới phía trước xe.

Tôi không kể cho H nghe câu chuyện này, dù nó cũng ít nhiều mang tính chuyện tình. Tôi xếp nó vào một ngăn ký ức dành riêng cho gã lính Đại đội Hắc báo. Phát súng đó không phải do tôi siết cò, nhưng khẩu súng colt 45 là của tôi. Và bản thảo tập thơ của tôi mặc nhiên là tên phản gián khốn kiếp.

Một nỗi thăng thốt

*Mọi thứ sẽ qua đi, nhưng nỗi
thăng thốt luôn ở lại*

CHESTERTON

Tôi ngồi sau xe scooter người bạn lái trong cơn say. Tôi không say nhiều dù uống không ít rượu để ngâm chín con rắn hổ mang tại nhà một người em họ. Người bạn hiển nhiên say hơn tôi, anh lái xe chạy băng băng lên xuống đường đồi, đọc những câu thơ nghe quen lắm: Trái tim tôi không ở đây/ Trái tim tôi trên cao nguyên/ Đang chạy theo những hươu nai. "Nghe như thơ Robert Burns?". "Chứ ai nữa!... Mà tôi không bảo đảm trúng trật, trong cơn túy lúy này". Không phải như vậy, tôi nghĩ, say hay không say, nhớ trúng là nhớ trúng, nhớ trật là nhớ trật. Tôi nghe bạn hỏi: "Thế lão trưởng phòng giáo dục có vui lòng thấy tôi đi cùng ông tới dự tiệc?". "Làm sao tôi biết lão sẽ như thế nào. Tốt hơn cả là không cần biết". Chạy băng băng một hồi nữa, người bạn dừng xe: "Chiều đẹp thế này, ngồi đây chơi khoái hơn". Vừa dựng xe xong, thay vì ngồi xuống,



bạn nằm dài trên nền cỏ úa mòn, nói đúng là nền đất lơ thơ cỏ. Tôi không đủ say để nằm xuống như bạn, ngồi bó gối nhìn mặt trời đỏ gần đặng viền núi xanh thẫm phía xa, xem chừng chỉ cao ngang tầm mắt.

Người bạn nói: "Lão trưởng phòng có vẻ quan liêu lắm, tôi không thích gặp lão. Mà thôi ông ạ, tội mình nên tới dự bữa tiệc này, lão đã mời ông thật trịnh trọng, còn tôi thì ạp theo ông. Nên tới vì mấy cô gái Thái trong ban văn nghệ của phòng giáo dục sẽ hát hò gì đấy... Mấy cô gái Thái ở đây rất sành nhạc Trịnh Công Sơn mà các cô ấy gọi là "nhạc Trịnh", có một cô hát rất giống Khánh Ly, nghe giọng mà không thấy mặt, tưởng Khánh Ly. Thấy mặt thì còn thích hơn, cô này là đương kim hoa khôi của miền cao nguyên Lâm Đồng đấy. Tối nay còn một cô gái Thái là Việt kiều ở Mỹ về nữa, rất đẹp, Ava Gardner hồi trẻ mới là giống như vậy".

Tôi ngạc nhiên sao người bạn rành chuyện, quay nhìn bạn, đôi mắt anh nhắm lại như say ngủ: "Ngủ đấy à?". "Ngủ gì! Nghĩ tới mấy cô gái Thái thôi!". "Bạn nói có cô giống Ava Gardner, biết tên cô ấy không?". Bạn vùng ngồi dậy: "Một người tên Uyên. Có một người tên như vậy trong bữa tiệc tối nay. Tôi chỉ biết có một người tên như vậy, có một người nghe nói giống Ava Gardner, và có một hoa khôi giọng hát Khánh Ly". "Ai cung cấp cho bạn nguồn thông tin ấy?". "Bảo đảm không phải đài BBC. Lát nữa ông sẽ thấy".

Chiếc xe scooter lại chồm lên lao xuống thêm vài cây số đường đồi, tới phố huyện, tới cơ quan phòng giáo dục. Trưởng phòng giáo dục huyện Đức Trọng, trước "giải phóng" làm nhiều thơ, đã nổi tiếng, nhà thơ Phạm Cao Hoàng. Nghe nói anh thích đàn hát, hèn chi tập thơ xuất bản hồi đó có nhan đề "Đời như một khúc nhạc buồn". Anh và tôi biết nhau trên những trang báo văn nghệ Sài Gòn. Mấy bữa trước, nghe tin qua một người bạn, biết tôi từ Sài Gòn trở về cố quận Đơn Dương, anh mời tôi ghé Đức Trọng. Và gặp nhau, anh ngỏ lời mời thật trịnh trọng tới dự buổi tiệc tối nay. Anh đứng chờ trước cửa căn phòng rộng, đáng cao lớn uy nghi lại phủ thêm áo blouson to xù, cái bắt tay nồng nhiệt. Nhưng quả thật, tôi nhìn thấy cái nhìn lãnh đạm của anh trước người bạn đồng hành của tôi, dù sao người bạn này đã chuẩn bị tinh thần từ trước, và dù sao bạn đã đủ say để bất cần.

Tất cả đám đông chỉ chờ có thể, chúng tôi ngồi vào hai trong ba chiếc ghế trống. Tôi vừa an vị vừa tiệc nuôi, ngồi cùng phía thì làm sao nhìn rõ mặt các cô gái Thái. Dĩ nhiên bắt đầu buổi tiệc là tuyên bố lý do, ông trưởng phòng giáo dục nói liền: Đây là buổi họp mặt văn nghệ. Và liền sau đó, nhà thơ giới thiệu có giọng hát tuyệt vời của cô Thanh Liên, có ca khúc mới của chính đương sự. Và tất cả đám đông chỉ chờ có thể để vỗ tay vang căn phòng rộng, hiển nhiên là vang vọng ra ngoài những khung cửa sổ.

Không lâu sau, lúc mọi người nâng ly bia lên cao, rất may là chỉ cần nâng ly lên cao, bỏ qua thủ tục cụng những ly đó vào nhau, rồi uống, người bạn tôi đặt ly và đặt cả mái đầu trên mặt bàn đầy tô, đĩa các thức ăn, cùng chai, ly thức uống.

Và không lâu sau đó, trong lúc vài người đã bắt đầu mạnh dạn ăn uống, tiếng nói rộn ràng nhưng có âm lượng của ngói ẩm rêu mùa mưa bị vỡ, ông trưởng phòng giáo dục đầy tính văn nghệ thuyết trình về đợt sáng tác ca khúc mới của mình, và tất nhiên giọng hát Khánh Ly sẽ không cần hát "nhạc Trịnh" làm gì. Ngay từ khởi đầu buổi tiệc, tôi chỉ một tâm trạng xốn xang chờ thấy mặt cô gái Thái là Việt kiều ở Mỹ về, Uyên, Ava Gardner của dĩ vãng tôi.

Dù sao giọng hát của cô Thanh Liên cũng vẫn giống giọng hát Khánh Ly, và nếu những bài cô Thanh Liên hát là "nhạc Trịnh", thì hiển nhiên buổi hát của cô sẽ thành công gấp một ngàn lần bất cứ buổi hát nào của Khánh Ly. Ông trưởng phòng giáo dục dù sao cũng phải cố kèm chế cơn khát vọng văn nghệ để đồng tình với một, hai người trong bàn tiệc, tạm chuyển chương trình giới thiệu những ca khúc mới của mình, còn đâu hơn một nửa số lượng nữa. Tôi giật bản người khi nghe chính người chủ tọa buổi tiệc giới thiệu: "Tôi trân trọng giới thiệu nhà thơ hiện đại nhất hôm nay, đọc một sáng tác thi ca hiện đại mới nhất". Ông trưởng phòng giáo dục nói vậy, cũng còn may là không nói tên tuổi của tôi. Cùng cơn say, cùng một chút căm thù, vì

tôi nhận rõ trong ý nghĩa thật sự của lời giới thiệu, không nhiều thì ít những gì là mĩa mai, đổ ỹ, ghét bỏ cái mà ông trưởng phòng giáo dục gọi là sáng tác thi ca mới nhất của một nhà thơ hiện đại nhất hôm nay, tôi vụt lên tiếng khước từ chát chúa: "Tôi không có gì để đáp ứng thịnh tình của nhà thơ, nhạc sĩ Phạm Cao Hoàng, vì tôi đã từ lâu chuyển đổi việc viết, chẳng còn làm những gì được gọi là thi ca hiện đại... Không lẽ bây giờ tôi làm phiền tai tất cả quý vị bằng cách đọc một truyện ngắn hiện đại?... Nhân đây tôi cũng xin xưng tội: Tôi còn tập viết truyện ngắn hậu hiện đại, nghĩa là cái thứ còn gớm hơn cả hiện đại nữa".

Sau giây phút bất tỉnh của sự kinh ngạc và sự khủng khiếp, buổi tiệc tìm lại hưng phấn của cuộc liên hoan văn nghệ đàn ca. "Thôi, bây giờ tôi tự trình bày ca khúc số... trong album những ca khúc mới viết cho sự yên bình, vì thấy nó hơi khó cho cô Thanh Liên chưa tập thử qua nhiều lần", ông trưởng phòng giáo dục vừa nói vừa vận chỉnh những nút dây đàn Tây Ban cầm, rồi những vè mặt lắng nghe tiếng đàn mạnh bạo của sự yên bình, tiếng hát rồn rảng của lớp ngói ẩm rêu mùa mưa bị vỡ... Tôi bất chợt nhận ra sự vắng mặt của người bạn đồng hành, nỗi ngạc nhiên của tôi trôi tuột trong cơn mong ngóng cơ hội nhìn thấy Uyên, cái nhìn của tôi nghiêng lách, len lỏi qua nhiều che khuất của những người ngồi lân cận. Cùng với cơn say gia tăng, tôi đứng lên, ngật ngưỡng chỉ vì men rượu bia lộng hành, có thể vì vậy tôi bắt gặp đầu đó quanh

bàn tiệc, ánh nhìn của người nghĩ rằng mình đúng đắn, phải tỏ thái độ rằng sự ngạo mạn của tôi là đáng trách. Tôi sẵn lòng trả giá để thấy chân dung của linh hồn dĩ vãng tôi, quả thật Uyên có mặt ở đây như lời người bạn vừa mất tích đã nói. Quả thật đấy là khuôn mặt song trùng, thuở Ava Gardner uống rượu còn chừng mực, trong quán rượu của các tay đấu bò chưa sa đọa ở Madrid, và quả thật Ernest Hemingway có tới uống rượu ở đấy để nhìn chân tướng của sự dũng cảm, ông cùng lúc nhận ra ngay khuôn diện của người đàn bà đích thực là đẹp.

Tất nhiên ngay sau đó tôi lại ngồi xuống chỗ của mình, nghe một người nói: "VẬY là chàng râu ngô không tới được rồi". Vài ba người nói vài ba chuyện về người vừa được nhắc tới là "chàng râu ngô". Tôi không thể nào quên, nên nhận ra tức thì giọng nói tiếp theo những giọng nói về "chàng râu ngô": "Tôi liên tưởng *Chàng Râu Ngô* giống Chàng Đỏ, các chị có đọc truyện *The Red* của nhà văn Somerset Maugham rồi chứ?". Không phải cô gái Thái nào trả lời Uyên, mà chính ông trưởng phòng giáo dục trả lời, vì ông trưởng phòng giáo dục vừa rất văn nghệ, vừa giỏi tiếng Anh: "Tôi cho rằng Somerset Maugham hư cấu quá nhiều. Làm sao người ta từng sống với nhau mà không nhận ra nhau sau một thời gian xa cách?!". Tiếng Uyên vẫn như ngày nào, cách đây gần ba mươi năm: "Somerset Maugham đi đây đi đó rất nhiều, ông từng trải, nhưng khi viết truyện thì ông có toàn quyền hư cấu theo ý mình. Có

lẽ ông giả định một ngày nào đó sẽ có chuyện thật xảy ra như vậy". Tiếng cười rộn ràng: "Vậy là chị Uyên cũng nhận định như tôi về truyện *The Red*". Uyên chỉ nói mỗi chuyện ấy, tôi đoán chừng Uyên là cô giáo dạy môn văn ở một trường trung học hay đại học nào đấy bên Mỹ. Cho tới lúc mãn tiệc ra về, tôi chỉ nghe giọng Uyên qua mỗi chuyện ấy.

Uyên cùng đi ra một lượt với các cô gái Thái. Trên lối hành lang dài, tôi bước vội theo. Một bàn tay giá lạnh nắm lấy tay tôi, trì nín lại: "Chờ tôi với chứ... nhưng ông chờ tôi... mà ông có biết đi xe gắn máy không?". Tôi tuyệt vọng nhìn Uyên lên xe hơi cùng các cô gái Thái. Về nhà người bạn, rất may bạn lăn ra ngủ, tôi được một mình ngồi hút thuốc lá liên miên trên chiếc ghế đặt ngoài trời khuya giá buốt. Khuya lắm, Uyên tới tìm tôi, dáng Uyên vẫn hơi cao và hơi gầy, khuôn mặt vẫn hơi say rượu những đêm Madrid, tiếng nói vẫn nhỏ nhẹ, hơi đau ốm: "Anh thì chắc tin rằng cặp tình nhân 'chàng Đổ' có thật trong cuộc đời?". Nhưng đây là tôi mơ ngủ thấy Uyên mà thôi.

Sáng dậy, tôi biết tôi cần đi tìm ai. Tôi tới một ngôi chùa ở một nơi cách xa có vài cây số, gặp người đàn bà của tôi bây giờ. H tới thăm vị sư trẻ vừa được lên chức trụ trì. H nói: "Em đã đọc cái truyện mới nhất của anh... Rất tiếc bây giờ em mới hiểu, anh là kẻ lợi dụng ưu thế của mình để muốn viết gì về ai thì viết... anh lạm dụng ngòi bút quá đấy... em không muốn đọc những gì anh viết nữa". Tôi

đứng giữa nắng chói rát buổi sáng muộn, những tia nắng nhọn hoắt xuyên vào khắp thân thể. Tôi biết mình đang chịu đựng nhiều gấp một ngàn lần cái giá buốt của khuya qua. Tôi biết cơn thảng thốt này sẽ đi theo suốt cuộc đời viết văn của mình.

Hai người bạn Việt kiều

Cô Thúy hiền lành chân chất, dĩ nhiên. Năm 1977, cô Chín rủ cô Thúy cùng vượt biên. Chuyện may rủi không liên can gì tới chuyện sau đó cô Thúy kết hôn với tôi, kẻ ngàn đời xin nhận quê nhà là quê hương. Hiển nhiên tôi được nghe cô Thúy tâm sự về tình bạn thắm thiết giữa hai người, cô Chín cũng tốt lành như cô Thúy, đặc biệt cô Chín có năng khiếu hài hước hơn cô Thúy. Dĩ nhiên, như người ta thường nói: Hãy cho tôi biết bạn giao du với ai, tôi sẽ nói bạn là người như thế nào, cô Chín nghiêm nhiên chiếm một góc trong bộ nhớ và trong trái tim của tôi. Và có lúc, chẳng hiểu trái tim của tôi bị chứng sao đó, tôi ganh tị về tình cảm của cô Thúy đối với bạn gái của cô.

Trần, người bạn trẻ của tôi điện thoại: "Chị Chín hay Chính gì đó ở Úc mới về, nhắn chị Thúy tới chơi". Trần có mấy người chị ở Sydney, một trong mấy người chị đó có quen biết cô Chín, hình như hai người đều có máu văn nghệ, người chị của nhà thơ Trần thường nói chuyện với cô Chín về tài năng thi ca của cậu em ở quê nhà. Hơn thế nữa, cô Chín lấy chồng quê ở Gò Công, cùng quê với chị em nhà thi sĩ, và hơn thế nữa, chị em nhà thi sĩ, chồng cô Chín, thầy đều cùng quê với cô Thúy.

Trần điện thoại lúc 9 giờ tối, cả đêm hôm đó cô Thúy xao xuyến, chắc là vậy, cứ hết nằm lại lục cục hai chiều nghiêng, mấy thế ngồi, khiến tôi hình dung người đẹp chung thân của mình giống con sâu lùnh nhùng đo cho hết vùng đêm, và khiến tôi cứ chột thức giấc nhìn ra cửa sổ tối đen mà mong sao thấy trời mau rạng sáng. Hiển nhiên tôi cùng cô Thúy tới nhà người em cô Chín, nơi cô Chín ngụ khi về Sài Gòn. Không gặp, lại chờ tới chiều tối, cô Chín và chồng con đi thăm thú gì đó, chiều mới về. Tới thăm thì phải chờ sau một khoảng thời gian nào đó hãy tới, nghĩa là buổi tối.

"*You!* Gần hai mươi năm rồi đó!", Thúy nói, giọng đầy xúc động, chắc là vậy. Cô Chín không khác bức hình cô Chín chụp chung với cô Thúy cách đây gần hai mươi năm, và cô Chín xuất hiện bằng xương bằng thịt, vậy mà ngó nghiêm trang như tấm hình chụp lúc không cười. Mà một tấm hình chụp thì khó nói lên cái gì nhiều. Ấy vậy mà cô Chín bằng xương bằng thịt cũng chẳng nói gì hơn về dừng đứng, lãnh đạm. Về mặt mồi trí thức. Cô Chín nói người em pha hai ly cam bột Australia, mời cô Thúy và tôi uống, lịch sự như tiếp khách đến thăm xã giao. Cô Thúy nói, hỏi tùm lum. Cô Chín trả lời uể oải, miễn cưỡng. Tôi cũng nói, hỏi, vì thấy người đẹp chung thân của tôi sắp rớt xuống cái hố mang tên quê một cục. Tôi hỏi rằng cô Chín là bạn của chị nhà thơ Trần phải không? Cô Chín: "Nói là bạn cũng không đúng, nói không phải là bạn cũng không đúng". Hóa ra tôi, nếu từng làm thơ, chỉ có thể là một nhà thơ chân quê. Cô

Chín trả lời một nhà thơ chân quê như vậy thì làm sao hẳn hiểu. Có lẽ cô Chín thấy rằng tất nhiên tôi là độc giả của nền văn nghệ hậu hiện đại, vì ít gì tôi là bạn của nhà thơ Trần, nên cô phải có cuộc đối thoại thích hợp. Tôi lại hỏi rằng cô Chín ở Sydney có hay gặp gỡ cộng đồng người Việt Nam, ngoài mối giao du với chị của Trần? "Tôi vừa dự buổi tưởng niệm họa sĩ Lê Thành Nhơn, gặp tất cả những người Việt Nam ưu tú ở đây". Tôi mừng rỡ quá chừng, thế là có thể góp chuyện hăng hái: "Cô có đọc tờ Việt của...". Cô Chín, vẻ mặt hãnh diện: "Tôi không bỏ sót số nào. Đọc thơ Trần cũng ở tờ Việt". Cô Chín đã xác định được, rằng tôi chẳng có sáng tác văn nghệ gì, cái nhìn của cô nói lên điều ấy. Tôi thấy hơi quê cho người đẹp chung thân của tôi, định nói: lần nào hỏi mượn tờ Việt mà Trần có, cũng đều gặp lúc sở hữu chủ đã cho ai mượn. Hỏi địa chỉ của tờ báo Việt để gửi bài, Trần cứ phát huy tính đấng trí của nhà thơ, chẳng nhớ để ghi cho tôi. Tôi nói với cô Chín: "Cô và ông xã chắc có viết văn, làm thơ hay viết sách gì đấy chứ chẳng không". Cô Chín nói: "Tôi không có nhiều thì giờ rảnh". Một lúc sau cô Chín nói tiếp: "Ông xã tôi ngày nào cũng tới thư viện đọc sách, nghiên cứu". Hiển nhiên, ít nhất người chồng của cô Chín mà tôi chưa thấy mặt, lúc này chắc đang ở trên gác, là một nhà trí thức, một học giả. Đúng lúc này, cô Thúy nói với cô Chín: "*You* kêu ông xã xuống đây ta ngó mặt một cái!". Cô Chín nói, giọng lạnh lùng: "Anh ấy mới đi về, còn mệt". Đứa con của cô Chín từ

trên gác bước xuống, cô Thúy hỏi bạn: "Đệ tử của *you* hả?". Cô Chín và cô Thúy cùng ngó chàng trai đã bước xuống nhà dưới, sắp rẽ vào phía trong có nhà bếp và nhà vệ sinh, chàng giơ tay lên chào *Hello!*

Thôi thế chắc hẳn là lúc mãn cuộc gặp gỡ, cô Chín nói: "Có tí quà cho Thúy". Cô Chín lấy ra từ một cái túi nhựa ngay gần chỗ cô đang ngồi, một cái cục gì nhỏ nhỏ. Tí quà đó là cục xà bông ngoại, giống mọi cục xà bông Mỹ thứ thiệt và thứ dỏm bán đầy hàng dãy ở Sài Gòn, tất nhiên nó là cục xà bông Australia thứ thiệt. Tôi cam đoan cô Chín đã mang về năm, sáu chục cục xà bông, để làm quà cho năm, sáu chục người cô sẽ gặp ở quê nhà, những người có đủ điều kiện để mắc các bệnh ngoài da.

Đúng là cô Thúy hiền lành chân chất, thứ hiền lành chân chất chắc bền tới mức không gì có thể làm biến chất, cô nói với bạn, khi nghe bạn than thở về đây không biết làm gì cho hết thì giờ: "Tội mình hẹn bữa nào tụ ở nhà hàng nổi trên bến Bạch Đằng, *you* với ông xã, đệ tử, mình và ông Đạt, ông Trần nữa". Cô Chín, mệt mỏi như đã từng tụ một ngàn lần ở nhà hàng nổi trên bến Bạch Đằng với các nạn nhân của xứ sở này, nói: "Mình không dám hẹn... Về đây có ít ngày mà còn đủ thứ chuyện phải làm". Tôi nghe mà muốn chữ thề đủ má, con c, viết văn mấy tí dòng rồi, tôi chưa dám viết dòng nào mà câu sau chữ cha câu trước.

Sau lần gặp người bạn gần hai mươi năm nghìn trùng xa cách, lần duy nhất ấy, tới ngày cô Chín tạm biệt

chim én Sài Gòn, và ông xã cũng cần về Sydney để tiếp tục đọc sách và nghiên cứu ở thư viện, không một cuộc điện thoại chào *Hello! Goodbye!*

Rồi một cuộc điện thoại. Các cụ tiên sinh xứ sở phương Đông nói nào có trật: phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí, cuộc điện thoại của cô Tuyết, người bạn thân thiết thứ hai, và Thúy chỉ có hai người bạn gái thân thiết trong đời mà thôi, cô Tuyết ở California về, đúng ngày cô Chín trở lại thiên đường Sydney. Cô Thúy vừa sầu bữa trước, nên bữa nay không còn khả năng vui, nghĩa là chẳng còn xao xuyến được, một con sâu làm rầu nồi canh là vậy. Ấy tuy nhiên, hiền lành chân chất vốn là đức tính cần phải lưu giữ, và người chồng cô Tuyết với tôi cũng từng quen biết nhau, và người chị cô Tuyết ở quê nhà vốn là bạn thân thiết của ông Lý Thái Thuận, ít gì với ông Lý Thái Thuận, tôi có gấn bó một thời gian hơi dài trong công việc in ấn xuất bản phát hành sách trước ngày "Sài Gòn Giải Phóng", nên chẳng gì ngăn trở được nữa, tôi đi cùng Thúy tới gặp hai bạn Việt kiều.

Cuộc gặp gỡ diễn ra ở một nhà hàng gần nơi cô Tuyết ngụ. Tôi cần tế nhị, nói: "Mời hai bạn ăn uống bất cứ thứ gì ở đây, tôi đang bộn xu, mới lãnh nhuận bút cái truyện ngắn đăng trên báo *Tuổi Trẻ*, một triệu đồng lận. Báo của người Việt Nam ở Mỹ, trả nhuận bút một truyện ngắn có năm mươi đô thôi!". Cô Tuyết hào hứng mời gia đình chúng tôi cùng đi chơi ở Nha Trang, vào ngày mốt. Tôi nói: "Sẵn sàng, nhưng chỉ thẳng bé đi chung xe với gia

đình bạn, còn hai đứa tôi đi xe hai bánh gần máy. Tụi này thích đi xe hai bánh. Nền văn minh Việt Nam là nền văn minh xe hai bánh mà". Cô Tuyết nói: " OK! Chiều mai tụi này gọi điện thoại báo giờ giấc lên xe".

Chiều mai dài hơn cái thuở, không có cuộc điện thoại nào hết. Cho đến khi cả gia đình cô Tuyết trở lại thiên đường California, bật bóng và bật sóng. Cô Thúy nói: "Sao Tuyết nó lại như thế nhỉ?" Tôi nói: "Anh chợt nhớ ra, cô ấy hiểu câu nói đùa của em thành câu nói thật: Con gái mi nhỏ hơn con trai ta một tuổi, lại cùng học ngành công nghệ thông tin, tụi mình kết nghĩa sui gia được đấy. Còn anh thì nói để cho thằng bé đi chung xe có ái nữ của cô ấy ra Nha Trang, làm sao cô ấy chẳng sợ bị vướng vào lời dạm ngõ của những người Việt Nam, để sau đó phải lo cho thằng con mình sang *xứ sở thiên đường*". Cô Thúy đau khổ nói: "Bạn bè thân thiết với nhau, sao có thể nghĩ về nhau như vậy nhỉ? Một câu nói đùa mà hiểu là thật, không nghĩ mình hiểu như thế là làm tổn thương bạn?".

Cô Tuyết cho rằng cô Thúy hiền lành chân chất nên không biết nói đùa. Ấy tuy nhiên tôi xin thề là cô ấy biết nói đùa, và biết suy tư nữa. Cô ấy nói ông Thanh Tâm Tuyền biểu tình bạn giữa phụ nữ có thể kéo dài suốt đời, nhưng tình bạn giữa đàn ông thì khác, họ có thể chấm dứt ở giai đoạn nào đó. Em thấy căn bản của tình bạn cả nam lẫn nữ ở chỗ sự đẹp đẽ của tâm hồn. Lúc tâm hồn hết đẹp, chẳng còn tình bạn nữa.

Thời gian của chuột

Từ thừa nào, "Nơi Trú Ẩn Hoang Đường" đã được sắp đặt cho loài chuột mang những bộ lông bằng đủ thứ vải và len, chui vào đây yên ổn gặm nhấm cà phê. Ở cùng tận của "Nơi Trú Ẩn Hoang Đường", một con chuột chủ không gặm nhấm cà phê, gã nốc rượu để từ lúc thành phố còn mù sương sớm. Mí mắt gã sưng mọng sụp xuống, gã chỉ cần nhìn ly rượu, và khi không còn chút hy vọng nào, không có ai, từ chủ đến khách, quan tâm cho gã thêm rượu, gã cố nhướng đôi mí mắt, lúc ấy hai con mắt trời ra đời dẫn tuyệt vọng. Chủ quán, một lão nhà quê tinh ranh, biết rõ mình chỉ cần bấy nhiêu nghĩa cử là đủ cao thượng: Bồi thí cho gã một hai ly rượu mỗi sáng. Còn ai nấy cứ tiếp tục gặm nhấm nỗi buồn, mặc gã ở xó kẹt kia thường thức mùi vị cuộc đời, trong thế giới hôi hám riêng biệt của loài chuột chủ.

"Thưa ông, quán này giống cái hang của chuột".

Người khách lạ của "Nơi Trú Ẩn Hoang Đường" lên tiếng. Anh ta ngồi cùng bàn với tôi. Anh ta là Người khách lạ thật sự, lần đầu tiên chui vào cái hang của chuột. Tôi nói: "Nơi Trú Ẩn Hoang Đường, tôi gọi quán này như vậy".

Anh ta cười thân thiện, nói rằng cả thành phố này là nơi trú ẩn hoang đường.

"Nhiều đêm, thưa ông, tôi chú tâm nhìn một ngôi nhà sáng đèn, để ngay sáng hôm sau vô phương tìm thấy lại".

"Tôi cũng từng có kinh nghiệm ấy".

Vừa nói tôi vừa nhớ lại những ngôi nhà lô nhô sáng lên trong đêm, chúng nổi rõ những khung ánh sáng đủ màu, những hình thù mơ hồ kỳ dị. Chúng xuất hiện đột ngột, từ đâu rớt xuống hay từ đâu mọc lên, dính chặt vào hư không. Những khung ánh sáng lần lượt phụt tắt, hoặc mau hoặc chậm. Chúng tan biến trong bóng tối. Tôi hoài nghi, liệu chúng có thật hay ảo ảnh?

"Kinh nghiệm à?" Tôi giật mình vì anh ta lên tiếng. "Tôi chỉ tìm kiếm điều bí mật. Tôi bị hút vào đấy".

"Bị thu hút, hay chính anh bạn tình nguyện?".

"Tôi cũng không biết nữa, thưa ông".

Đặt bàn tay lên bàn tay tôi, anh ta nồng nhiệt:

"Thưa ông, uống một ly rượu chứ? Rượu gì nhỉ? Ở đây có thứ rượu gì chắc ông biết?".

Tôi không biết ở đây có thứ rượu gì khác thứ rượu dành cho gã chuột chù, gã giữ ngôi nhà yên tĩnh nhất trong bệnh viện, mang tên "Nhà Vĩnh Biệt".

"Tôi có rượu Vodka đấy, hai cậu ạ".

"Rượu Vodka!"



Lão chủ quán thính tai, hay lão rình rập ở xó nào? Anh ta gật đầu với lão chủ quán.

“Cậu gọi hai ly hay cả chai ạ?”

Giọng điệu lễ phép khúm núm, lão chủ quán hỏi kỹ lưỡng. Anh ta bảo cả chai. Tôi bối rối vì chai rượu Vodka, sáng chỉ gặm nhấm thứ nước đậm đen cổ hữu.

“Tôi sợ không uống được nhiều thế”.

“Ít nhiều cũng vậy, thưa ông”.

Chai rượu đã có trước mặt, rượu Vodka sản xuất tại Ba Lan. Anh ta rót rượu thận trọng, đặt chai rượu giữa hai ly vừa rót đầy.

“Xin cùng cạn nỗi đau khổ Ba Lan”.

Tôi cụng ly với anh ta, hỏi tại sao lại là nỗi đau khổ Ba Lan?

“Ông chẳng thấy vậy sao? Âm nhạc Ba Lan chứa đựng điều đó”.

Từ lúc chúng tôi uống rượu, lão chủ quán cho mở máy hát trong quầy gỗ cũ xin không thể gọi tên màu sắc gì, tiếng hát eo éo của một gã ái nam ái nữ.

Trước mặt tôi là một chân dung điêu khắc, tác phẩm nghệ thuật ấy được tẩm một thứ nước sẫm màu, anh ta truyền thông nỗi đau khổ trừu tượng hoá bằng câu chuyện âm nhạc, âm nhạc Ba Lan. Quả thật tôi ngắm nhìn anh ta. Đây là một kẻ tha thiết yêu đời, tinh tế và mơ mộng, anh ta đang nói về âm nhạc Ba Lan mà tôi hiểu rất ít.

“Anh bạn mơ mộng ơi, một biển sương quá mù mịt, tôi chẳng thấy gì”.

"Tôi không mơ mộng đâu, thưa ông". Anh ta ngừng giây lát, nói tiếp như khẩn cầu, thuyết phục, "Tôi buộc phải nói với ông rằng tôi đang đi tìm người chị họ. Tôi tìm kiếm đã tám năm, ở hàng chục thành phố. Tôi vừa rời Nha Trang, ở đây lâu nhất mà chẳng may may hy vọng".

Thứ nước sẫm màu tẩm vào chân dung điêu khắc là nắng gió thành phố biển, dù tin lời anh ta, nhưng tôi chợt nghĩ anh ta là kẻ mộng du.

*

Anh ta trở lại mỗi sáng, hiển nhiên gia nhập đoàn lũ những con chuột cô đơn của "Nơi Trú Ẩn Hoang Đường", mà trong lúc cùng im nghe tiếng gió hú thét trên đồi, chúng tôi liên tưởng tới *Đỉnh gió hú* của Emily Bronte, đổi tên quán là "Lỗm Gió Hú". Chúng tôi trở nên đôi bạn, gần bó ở đây có thể vì tiếng gió hú thét trên đồi, tiếng gió dữ dội, hung bạo như mỗi cảm dỗ đen đúa mù mịt, phủ chụp hết thảy những con chuột và những nỗi buồn, nỗi đau đặc biệt của số phận gã chuột chù, đến lượt anh ta, đích danh là con chuột bạch với nỗi sầu quý phái.

Tôi thường tự hỏi có một tạo hoá đã làm nên tất cả, sắp sẵn mọi thứ, và cái hang hốc này có những đại diện lần lượt thả mồi cho lũ chuột chui vào gặm nhấm. Phía trên cuộc sống ấy, ngọn đồi được vun lên làm cái mái che đây, những trận gió réo rít bất tận thông điệp khó hiểu của đấng vô hình.

"Chúng rượt đuổi gì vậy... Cuộc rượt đuổi vô tận".

Tôi nói với anh ta, hẳn là anh ta cũng đang nghe tiếng gió hú trên đồi, chúng quấn siết, buông rời, tiếp tục cuộc rượt đuổi qua đồi thông. Phải chăng chính anh ta đang rượt đuổi hình bóng ảo? Anh ta nhìn tôi khẩn thiết:

“Ông không tin người chị họ của tôi có thật?”

“Tôi tin chứ... Tôi từng tin những nỗi ám ảnh bí mật”.

Gương mặt sống động, anh ta vỗ nhẹ bàn tay lên vai tôi:

“Không có gì bí mật đâu, thưa ông. Thuở nhỏ tôi và chị Nhã, con bác tôi, ở Bà Rịa. Chủ nhật nào chúng tôi cũng được ra biển Vũng Tàu. Chị Nhã cùng tôi đùa giỡn, bắt những con dế tràng, lượm vỏ ốc trên bãi. Sống gần chị Nhã được mười năm, gia đình tôi lên Đơn Dương. Sau nhiều năm, ghé lại Bà Rịa, gia đình bác tôi vẫn ở đây, nhưng thiếu chị Nhã. Tôi chỉ còn nghe nói về chị: Chị đã là một thiếu nữ xinh đẹp, *và đã ra đi vì một chuyện đau buồn, vào năm mười sáu tuổi*, bác tôi chỉ nói vậy. Những người khác trong gia đình còn cho tôi biết ít hơn: Họ im lặng! Từ đó những câu hỏi thôi thúc tôi như lửa đốt. Những năm tháng của đời chị ra sao? Ai trả lời cho tôi về điều bí mật?

Chai rượu Courvoisier anh ta mua ở đâu đó mang theo uống đã với hết một nửa, hình thù cái chai to bè nặng trĩu như sắp mềm chảy. Anh ta nhấc chai rượu lên rót tiếp, cánh tay gầy guộc có lẽ trước đây trắng xanh và đường gân mờ hiện, bây giờ r ám nắng miền biển, cổ tay mang

chiếc đồng hồ điện tử có chuông báo giờ như chiếc đồng hồ của tôi, chỉ để ở đầu giường báo tôi thức lúc sáu giờ.

Tôi hỏi vợ vẫn chuyện đồng hồ anh ta có để báo giờ không, mong quên cái trữu nặng hiện tại. Anh ta gật đầu:

“Tôi để báo thức mười hai giờ đêm, thưa ông”.

Đấy là giờ thức dậy làm việc của những ông Balzac, liệu chừng anh ta thức giấc vào giờ ấy để viết văn?

“Anh bạn thức dậy rồi làm gì?”

“Ra đường, đi lang thang suốt đêm, có vậy thôi, thưa ông”.

Anh ta ra đường để mong gặp gỡ định mệnh, có khi xuất hiện trở trên như vậy? Liệu anh ta có tưởng tượng người chị họ của mình đứng đầu đường góc phố lúc nửa đêm? Anh ta cũng chẳng ngủ gì cả sau đó, từ lúc tôi quen anh ta thì sáng nào anh ta cũng có mặt ở cái hang này.

“Tôi ngủ rất ít, thưa ông”. Tôi chưa kịp hỏi thì anh ta nói. “Có thể tôi ngủ trước đó rồi thức giấc theo đồng hồ báo giờ. Có thể tôi ngủ lúc đứng lúc ngồi, hay vừa đi vừa ngủ trên đường”.

Tôi ngạc nhiên về khả năng của anh ta trong việc ngủ, cuộc tìm kiếm người chị họ của anh ta cũng lạ lùng. Anh ta không biết gì hơn cái hình ảnh của chị lúc mười tuổi, chị ra đi vì lý do nào? Tôi không khỏi đặt vài giả thiết, nhưng cho rằng người ta thông minh, hiểu đời tới đâu, cuối cùng rất nhiều giả thuyết đã sai, cuộc đời có những sự thật vượt ngoài sức tưởng tượng của nhà tiểu thuyết.

“Có cái tiền định thật đấy, thưa ông... chẳng hạn cái tiền định trong việc ngủ của tôi. Nếu không thể ngủ lúc đứng lúc đi, thì tôi chẳng có lúc nào để ngủ”.

Đôi mắt anh ta như ngái ngủ, có thể anh ta vẫn ngủ lơ mơ trong lúc uống rượu. Nhưng anh ta đang thức, khẽ kéo tay tôi:

“Ông nhìn xem, có phải ngài kia bị bệnh xơ gan không?”

Anh ta ngó gã chuột chù đang lằm lũi đi ra cửa hang. Tiếng “ngái” dành cho gã là sự tôn trọng khá mỉa mai, nhưng anh ta gọi gã bằng tiếng ấy lại chỉ giống như trẻ con dùng sai từ.

“Có lẽ hẳn không còn lá gan để mang bệnh nữa. Hẳn uống rượu thay cơm từ ngày làm việc ở nhà xác”.

Anh ta chú ý đặc biệt, nhìn hút theo gã, lúc ấy đã đi lên tới mô đất cỏ úa trên đồi, tiếp đó là lối mòn dẫn xuống khu vực bệnh viện. Anh ta nói với vẻ hứng chịu.

“Tôi có gặp con người khốn khổ ấy ở đây cũng là tiền định”.

Sau một hồi im lặng khó hiểu, anh ta bảo:

“Cả người chị họ của tôi, tôi sẽ gặp lại ở đây”.

Anh ta linh cảm điều gì đấy, có lẽ “giác quan thứ sáu” báo cho anh ta biết nơi chốn định mệnh?

*

Chúng tôi luôn luôn tới đây lúc bảy giờ. Lồm Gió Hú ồn ào khác hẳn thường ngày, ở các bàn, loài chuột rục rịch

như chuẩn bị một cuộc tấn công mùa màng, ai mà chẳng cố gặt hái cho riêng mình phần lợi lớn nhất. Gã chuột chủ vẫn nhìn xuống mặt bàn, trên đấy cái ly tro trọi đã được rót thêm rượu lần thứ hai, có thể còn được rót thêm lần thứ ba, trong buổi sáng rộn ràng hiếm hoi này.

Tôi nhìn lướt chung quanh một lần nữa, đúng lúc ấy gã chuột chủ ngước lên. Khác hẳn mọi khi, hai con mắt gã sáng rực loé lửa. Hai đốm nhỏ xíu kỳ quặc chiếu về phía chúng tôi.

Anh ta cũng nhìn gã, cùng lúc những lời bàn tán to nhỏ, tiếng cười rộ...

"Chỉ mình chú Nghệt có thẩm quyền về người đẹp đấy nhé".

Bộ mặt đờ đẫn ù lì, Nghệt đúng là cái tên khai sinh của gã chuột chủ.

"Đẹp tới đâu thì bây giờ cũng chỉ là cái xác hôi thối không ai nhìn nhận".

"Một người đẹp nồng nặc sắc hương tử khí".

Một nỗi căm giận khiến tôi muốn thét lên, *Các vị câm miệng lại!* nhưng lúc đó một gã còn chút tư cách đã thốt:

"Cứ gì xác chết mới hôi thối, con người sinh ra đã dơ bẩn rồi".

Giống như tiếng than, một ý tưởng triết học, có thể vì vậy mà mọi con chuột đều trầm ngâm, thường thức tiếp vị đắng của nỗi buồn trong ly cà phê.

"Tôi đã nghe chuyện này", anh ta thì thầm, "chiều hôm qua, một cô gái rất đẹp, trạc tuổi tôi, chết vô thừa nhận ở bệnh viện. Chết đột ngột trong cơn đau tim".

Lát sau, không còn là thì thầm với tôi, anh ta lẩm bẩm một mình: "Chẳng nhẽ lại như vậy?"

Từ xó kẹt, hai chấm lửa soi về phía chúng tôi một lần nữa. Anh ta đã có linh cảm từ mấy ngày trước, liệu cuộc tìm kiếm của anh ta tới hồi kết thúc? Anh ta sẽ tìm lời giải đáp cái bí mật người chị họ đã mang theo từng ấy năm, qua một tử thi câm nín tuyệt đối?

"Anh tin người ấy là chị Nhã".

Anh ta gật đầu:

"Tất nhiên tôi có thể lầm, cũng hy vọng như vậy. Nhưng nếu không phải là chị, chẳng biết tôi sẽ ra sao nữa. Có lẽ số phận đã định cho tôi chỉ gặp được chị qua cái xác không hồn".

Câu chuyện của chúng tôi may không có gã nào chú ý, và lại không có gã nào ngồi gần bàn chúng tôi. Những gã ấy chỉ chú ý chiếc bàn ở xó kẹt, một gã phóng tới đó lời giễu cợt:

"Vinh dự cho chú Nghệt, được lau rửa tắm thân ngà ngọc, lau rửa đến nơi đến chốn, từng thứ một". Những tiếng cười của đồng bọn.

"Tôi sẽ điều đình với ngài kia". Anh ta nhìn phía gã chuột chù. "Chờ ngài ấy đi ra, tôi theo về nhà xác".

“Làm sao biết được gì ở một cái xác? Có dấu vết đặc điểm nào để anh nhận diện?”

“Tất nhiên tôi biết đấy là cái xác, làm sao hơn được... còn dấu vết... không phải trên mặt... một cái bớt màu đỏ thẫm trên bờ vai trái”.

“Vậy thì được đấy... Anh nhờ người giữ nhà xác tên là Nghệt xem xét giùm. Anh chàng đó sẽ lau rửa tử thi”.

“Tôi muốn vào nhận diện... Tất nhiên tôi sẽ đền ơn ngài ấy”.

Vẻ mặt anh ta thật căng thẳng. Gã chuột chù quả nhiên đã cạn ly rượu thứ ba trong buổi sáng huy hoàng của gã, đứng dậy, và lại một lần nữa ngó về phía chúng tôi. Anh ta hỏi gấp gáp: “Ông có bao thư không?”, sao lại đúng lúc tôi có một xấp phong bì trong túi xách.

Anh ta bỏ vào phong bì nhiều tờ giấy bạc lớn. “Tôi sẽ tặng số tiền này để ngài ấy uống rượu”. Trước khi anh ta đi theo gã chuột chù tới nhà xác, tôi chỉ còn biết căn dặn anh ta đừng gọi gã là “ngài”.

Anh ta xuất hiện trên mô đất cỏ úa, bước lần bậc cấp lát đá thô dẫn xuống quán, chẳng có gì để vội nữa. Tôi hỏi và anh ta lắc đầu thay câu trả lời. “Ôi, may sao là vậy”, tôi nói và cười nhẹ nhõm, nhưng anh ta bài hoải hơn lúc nào, ngồi xuống chiếc ghế không màng sửa lại cho ngay ngắn.

“Tôi còn có thể chờ đợi gì? Có phải chị ấy chết như cô gái vô danh?”

Tôi không thể nghi ngờ anh ta mong cái kết thúc như vậy cho người chị họ, và hoàn toàn cảm thông trạng thái tinh thần của anh ta: Cuộc tìm kiếm nào cũng đến chỗ kết thúc, có thể là kết thúc trong chính mình. Tôi hỏi anh ta, không hẳn là sự tò mò vô nghĩa:

“Cô gái trong nhà xác đẹp chứ?”

“Tôi vẫn nghĩ là chị ấy”.

Tôi giật mình:

“Nhưng không phải vậy mà?”

“Thì hẳn thế, thưa ông”.

Dù sao anh ta làm tôi bán tín bán nghi, đến nỗi nảy ý định ngu ngốc gặp gã chuột chù để hỏi lại, có cái bớt màu đỏ thẫm trên bờ vai trái của xác chết ấy không?

Những buổi sáng sau đó không thấy anh ta đến Lỗ Gió Hú. Tôi để đồng hồ báo giờ lúc nửa đêm, như anh ta, thức dậy và ra đường. Liệu tôi sẽ gặp anh ta đứng trên con dốc, nhìn đăm đăm những ngôi nhà sáng đèn bập bênh trong đêm tối? Có lúc tôi thốt đau thắt tim: Anh ta tự sát rồi chăng?

Một buổi sáng tôi nhận được thư gửi đến Lỗ Gió Hú, anh ta viết khá dài: “... Tôi trở lại những chỗ cũ ở Nha Trang, không còn tìm kiếm gì, bây giờ lại thất bại trong mưu toan tự-sát-chậm, nó thật náo nề tôi không đủ sức. Một phụ nữ tôi đã gặp, không quan trọng gì, nhưng chị ta rắc tâm huỷ diệt những gì thuộc lĩnh vực tình cảm, gọi tình yêu là con quái vật, và đặt lên bệ thờ cái bản năng tính dục như người hoang dã, nhưng chị ta lại dùng trí tuệ của

người văn minh. Chỉ là chị ta thách thức và chà đạp cho thật nhục nhã cái lĩnh vực tình cảm. *Cha tôi là một người dốt dẫn, cố giấu tàn tích mỗi tình thời trẻ trước khi gặp mẹ tôi, bằng cách đặt tên người yêu cho cô con gái đầu lòng. Mẹ tôi hiểu ra chuyện đó vào năm tôi mười sáu tuổi, bắt đầu tấn tuồng tệ hại, bà lồng lên như con thú bị thương, gươm móng vuốt vồ chụp lấy tôi, chỉ vì tôi mang cái tên của đối tượng ghen tuông ấy. Tôi không còn được sống bình thường, đây là nói nhẹ, tôi không sống được nữa nếu không trốn thoát khỏi con bệnh của cái tình yêu khốn kiếp... Chị ta nói vậy, đây là tất cả lý do và điều kiện cho cái quyền huỷ diệt của chị ta. Thưa ông, cuối những dòng này, tôi phải cho ông biết, chị ta đã hét vào mặt tôi: *Này cậu Đăng, cậu đừng bao giờ dốt dẫn như người bác của cậu... Thật khủng khiếp, tôi không thể ngờ đây là chị họ tôi! Trong tám năm tìm kiếm chị, tôi chỉ mang theo mỗi chiếc vỏ ốc chị đã nhặt ở bãi biển Vũng Tàu. Chiếc vỏ ốc đẹp thế này mà chẳng ai biết. Nhỡ sẽ giữ nó mãi. Chị đã tặng tôi báu vật của chị lúc xa nhau, năm lên mười tuổi. Hoá ra tôi chỉ còn có chiếc vỏ ốc này thôi. Thật dễ sợ, tôi chỉ còn có chiếc vỏ ốc...**

Những buổi sáng của tôi là Lỗm Gió Hú, là gặm nhấm nỗi buồn. Mỗi khi nhớ đến anh ta, tôi như chột thức giấc, anh ta đang ở một nơi nào đó, có thể nơi đó ở bên kia cuộc đời này, để tìm gặp điều bí mật thực sự.

Nửa đêm, tôi lại ra đường, có lúc nhìn ngấm một ngôi nhà sáng đèn, biết đâu tôi sẽ tìm ra nó lúc rạng đông. Nhưng có thể cũng không phải là nó, ngôi nhà bí mật đêm qua.

Em trai

Em trai mà không phải em trai, người đứng khác họ đem lòng yêu thương. Chương rất hay ở chỗ hẳn không xúc động, mà chỉ tường thuật cho sư huynh nghe những điều mà ông bố vợ, một người thành công, có địa vị trong xã hội, nói về hẳn, dĩ nhiên ông ấy nói rằng hẳn là loại người chẳng ra gì.

Thầy kể những điều nhảm nhí. Chúng xảy ra từ thuở khai sinh nền văn minh nhân loại. Chúng xảy ra một cách nhảm nhí, như em đã biết, và em đã xử sự một cách đáng nể. Việc của em là: Viết. Viết với tất cả những gì đang thôi thúc trong chính mình. Viết trong thế giới này vì một thế giới khác. Chương ngần ngại duy nhất ở chỗ em biết viết thế nào đây. Em sợ cái em viết chẳng ra sao cả. Chương nó nói vậy em ạ. H bảo: "Sao anh không nói với em trai của anh: Viết chẳng ra sao cả thì đã có anh sửa cho ra sao!". Chương viết chẳng ra sao, tôi sẽ sửa cho ra sao nhỉ? Em ơi, hãy nhìn lên bầu trời, có bao nhiêu vì sao...

Trên đường từ Sài Gòn lên B'laô có rất nhiều trạm xăng. Trong rất nhiều trạm xăng, duy nhất một trạm xăng

ở Hưng Lộc có Tường. Hẳn biết chuyện đó, hẳn và tôi cùng dính dáng chuyện đó, chỉ khác ở chỗ tôi dính trước, và tôi dính đậm hơn. Tôi đã uống một ngàn ly cà phê đen đậm của Tường. Nhưng tại sao lại là Tường? Tại sao Tường lại nói tiếng Quảng Trị? Tại sao tiếng Quảng Trị không khác gì mấy, chỉ không dịu dàng bằng tiếng Thừa Thiên Huế mà thôi? Tại sao ấu thơ của Tường lại rời Quảng Trị để định cư ở Đà Nẵng? Tại sao, tại sao, tại sao...

Viết đi, Nguyễn Thiên Chương. Viết bất cứ gì đang thôi thúc trong chính mình. Viết về những gì đang rời mình ra đi mà mình muốn níu lại, những gì chưa đến mà mình hằng chờ mong. Viết về buổi chiều Nam Phước, chị Ba hiền như mẹ hiền, như bà chị ở vậy, như...

Bên ngoài căn nhà nhỏ an lành, chị Ba lặng lẽ, chân thật, lo lắng và hy vọng, đứng nhìn người khách quý từ Sài Gòn ra thăm. Trong nhà, Chương nằm ngủ ngon ơ, như gã đại lãn vô tư lự. Hẳn nói cả dòng tộc hẳn như vậy, gặp chỗ nào nằm được là nằm. Tôi thì đi, dọc ngang và quanh căn nhà của chị Ba. Lối đi sạch sẽ, vài đồ vật chốn quê, vài thứ hoa đơn sơ mộc mạc. Mùi thuốc thơm hăng hắc trong nhà bay ra khắp phía ngoài.

Chị Ba làm bữa cơm chay thanh đạm, ăn ngon, sao nổi nhớ rượu của tôi lại chọn giờ phút này để dấy lên. Những lần uống cà phê với H, quán cửa kính khép kín với máy điều hòa không khí, nhìn dòng đời trôi chảy êm ái trên đường phố, tôi thèm thuốc lá kinh khủng.

Rồi Chương chở tôi trên xe mô tô chạy một mạch về Hội An, ngồi quán trên sông Hoài, cả hai cùng thấy đời sao buồn quá thế này. Rồi cả hai lên xe, lại chạy một mạch về thành phố có biển có núi. Buổi tối thanh thản, quán lộng gió biển, Mẫn và người bạn tuổi thơ của Chương ở thành phố này, và tôi, uống bia với vài món ăn hải sản. Mẫn nói: "Chương nó đa tình quá cỡ anh Đăng a..."

Chương đi tới bao giờ hết một vòng bãi biển? Hẳn sẽ thấy một vòng bãi biển quá ngắn ngủi. Hẳn chưa bao giờ nói về Hồng, đang đi trên bãi biển với hẳn. Người anh của hẳn nói: "Mẫn nói thiệt với anh Đăng: không hiểu nổi đứa em của mình. Như thế suốt cuộc đời lang bạt của Chương, chỉ chờ một ngày trở lại với kỷ niệm quê nhà. Vài ngày nữa Hồng đi, Chương cũng sẽ biến khỏi đây".

H nói trong điện thoại: "Em trai của anh đâu rồi?". Tôi biết chắc chắn, dù chưa từng nghe ai nói về Hồng. Nàng đi khắp thế giới, chỉ đợi một ngày để kể lại với Chương những gì nàng cảm nhận được. Nàng sống với những gì nàng sẽ kể lại được, sống lại được, với người mà nàng tin tưởng sẽ cảm nhận như nàng, cùng nàng sống lại. Tôi có thể mượn tên Alissa để đặt cho Chương, mặc dù Alissa là nữ. Còn Chương, hẳn có thể đặt tên cho chiếc ống vố hẳn tặng tôi, chiếc ống vố định mệnh. Chiếc ống vố từng một thời gắn bó với mối tình của H, người phụ nữ đã quen biết Chương từ lâu, xem Chương như một đứa em gió bụi khắp bốn phương trời.

Tôi có xem mối tình của H là quá vãng hay không, hoàn toàn không quan trọng. Nếu ai hỏi tôi, H là ai, thậm chí tôi không trả lời được. Tất nhiên tôi trả lời được, tuy nhiên sẽ dẫn tới tình trạng là, tôi đang đọc thơ siêu thực. Tôi đang sống với những chữ. H có thể là xương thịt, nhưng H trong tôi sẽ hiện diện trong những chữ của tôi. Đến một lúc nào đấy tôi không thể nói đích xác, không có H, những chữ của tôi vắng mặt.

Đấy cũng là lý do để Chương là em trai của tôi. Tôi nặng lòng với em trai, mong mỗi hản viết như tôi. Tôi muốn quà tặng của tôi cho hản, là việc thúc giục hản viết, đặt niềm tin vào những chữ. Niềm tin ấy có phải là nhiệm màu của cuộc sống sao mà buồn quá thế này. Có phải thế không, mà H, mà em trai tôi, và tất nhiên cả tôi nữa, cứ cùng mọi người sống hết ngày này, lại sống qua ngày khác?

Chiếc ống vố

Anh ta rõ ràng bụi bặm, nhưng anh ta rõ ràng không dơ. Đám râu trắng đục ở quanh miệng: Râu mép được chặn lại, rõ ràng anh ta không thể để việc ăn uống lưu dấu ở đó, râu từ viền môi dưới nổi vào râu cằm, và chòm râu cằm đan quện vào nhau chạy rạp vào phía dưới cằm. Tôi thích thứ râu như vậy, khác với một ngàn hai trăm năm mươi hai người không phải các cụ già, để chòm râu cằm buông thả xuống, phất phơ lay động như bậc tiên phong đạo cốt. Tôi thích những người có râu như anh ta, như râu hết thảy những người Afghanistan, tất nhiên ngoại trừ phụ nữ. Còn anh ta cứ nhớ mãi một lần xa xôi nào đó nói chuyện về nhà văn Saroyan, tôi bảo rằng tôi rất thích truyện ngắn *Chiếc mũ lát* của ông. "Câu chuyện *Chiếc ống vố* của tôi có thể anh sẽ thích như *Chiếc mũ lát* của Saroyan". "Truyện ngắn mới của bạn à?". "Không phải!" anh ta nói vội, "Câu chuyện thật của đời tôi!... Có thể tôi sẽ viết một truyện ngắn nhan đề là *Chiếc ống vố*, nhưng bây giờ thì không thể, dù tôi nói với nàng "Ngày mai anh sẽ viết truyện ngắn này". Anh biết quá rõ tôi không thể viết bằng cách photocopy chuyện thật của riêng tôi. Hiển nhiên

tôi sẽ viết câu chuyện này sau khi tôi đã biến nó thành tro than”.

Cũng như tôi, anh ta rất gần bó với chiếc ống vố, chúng tôi cùng đi lính thời chiến tranh. Chúng tôi, mỗi người có hai, ba chiếc ống vố. Lính ở mặt trận mà nghiện thuốc lá thì phải nghĩ đến chiếc ống vố, đối phương không phát hiện được mình qua đốm lửa điếu thuốc lá. Khi gặp mưa, trở ngược cồi thuốc mà hút. Anh ta còn nói rằng anh ta thích chiếc ống vố từ thuở còn đi học, khi thấy bức họa “Cậu bé và chiếc ống vố” của Picasso.

“Chiếc mũ lát là chiếc mũ như thế nào, tôi chả biết. Nhưng chắc chắn nó là chiếc mũ để đội, hoặc là chiếc mũ dạ, hoặc là chiếc mũ vải, hoặc là... Cũng như chiếc ống vố Ropp, chiếc ống vố Dunhill..., chiếc ống vố của tôi là Celli, cũng đều là để hút”. Tôi hỏi: “Chắc nàng đi du lịch bên Mỹ hay bên Pháp, mua chiếc ống vố ấy về tặng bạn?”. “Nếu thế thì” anh ta nói chậm đi chút ít, chắc để nghĩ ngợi, “nếu thế thì phải nói, là tình yêu dẫn đến chiếc ống vố..., đảng này ngược lại, chiếc ống vố dẫn đến tình yêu”. Tôi nói: “Thế thì chiếc ống vố của bạn kỳ diệu thật”. Anh ta cười sung sướng: “Tôi đã nói rồi, nó như *Chiếc mũ lát* của Saroyan mà”.

Câu chuyện chiếc ống vố mà anh ta tưởng là giống *Chiếc mũ lát* của Saroyan, thật ra nó không giống một chút nào. Tôi đọc truyện ngắn này từ bao giờ không nhớ, cũng không nhớ chiếc mũ lát là chiếc mũ như thế nào, nó có thể

là chiếc mũ đặc biệt, dù cũng chỉ để đội vào đầu, như chiếc mũ của người lính chẳng hạn, chiếc mũ len của nhà sư chẳng hạn. Và chú bé có chiếc kèn gì tôi không nhớ, để thổi một bản nhạc tuyệt vời, chú đòi bằng được chiếc mũ lát đội vào đầu mỗi khi thổi bản nhạc chỉ mình chú mới có thể thổi tuyệt vời như vậy. Điều kiện của chú bé giản dị như vậy, nhưng chắc là khó kiếm chiếc mũ lát vì hiếm có ai còn đội thứ mũ ấy nữa. Nghĩa là chú bé ấy tôi rất thích, ở chỗ chú không đòi đội chiếc mũ gì sang trọng đắt tiền ghê gớm, chiếc mũ chú đòi cho tâm hồn.

“Chiếc ống vĩ bạn nói đâu phải chiếc ống vĩ dẫn tới tình yêu của bạn. Bạn nói, vô tình bạn biết chiếc ống vĩ người bạn trẻ tặng bạn lại là chiếc ống vĩ của người yêu của nàng, ông ấy tặng người bạn trẻ, vì anh này cũng là bạn trẻ của họ, như vậy phải không? Nghĩa là chiếc ống vĩ ấy chỉ trở thành gia vị cho mối tình của bạn mà thôi”.

Anh ta nói:

“Anh chả hiểu được đâu, về chiếc ống vĩ tôi nói... Anh phải nhìn thấy chiếc ống vĩ ấy trong mắt nàng. Nó là cái gì thân thuộc của nàng. Nó là một phần của nàng, như Nietzsche bảo linh hồn là một phần của thân thể... Bởi vì chiếc ống vĩ ấy đi liền với người yêu của nàng trong bao nhiêu năm. Anh biết nàng nói với tôi thế nào không? “Anh hút chiếc ống vĩ này rất hợp. Nó được làm ra dành cho anh đấy”.

Tôi muốn bật cười về sự ngớ ngẩn của anh ta, hoặc giả, ảo tưởng của anh ta, đành rằng tôi biết nhiều nhà văn lớn của thế giới từng có những ngớ ngẩn hoặc giả ảo tưởng như vậy. Tôi nói:

“Chiếc ống vố ấy, hãy bất cứ chiếc ống vố nào khác, nàng cũng có thể yêu thích, nàng cũng có thể nhớ lại, khi nó ở trên miệng người yêu của nàng. Đây là có thể như vậy, còn kém hơn điều có thể của hương thơm khói thuốc mà bất kỳ chiếc ống vố nào tỏa ra. Vậy thôi”. Tôi lại muốn nói thêm, hay là bạn muốn nói nàng là người chọn người yêu qua việc ngậm ống vố?, nhưng rất may cho tôi là ngừng được lời nói đó.

“Thật khó nói với ai những gì tôi cảm nhận về chiếc ống vố tôi đang hút. Tôi chỉ có thể nói vắn tắt: Chiếc ống vố định mệnh, như một “femme fatale” ⁽¹⁾, như nàng vậy. Anh bạn thân thiết quá lâu ngày mới gặp, chỉ vì thế mà tôi bày tỏ câu chuyện này”, anh ta vừa nói vừa cười chua chát, tất nhiên không phải anh ta muốn làm tổn thương một người nghe chuyện kém nhạy cảm là tôi.

Câu nói kèm nụ cười chua chát là dấu chấm dứt câu chuyện chiếc ống vố, có lẽ anh ta đã thu xếp nàng và chiếc ống vố định mệnh sâu kín đáy lòng. Tất nhiên tôi hoàn toàn tôn trọng sự thể như vậy, và tôi mau chóng quyết định cho sự im lặng của mình. Dù sao những gì chúng tôi

⁽¹⁾ Người phụ nữ có sắc đẹp làm say đắm người khác.

nói sau đó, gương gạo, rồi rã mệt mỏi. Anh ta có lẽ chìm vào cõi riêng của mình, với nhiều kiêu hãnh và không ít cay đắng cho sự bất cảm thông giữa con người, đặc biệt là bất cảm thông của những người không là nghệ sĩ, dù một tâm hồn nghệ sĩ, đối với một nghệ sĩ. Từ lần đầu gặp anh ta, tôi đã thấy ngay anh ta là một nghệ sĩ. Một diện mạo phong thái nghệ sĩ, và càng gặp càng biết anh ta sống cuộc đời nghệ sĩ, ngay cả lúc anh ta là người lính tác chiến cùng đơn vị quân đội với tôi, ở đấy tôi làm công việc hành chính, còn anh ta ôm súng nằm kích xa mãi nơi những cánh rừng, châm thuốc ống vố có khi bằng những tờ giấy bạc tiền lương không có dịp nào về thành phố để tiêu xài.

Anh ta gặp H. trong một lần ngẫu nhiên, như anh ta nói, hai người "buổi sơ ngộ ấy có màu yêu thương", câu thơ trong bài thơ anh ta viết tặng H. Tôi biết đấy là ảo tưởng của anh ta, vì tôi biết H., nàng lúc nào cũng ở trong tâm trạng tuyệt vọng với mối tình của người yêu xa cách, một người yêu đã có gia đình. H. đã khởi đầu với mối tình như vậy, yêu một người đã có vợ. Và anh ta, hay bất kỳ người nào H. gặp trong lần gặp ngẫu nhiên như lần gặp anh ta, H. có thể cho anh ta ảo tưởng "lần sơ ngộ ấy có màu yêu thương". Tôi thừa nhận anh ta có một diện mạo, một phong thái mà tôi thấy đẹp và rất thích, anh ta có một sức hấp dẫn, nhưng chỉ với một số rất ít phụ nữ thích vẻ đẹp ấy. Anh ta khác hẳn tôi, luôn phải lẩn tránh những sẵn đón của những phụ nữ tôi không yêu. Tôi chỉ yêu H. và H.

yêu tôi, "Nụ cười của anh làm đời em nở hoa, dáng vẻ thư sinh hào hoa của anh kéo hút em tới ngày cuối cuộc đời, và em biết nụ cười ấy tỏa rộng, dù em chỉ muốn anh thuộc về em, khiến em hạnh phúc, và tin cậy nơi anh như tin vào một vì sao trên trời...".

Tôi buột miệng hỏi anh ta: "Nếu mai một bạn nhận ra rằng H. không yêu bạn thì bạn sẽ ra sao?". Anh ta nói bình thản: "Tôi sẽ không ra sao cả, tôi vẫn là tôi như tôi vẫn là, biết bản hoà âm hạnh phúc này đã dứt". Tôi nghe anh ta nói bình thản như vậy, tôi tin anh ta, tôi choáng váng về tình yêu của anh ta với H., tôi biết tôi yếu ớt như thế nào. Và tôi tôn trọng chiếc ống vớ của anh ta, chiếc ống vớ ấy chưa bao giờ là của tôi, chiếc ống vớ ấy là H., niềm hưng phấn của một nghệ sĩ, người bạn lâu ngày tôi mới gặp.

Chút ít sự thật của...

H nói: "Thình thoảng ông Sơn Núi có gọi điện thoại...". Tôi hỏi ông Sơn Núi về H, nhưng gợi ý nói về H là ông: "Gớm quá, đồng bóng gớm quá!". Tôi hỏi H: "Thế ông Sơn Núi điện thoại nói gì với em?". "Thì hỏi thăm nàỵ nọ... Nhưng lâu nay không thấy gọi nữa... Lần cuối, ông ấy toàn nói bậy bạ, em cúp máy không nghe". Tôi nói với H, như vậy người ta gọi là quấy rối tình dục...

Nhà sư Chăm có ý định trọng đại và nghiêm chỉnh, ông ta tự nhận xét, một công trình nghiên cứu về nhà thơ không tiền khoáng hậu: Sơn Núi. Dĩ nhiên Sơn Núi là hồn danh nhà thơ đặt cho mình. Tôi tự nhiên mến nhà sư Chăm, muốn cung cấp cho ông ta vài điều tôi biết về ông Sơn Núi, hóa ra nhà sư Chăm biết cả rồi, ví dụ như...

Cuối năm, ông Sơn Núi về Sài Gòn liên tục. Đi và về, lên và xuống, bằng chiếc xe gắn máy trông như một cục đồ chơi gỗ ghề thô kệch của con nít, ông Sơn Núi đặt tên cho nó là Monkey. Tôi thấy cái tên ông Sơn Núi đặt cho chiếc xe, đặt cho chính ông thích hợp hơn: Ông giống con khỉ già thông thái tinh ranh.

Ông, trước mắt nhìn của công chúng: Một người đàn ông trọng tuổi, làm ăn sinh sống ở vùng núi, làm rẫy chẳng hạn. Đặc biệt, ông làm rẫy thường ghé các chùa chiền, ở đó như một ác tăng chuyên việc truy hỏi để phụng hiến mục đích cao cả là khu trừ những kẻ tà đạo ẩn náu trong hình dạng của bậc tu hành chân chính.

Đặc biệt khi ghé chùa Già Lam, ông phải gặp bằng được thượng tọa Tuệ Sỹ để khẳng định nghi vấn hành trạng của nữ họa sĩ D.TH. thuộc trường phái thấy sao vẽ vậy, sau khi phát biểu một cách khinh miệt thích đáng về trường phái hội họa này, ông nói thì thầm vừa đủ cho mọi người nghe, tất nhiên bao gồm thượng tọa Tuệ Sỹ: "Nương này là kẻ tà đạo, đang âm mưu lôi kéo thầy Tuệ Sỹ về phía đạo giáo Tin Lành của nương". Hẳn ông Sơn Núi không hài lòng khi thầy Tuệ Sỹ chỉ lắc đầu và cười, bảo: "Bây nào, ông căn cứ vào đâu mà nói vậy?". Ông Sơn Núi chẳng căn cứ vào đâu hết, ngoại trừ việc nữ họa sĩ D.TH. theo gia đình mà theo đạo Tin Lành. Nên ông Sơn Núi, khi bước xuống những bậc cấp cuối hành lang để rời chùa Già Lam, nói một cách chán nản, dĩ nhiên là nói với tôi, kẻ đồng hành: "Mấy đệ tử của Tuệ Sỹ, như H, D.TH., không khá được". Tôi chẳng nói gì, nghĩ: Nếu biết mối quan hệ giữa H và tôi, hẳn ông Sơn Núi còn tăng gia chữ rửa H.

Ông Sơn Núi hay rủ tôi ghé nhà một người bạn trẻ tuổi, Nguyễn Thiên Chương. Rất đáng mến, Nguyễn Thiên Chương trầm tư, sâu sắc, lãng tử, viết rất đẹp thứ chữ mà một triệu người ở xứ sở này gọi là "thư pháp", nhưng Nguyễn Thiên Chương không thấy đó là cái quái gì.



Nguyễn Thiên Chương ra kiêu dáng cho thợ làm ngôi nhà ở khá đẹp, một biệt thự nhỏ, đơn giản, khác lạ hẳn những nhà chung quanh. Tôi nhìn những bậc thang gỗ dẫn lên căn gác thấp gần mái, hình dung căn gác dễ cảm, cùng lúc nhớ lời ông Sơn Núi nói về người bạn trẻ: "Ông Sơn Núi bảo rất thích Chương, một người Quảng Nam duy nhất không ưa tranh luận, bàn cãi tào lao". Người bạn trẻ giọng nhẹ nhàng: "Anh ấy thích căn gác nhà em thôi".

Đêm mưa, ở lại nhà Nguyễn Thiên Chương, ông Sơn Núi và tôi ngủ trên sàn nhà. Không nghe ông ngỏ lời lên ngủ trên gác, còn tôi rất sợ tiếng mưa trên mái tôn. Ông Sơn Núi dậy rất sớm, lúc hai giờ sáng, đánh thức tôi bằng câu hỏi: "Này, ông là bạn lão B.X.H. hả?". "Ừ, bạn học cũ thời trung học. Mà sao ông biết?". "Biết chứ! Lão ấy lấy con mu⁽¹⁾ vợ cũ của ông tướng râu kẽm. Hồi con mu này còn nhỏ, tôi dạy kèm Anh ngữ ở nhà con mu tại Nha Trang". "Đúng, bạn tôi đã từng lấy cô ta, nhưng nay họ lại bỏ nhau rồi". Ông Sơn Núi lại nhắc câu hỏi về người bạn học cũ của tôi, rằng lão ấy ra sao. Tôi nói: "B.X.H. rất đẹp trai. Vẻ đẹp của Marlon Brando cộng với Kennedy". Ông Sơn Núi cười thích thú một chặp: "Cộng với c.lõ nữa chứ!".

Ở nhà Nguyễn Thiên Chương về nhà Hồ Hữu Thủ, họa sĩ có ngôi nhà lớn rộng, nhiều phòng ốc, dành riêng một phòng cho ông Sơn Núi mỗi khi ông từ Phương Bối Am xuống Sài Gòn. Nhà sư Chăm tìm gặp ông Sơn Núi ở đây, hẳn để chuẩn bị đầy đủ cho công trình nghiên cứu về nhà

⁽¹⁾ Ông Sơn Núi gọi "con mu" là "con mu".

thơ không tiền khoáng hậu. Ông ta rủ ông Sơn Núi và tôi tới thăm ngôi chùa của ông ta ở vùng thác Trị An, nghĩa là cứ đi về phía thị trấn Trảng Bom.

Đường đi về phía thị trấn Trảng Bom, ông Sơn Núi và tôi rất quen thuộc, nằm trên quốc lộ 1A. Nhà sư Chăm chở ông Sơn Núi trên chiếc xe gắn máy hiệu Honda, không tiếp tục đi trên quốc lộ rộng rãi bằng phẳng, ông ta rẽ vào một con đường, đi sâu mãi, xe tôi phải chạy theo phía sau. Nhà sư Chăm phóng xe nhanh, cứ băng băng hết con đường lạ hoắc này tới con đường lạ hoắc khác, đường rất xấu, xe hiệu Simson bánh nhỏ, hình dáng giống xe scooter của tôi chạy theo khó khăn, bánh xe trệu trạo trên những con đường lồi lõm đất trũng gò, hoặc mặt nhựa thì loang lổ. Ông Sơn Núi thỉnh thoảng quay lại ngoái chừng tôi chạy phía sau.

Đến vùng đất rộng trống, đường ray tàu lửa nổi lên giữa cây cỏ dại, rác rưởi lẫn lộn. Giữa khoảng trống trải, tôi nhìn trọn chuyến tàu chạy qua. Ông Sơn Núi nói: "Ngó những chuyến tàu đi, bao giờ cũng cảm động". Tôi nhìn ông Sơn Núi và nghĩ, thôi cũng được, cái việc cứ tìm mà đi những đường xa xôi trắc trở của nhà sư Chăm, cuối cùng được thấy trọn vẹn chuyến tàu, cũng là an ủi. Chúng tôi lại ra quốc lộ 1A. Nhà sư Chăm ít nói, thỉnh thoảng nói lại nói hơi nhiều, nụ cười tự tin, hơi kiêu ngạo mà hồn nhiên.

Sau một hồi chạy trên quốc lộ 1A về phía thị trấn Trảng Bom, còn cách thị trấn Trảng Bom khoảng mười cây số, ông ta quẹo xe sang phía tay trái, chạy vào con đường chẳng biết dẫn tới đâu. Ông Sơn Núi hỏi nhà sư Chăm:

"Ông đưa bọn tôi đi vào con đường thủ tiêu đấy hả?". Nhà sư Chấm cười lớn tiếng. Tôi không thể nhìn thấy ông ta cười, chỉ nghe tiếng cười mà thôi, vẫn tự tin, hơi kiêu ngạo, và ma quái nữa.

Nhà sư Chấm phóng xe thật nhanh, tôi chạy phía sau cố bám theo, con đường dài ngút giữa những rừng cây cỏ dại, lũng vực. Nhà cửa lác đác thoáng hiện, bật văng. Tôi nghĩ, hẳn nơi đến còn xa nữa, nhà sư Chấm phải tiếp tục phóng xe thật nhanh để kịp tới lúc trời còn sáng. Nơi tới đó ông Sơn Núi nói là một "Ngôi chùa tuyệt đẹp của ông thầy chùa người Chấm", như thể ông đã từng tới đó, nhà sư Chấm nói ra tôi mới biết là ông Sơn Núi chưa tới đó lần nào.

Con đường vẫn chạy miết về phía chân trời, bóng chiều sẫm xuống. Một con dốc cao đột ngột. Tôi cố theo sát nhà sư Chấm và ông Sơn Núi. Xuống dốc, con dốc chúm hút chiếc xe Simson bánh nhỏ, giống xe scooter của tôi lao vùn vụt, băng qua những tảng đất sét trơn láng từ đâu rải đầy ở cuối dốc, mưa lúc nào đó nơi này. Chiếc xe vượt khỏi sự kiểm soát của tôi, cứ thế lao xuống mỗi lúc một nhanh, nhưng vẫn cách khoảng xa chiếc xe của nhà sư Chấm chở ông Sơn Núi. Cầm chắc té xe giữa con lộ, tôi vội lái sang một phía, tất nhiên phía trái ven đường. Chiếc xe và tôi đâm sầm vào rào cản bằng xi măng cốt sắt ngăn chặn phía trên một vực sâu. Chóa đèn xe vỡ nát. Vai, ngực tôi đau điếng. Tôi không kêu nổi một tiếng để báo hiệu cho nhà sư Chấm dừng xe. Tôi ngồi bất động, nhìn chiếc xe chở hai người mất dạng trên con đường đang tối dần.

Chỉ còn một nước trở lui, may là chiếc xe còn nổ máy để chạy, tôi quay xe lại, chạy tới con dốc, ngay dưới chân dốc có một lều quán giải khát. Tôi rất đau mệt, khát nước và thèm hút thuốc lá, và cầu âu nhà sư Chăm, ông Sơn Núi quay lại tìm tôi.

Người đàn bà mang tới các thứ tôi gọi, nụ cười hiền hòa trong ánh sáng mờ nhạt của chiếc đèn máng dài: "Anh cứ ngồi nghỉ ở đây, thế nào các bạn cũng trở lại kiếm mà". Tôi cười gượng gạo, vì tôi tuyệt vọng về chuyện các bạn trở lại kiếm. Lúc này, tôi ngồi bất động ít gì cũng nửa tiếng đồng hồ.

Có lẽ tôi đã ngồi tại lều quán lâu gấp đôi lúc này. Người đàn bà nói:

"Tệ thật đấy, bạn bè đi chung mà lại bỏ mặc giữa đường... Thế người ta bị lao xe xuống vực thì sao?... Ở đây tôi đã thấy xảy ra nhiều vụ xe lao xuống vực".

Vài ngày sau, ông Sơn Núi lại có mặt ở Sài Gòn. Ông lại tới chùa Già Lam, nói chuyện nữ họa sĩ D.TH. âm mưu lôi kéo thầy Tuệ Sỹ vào đạo Tin Lành. Ông lại tới H, nói chuyện ăn chay trường vì lẽ công bằng của trời đất. Ông về nhà Hồ Hữu Thử nói về dự định viết thơ lên những chiếc bình, những chiếc ấm, chén trà, nói chung là viết những bài thơ không tiền khoáng hậu lên đồ gốm. Và ở đâu, nếu cao hứng, hay vì mỗi thiện cảm với dân tộc Chiêm Thành, ông cũng nói về ngôi chùa tuyệt đẹp của ông thầy chùa người Chăm mà ông đã có dịp tới thăm từ lâu, hình như từ mùa hè năm..., cùng đi với một nữ tu người Tây Tạng.

Biên bản của Mister G.B

Tôi quý trọng mister G. B. không giống như tôi quý trọng William Shakespeare. Tôi quý trọng ông khá giống tôi quý trọng ông già Bertrand Russell, dù mister G. B. không phải triết gia gì cả, ông là một "huyền thoại bóng đá Anh quốc", như người ta nói. Mister G. B. năm nay năm mươi chín tuổi, bằng tuổi tôi, nghĩa là thuở ông tung hoành trên những sân cỏ của nhiều đất nước, tôi chẳng xem bóng đá gì cả, bây giờ có xem bóng đá thì tôi chỉ biết những David Beckham, Michael Owen mà thôi. Ông già Bertrand Russell sau vụ đi tàu bị đắm thoát chết, người ta bảo nhờ ơn Chúa, ông bảo ông chỉ nhờ chính ông thôi, ông bảo ông sống chẳng cần dựa vào cái gì, ông bảo ông là một người bị quan hạnh phúc. Mister G. B. cũng vậy. Nếu cần thiết phải dựa vào cái gì, mister G. B. chỉ dựa vào cái mà người ta gọi là "bản năng gốc", hạnh phúc lớn nhất và không chừng duy nhất của ông là những cuộc ân ái giao hoan. Nếu mister G. B. viết văn, tác phẩm của ông sẽ hấp dẫn

chẳng thua tác phẩm *Nhục bồ đoàn* của Lý Ngự đời nhà Minh, Trung Quốc.

Những ngày nằm bệnh viện, tôi chẳng đau ốm gì ngoài cái cổ họng có vấn đề. Trên tầng ba của bệnh viện Tai-Mũi-Họng thành phố, tôi may mắn được nghỉ ngơi một mình, tất nhiên căn phòng nhỏ xíu dành cho một người. Vì cổ họng của tôi có vấn đề đặc biệt, mỗi năm một lần tôi lặn lẽ vào đây chữa trị, không một ai hay biết, tôi muốn vậy. Trong hoàn cảnh của tôi, cái biên bản của tôi không thể so với biên bản của mister G. B., nên vấn đề ở đây là biên bản của ông, tất nhiên tôi gọi đây là biên bản chứ ông chẳng gọi nó là cái gì hết. Nó chỉ là những nỗi niềm hạnh phúc của ông mà thôi, những nỗi niềm, mister G. B. nói rõ, ít nhất có sáu nỗi niềm trong khoảng thời gian một năm qua, năm ông năm mươi tám tuổi. Cũng chỉ từ năm qua, mister G. B. trở thành vị tửu khách có hạng ở những quán rượu, nếu ai xem đây là niềm vinh dự của đấng nam nhi, ông bảo người ấy hãy gặp mrs. A. để cảm ơn bà đã giúp mister G. B. trở thành vị tửu khách khả kính. Mrs. A. là người vợ mà ông đã chia tay trong năm qua.

"Đêm nào cũng vậy, cứ tới lúc tiếng chuông ở đầu giường réo gọi, cô ấy (mrs. A.) hoặc bắt đầu lau những mặt sàn đã sạch bóng, hoặc sắp xếp đi sắp xếp lại những đồ vật đã yên vị từ khuya rồi. Tôi cứ đành nằm sấp mà chờ ông thần ngủ sớm muộn gì cũng tới lời mình đi. Năm thì mười họa, cô ấy miễn cưỡng leo lên giường, thả dài tấm

thân bằng giá. Tôi còn chờ đợi gì nữa để không giải quyết ngã ngũ vấn đề?”

Vậy là mister G. B. gặp miss P., lần đầu ở một cánh rừng. “P. không xếch-xi⁽¹⁾ gì lắm, nhưng vẻ tha thiết của cô làm tôi nao lòng, và cũng vì lần đầu, nơi cánh rừng hoang dại, cô run sợ quá, tôi rất muốn mần thịt cô ngay lập tức, nhưng tôi lại chỉ hôn cô đắm đuối mà thôi”.

“Với nàng G.”, mister G. B. nói, “quả là hạnh phúc tôi đã lên tới đỉnh Everest! Nàng thổ lộ với bạn thân của nàng, rằng khi gặp tôi, nàng toàn tâm toàn ý toàn lực để cả hai người cùng lên tới đỉnh núi Everest ấy... Nhưng tôi không còn muốn hạnh phúc cực điểm với nàng G. nữa, khi trong một lần ân ái, nàng nói tới cái chuyện ngu xuẩn hết sức, là hôn nhân. Và lập tức tôi xuống núi”. Tôi chẳng biết mister G. B. có đọc *Ainsi Parlait Zarathoustra* hay không, ông nói y hệt vậy, rằng tình yêu là cơn điên ngắn, và hôn nhân là sự ngu xuẩn lâu dài.

Mister G. B. gặp cô vũ nữ có thân hình rất mỹ nhân ngư, mà mái đầu ngả bạc của ông chỉ muốn đặt trên ngực nàng, vòng tay ông muốn ôm siết đôi hông nàng. Và mister G. B. đã được toại nguyện ở mức độ ấy, và không thể hơn thế. Cô vũ nữ E. không muốn mình trở thành người tình thứ mấy của mister G. B., nàng biết ông còn dính dáng với ít nhất hai người đẹp khác. Mister G. B. đành

⁽¹⁾ Sexy.

lòng thất bại với E., ông thừa nhận mình khó quên đôi mông thần thánh của nàng.

Cô H. Q., chỉ một mình cô vào căn phòng nhỏ xíu dành cho một người. Mỗi ngày, ít nhất hai lần, cô dẫn dịch truyền, chích thuốc kháng viêm cho tôi. Tôi không dám chắc đôi mông của cô H. Q. có đẹp được bằng đôi mông thần thánh của người tình mister G. B., nhưng tôi cũng thừa nhận như mister G. B., rằng tôi khó quên đôi mông tuyệt vời của H. Q.

Một, hai ngày đầu thì chưa đến nỗi, nhưng tới ngày thứ ba thì hai mu bàn tay tôi đau buốt vì gài kim dẫn dịch truyền, hai mông tôi cũng vậy, cô H. Q. cứ đều đặn gài kim dẫn dịch truyền và chích thuốc kháng viêm mỗi ngày hai lượt. Tuy nhiên chuyện ấy không trở ngại gì trong mối quan hệ giữa chúng tôi, giữa bàn tay tôi và đôi mông tuyệt vời: Vòng tay ôm, chỉ trong một vòng tay ôm, và bởi tôi luôn là kẻ đi tìm tuyệt đối, sau những vòng tay ôm tôi đều đã gặp chất dính ẩm ướt quện dưới đáy chữ V hình tượng tuyệt đích của thân thể cô H. Q. tuyệt diệu. Tuy nhiên, tôi chẳng nên nói gì thêm, vì mister G. B., sau nỗi niềm khó quên của ông đối với miss E., thấy cần gặp ngay mrs. C., một góa phụ đã có hai con, nhưng vẫn còn một thân thể tuyệt hảo "một trái chín ngọt lịm", mister G. B. nói. Thế nhưng khi mister G. B. nhìn thấy hình ảnh hai đứa con của mrs. C., thì ông cũng nhìn thấy trái chín ngọt lịm trên cây ấy rơi xuống gốc cây chẳng biết từ thuở nào.

"Và tôi đã gặp nàng công chúa thức dậy từ rừng hoa tulip, nàng còn quá trẻ, giúp việc trong một quán rượu ở xứ sở sương mù. Trong khi bọn đàn ông hết gã này tới gã khác trở tài ve vãn, tỏ tình với nàng, tôi nâng cằm L., hỏi thẳng: Em đi với tôi nhé, ở khách sạn xyz". L. còn trẻ quá, và không kém phần khờ dại, mister G. B. nói vậy, và quên nhanh nàng công chúa thức dậy từ rừng hoa tulip. Dù sao ông sẽ nhớ mãi cặp giò thon và dài của L., như cặp giò cô đào điện ảnh Mỹ Angie Dickinson một thuở.

Tôi nghe mister G. B. khinh bỉ bọn đàn ông chuyên ve vãn, hay có thể nói khác đi: Tỏ tình. Tình gì? Tình yêu của họ đối với phụ nữ, mà nhớ một lần chàng nhạc sĩ xứ Kinh thành cũ, nói với một nhà thơ đồng hương, trong quán cà phê Đà Lạt sương mù, có tôi ngồi cùng: "Đi tới cái giường sao mà xa quá, phải qua một con đường dài dằng dặc gọi là tình yêu".

Tôi và cô H. Q., dù không nói ra, nhưng hiển nhiên thăm hẹn "đến hẹn lại lên". Không ai biết tại sao mỗi năm cái cổ họng tôi lại có vấn đề, phải vào bệnh viện Tai-Mũi-Họng thành phố một lần để điều trị khoảng trên dưới một tuần lễ. Tôi không thể giả vờ bệnh cho cái cổ họng, điều này bác sĩ và cô H. Q. biết rõ như vậy. Đây là một bí mật, tình yêu phải có gì bí ẩn ở trong. Tôi có nói vắn tắt quan điểm của tôi về tình yêu, H, người phụ nữ tuyệt vời mà tôi biết, bảo: "Như vậy là anh chẳng hiểu được tình yêu". Tôi

chỉ có thể trả lời H: “Đúng là anh không hiểu, nhưng anh yêu, yêu rất nhiều là khác”.

Đại Ninh xanh sốt rét

Có nhiều niên biểu thời gian của quá khứ, ở nơi này nơi khác. Có nhiều lúc ở một nơi, nhiều nơi ở một lúc. Nhật ký của tôi bên chân cầu:

*Rừng thông Đại Ninh xanh sốt rét / Co ro cùng tôi
bên chân cầu / Nước thác thượng nguồn nào ai biết / Tan
cùng vỡ vụn dưới lòng sâu / Tan cùng hồn thi sĩ nghiêm
sâu / Cơn đau lòng đá nước dồn dập / Núi vỡ lên rừng
thông chất ngất / Tôi về co cúm bên chân cầu / Tôi về ai
biết bởi vì đâu / Bởi đâu rừng Đại Ninh sốt rét / Một đêm
liêu vãng lưng chừng đồi / Người góa phụ bí mật bốn hai /
Và rừng Đại Ninh xanh sốt rét / Và núi Đại Ninh đau thấp
khớp / Buốt rên chỉ có một mình tôi / Một mình tôi một
mình tôi thôi / Với giấc phù du với mộng ảo / Những tầng
mây và những đỉnh trời / Cao ngất như Đại Ninh sốt rét /
Co ro người thi sĩ ai hay / Cho dẫu người góa phụ vắng lai
/ Mở cửa liêu vãng nhìn huyền hoặc / Bởi đâu rừng Đại
Ninh chất ngất.*

Đêm qua là cơn nhớ giầy vò giữa trống không. Ở
mãi Sài Gòn giống như chẳng ở, là ở với trống không. Sáng

nay tôi khởi sự hành trình. Nhưng sao nơi tôi tới vẫn là Đại Ninh, với đôi chân tôi vẫn đau thấp khớp, duy chiếc cầu sắt đổi thành chiếc cầu bê tông (từ lâu rồi, lúc nào tôi không biết), và người góa phụ mất tích.

Cây cối cỏ dại đồi hoang rừng thông thác ghềnh và núi, như bất cứ nơi nào của vùng cao nguyên Lâm Đồng. Nhà sư trụ trì một ngôi chùa lớn ở Đại Ninh, cho rằng tôi lên đây rong chơi, hoặc có chút việc không quan trọng. Đúng là vậy. Nhưng sao cơn nhớ, cơn nhớ từ đâu, cơn nhớ điều gì? Nửa đêm tôi thức giấc, bàng hoàng nỗi nhớ giấu mặt.

“Cô ấy tên là Bảo Châu... anh đi xuống hết con dốc là gặp ngay con đường lát đá phía tay trái, rẽ vào...”

Ngôi nhà nhỏ vươn cao, vài bậc thang gỗ dẫn lên. Một cái liêu, cốc hay thất của người tu hành. Cô Bảo Châu tóc thả dài hai bên gương mặt tôi thấy quen quen, cùng lúc tôi nhớ người phụ nữ mang tên Ni Không Xuống Tóc. H lẫn giữa thực và hư, bây giờ H có thật hay không? H không có thật với mọi người, cả với tôi lúc này. Lúc này tôi cũng không có thật trước mặt cô Bảo Châu, tiếng nói cô chìm trong ánh sáng mờ mờ của ngôi nhà: “Thế ông muốn tìm ai, một sư cô, sư bà? Ông thầy nói tôi tu hành à?” Có lẽ nhà sư đã lầm, nhưng điều ấy không quan trọng. Tôi không tìm ai là sư cô, sư bà. Tôi lần mò dấu vết của người góa phụ bí mật.

"Tôi bắt tin mẹ tôi từ nhiều năm rồi. Nghe nói bà xuất gia - cô Bảo Châu cười giễu cợt - ở ngôi chùa nào đó miền Trung, không biết chừng ở gần ngay đây, nhưng tôi tìm kiếm làm gì, khi bà ấy không hề muốn gặp lại đứa con mà bà ấy đã vứt vào thùng rác của cuộc sống riêng tư bà ấy. Bà ấy đã phỉnh gạt cha tôi, để trân trọng, tận tình với gã đàn ông khốn kiếp, một gã gian dối, phỉnh gạt chính hiệu".

Cô Bảo Châu nói một hơi như vậy, cô trút nỗi căm hận vào khoảng không êm đềm, với ánh sáng lờ mờ lúc này soi tỏ hơn những đồ vật yên lặng trong ngôi nhà. Cô phả vào đó một luồng hơi làm xáo trộn để mặc tôi hứng chịu, đứng dậy và nói: "Xin lỗi, này giờ tôi quên pha trà mời ông". Tôi xua tay, nói cô đừng bận tâm. Cô Bảo Châu hiểu điều đó, có lẽ cô chỉ hiểu như vậy, và chính như vậy mà tôi yên tâm. Cô ngồi xuống trở lại. "Người đàn bà ấy xuất gia, tôi tin chắc rằng bà ấy mượn chỗ ở chùa để chờ gặp người đàn ông của bà ấy". Tôi hỏi: "Ông ta ở đâu mà bà ấy phải chờ gặp?" "Tôi không biết. Thì hẳn phải ở đâu đó với vợ con, gia đình hẳn chứ". Tôi hình dung khó khăn chuyện gặp gỡ tình nhân của người xuất gia, hay bà ấy vẫn để tóc như nhiều người sống trong chùa mà không xuất gia, hay bà ấy choàng một chiếc khăn trên đầu như người phụ nữ theo đạo Hồi, như một cô gái Gitane, như một người đàn bà Paris... Tôi hỏi: "Cô cũng không biết tin tức gì của người cha?" Cô Bảo Châu có vẻ sắp bật cười,

nhưng cô chỉ nói thản nhiên: "Những gì tôi biết về người cha của tôi, đều từ lời bà ấy nói. Người là cha của tôi mất tích từ lúc tôi còn nằm trong bụng bà ấy". "Cha của cô mất tích?" Cô gái ngó tôi: "Mất tích trong cuộc đời hay mất tích trong bà ấy, vậy thì có gì khác nhau? Tôi có thể tìm kiếm người cha tôi không biết mặt?" Cô Bảo Châu im lặng một hồi lâu, chợt như tỉnh giấc, nhìn tôi chăm chú: "Nhưng ông là ai? Ông tìm tôi có việc gì? Tôi đã nói những gì vậy?" Không hiểu từ đâu tôi lấy được bình tĩnh: "Tôi quen biết mẹ cô, tất nhiên từ lâu lắm rồi, từ lúc chưa có cô trong đời. Tôi tới gặp cô để thăm hỏi chỗ quen biết cũ lâu ngày không gặp. Những gì cô nói là những tin tức mà tôi phải cảm ơn".

"Tôi không thể giúp gì được cho ông", nói xong, cô Bảo Châu đứng dậy, tôi biết đây là lúc tôi phải rời khỏi ngôi nhà như cái thất của người tu hành.

Nhà sư vừa cười nhẹ vừa nói: "Tôi có nói cô Bảo Châu là người xuất gia gì đâu. Nhưng tôi nghe nói hai mẹ con cô Bảo Châu là cư sĩ, họ ở cái thất ấy từ hồi tôi chưa về đây. Mẹ cô Bảo Châu đẹp hơn cô ấy nhiều, và trẻ lâu nữa, hai mẹ con mà trông như hai chị em. Tôi nghe bà con Phật tử ở đây nói vậy, chứ đâu có thấy bà mẹ. Hồi đó, cả vùng này lùm xùm về xì-căng-đan mỗi tình tay ba, giữa hai mẹ con bà ấy và một người đàn ông".

Tôi hỏi: "Người đàn ông ấy bây giờ đi đâu?" "Chắc ông ta vẫn ở nhà ông ta mà thôi. Người đàn ông ấy đã có

gia đình khi gặp mẹ con cô Bảo Châu. Còn bà mẹ cô Bảo Châu thì bỏ cái thất này, ra đi biệt dạng. Nghe nói bây giờ bà ấy đã xuất gia, tu ở một ngôi chùa mãi ngoài xứ Quảng hay sao đó”.

Nhà sư pha ấm trà mới, xem chừng ngồi lâu tại phòng khách trang nhã của ngôi đại tự, với câu chuyện hai người phụ nữ bí mật. Tôi hỏi nhà sư: “Thầy có biết, hay nghe nói gì về người cha của cô Bảo Châu?” Nhà sư nói hào hứng: “Tôi cũng rất tò mò, thắc mắc về cha cô ấy, nhưng chẳng ai biết chuyện đó cả. Họ nói, một người đàn bà như mẹ cô Bảo Châu, làm sao biết được bà ta có những mối quan hệ tình cảm như thế nào”. Nhà sư nhìn tôi, vừa cười nhẹ vừa nói: “Cứ mỗi khi nghĩ tới người đàn bà là mẹ cô Bảo Châu, một người nghe nói có cuộc sống sôi nổi và bí mật như vậy, tôi lại nhớ tới anh”. Tôi giật mình, hỏi nhà sư: “Nhớ tới tôi?” Nhà sư thản nhiên gật đầu: “Anh cũng là một nhân vật sôi nổi và bí mật. Tôi tin rằng anh từng có một thời chọc trời khuấy nước. Tôi tưởng tượng, bà mẹ cô Bảo Châu mà gặp anh, thì chuyện gì sẽ xảy ra chẳng ai mà bảo đảm được”. “Thầy nói bảo đảm cái gì?” Nhà sư nói nhanh: “Bảo đảm nó không phải là một vụ xì-căng-đan”.

Tôi đi vớ vào chân, nói với nhà sư: “Tiếp tục câu chuyện, thưa thầy, nếu có chuyện gì xảy ra, chính tôi là người bảo đảm, rằng sẽ không có gì hết giữa tôi và người đàn bà ấy”.

Nhà sư nhìn tôi thọc đôi chân đã đi vớ vào đôi giày, vẻ thán phục, nhưng thán phục gì tôi chẳng biết. Tôi nói: "Tôi đi vòng vòng một chút". "Chừng nửa tiếng nhớ trở lại dùng bữa điểm tâm của chùa nhé anh, đừng có đi vào hàng quán".

Người đàn bà ấy... Tôi đã viết trang nhật ký, vào năm... Chẳng có gì hết, chẳng có gì hết, *mở cửa liêu vãng nhìn huyễn hoặc...*

Và, sau...

Cô gái giống một nữ tu, vòng ruy-băng trên tóc, lạ lùng thăm lặng trong một quán ăn bình dân ở con phố nhìn ra bến cảng. Trước mặt cô gái là một đĩa cơm, bên cạnh đĩa cơm là một ly đá và một chai xá xị, và bên cạnh mấy thứ này là một cuốn sách bìa cứng, người ta có thể nghĩ đây một cuốn kinh sách, hoặc cuốn sách về thánh Tê-rê-xa Nhỏ chẳng hạn.

Cô gái vừa ngừng ăn, rót nước xá xị trong chai ra ly, ngước lên, thấy anh trước mặt. Rõ ràng anh đứng chờ cô gái ngước lên để nói gì đấy. Anh không nói gì, gật đầu chào cô gái, xin phép được ngồi cùng bàn. Cô gái im lặng, không vờ gì từ chối người xin phép, và anh chậm rãi kéo chiếc ghế nhựa cũ xỉn, ngồi đối diện cô gái. Tất nhiên anh không cần xin phép để được ngồi cùng bàn, trong quán có ghế còn trống thì ngồi. Tuy nhiên anh xin phép cô gái để ngồi ở đây, giữa những chiếc ghế còn trống ở nhiều bàn trong quán. Và cô gái thì không biết được những chuyện như vậy ở quán xá: Cô gái chưa từng vào một cái quán. Cô

gái hầu như không đi ra ngoài căn nhà trú ngụ, sự thật là như vậy.

"Tôi may mắn có bữa ăn cơm như hôm nay, ngồi cùng bàn với cô". Anh tìm kiếm người chạy bàn ở đâu đó giữa đám thực khách mỗi lúc thêm đông đảo và lộn xộn. Cô gái nhìn người khách cùng bàn, ngạc nhiên trước khuôn mặt, dáng vẻ không phù hợp với phục sức: Quần áo bám đầy một thứ bột trắng, cái áo thun sờn cũ không rõ màu gì. Cái quần hình như được may bằng vải bao bố, tất nhiên cô gái không thể thấy cái quần ấy nữa vì anh đang ngồi, mặt bàn che khuất nó.

Anh nhìn cô gái, vừa cười vừa đưa hai bàn tay ra trước mặt cô gái: "Cô thấy không, tay tôi rất sạch khi xong công việc. Tôi rửa tay nửa tiếng đồng hồ trước khi ăn". Cô gái mỉm cười. "Tôi là phu khuân vác. Tôi vừa vác một trăm bao bột mì từ trên tàu xuống bến cảng". Cô gái ngạc nhiên, nhìn thẳng khuôn mặt người đối diện: "Anh trông vậy mà khỏe thật". Trong lúc cô gái ngạc nhiên nhìn anh và nói, anh nhìn trọn vẹn khuôn mặt cô gái. Anh nói, vẻ mặt ngây ngây: "Cô đẹp quá. Cô đẹp như không có thật". Cô gái im lặng. Anh lại nói: "Tôi chưa từng được may mắn như hôm nay... Tôi nghĩ, nếu có một đấng Tạo Hóa, ông ấy cũng công bằng. Tôi chưa từng quen cô gái nào, nói gì được gặp một người đẹp như cô. Ông Tạo Hóa ấy đã đền bù, gộp tất cả những vẻ đẹp trong một vẻ đẹp cho tôi gặp gỡ". Trước vẻ im lặng của cô gái, anh hỏi: "Có vẻ cô nghĩ

tôi là một thằng cha tán gái". Cô gái mỉm cười gật đầu. Ngay sau, cô gái nói: "Tôi không nghĩ như vậy", và nhắc anh ăn, nãy giờ như thể anh chỉ ăn để chuẩn bị cho những gì anh nói.

Cô gái không muốn anh trả tiền, nhưng anh đã trả, và nói: "Lần sau em trả, cho cả cà phê anh và em sắp uống. Cái quán cà phê gần đây hay lắm". Cô gái nhìn anh, im sững giây lát, không kịp chống đỡ gì hết, lú lú theo anh ra khỏi quán ăn để tới quán cà phê anh bảo là hay lắm.

Anh xem cuốn sách cô gái mang theo, "Music of Change", nói: "Em thích âm nhạc, thật tuyệt vời!". Cô gái bảo đây là cuốn sách cô nhận dịch sang tiếng Việt. Người đặt dịch trao cuốn sách ở đầu ngõ, vì lối vào nhà cô gái quá hẹp, đi xe vào khó xoay trở. Nhân tiện ra ngoài, cô gái tìm một quán ăn, người bán thực phẩm vẫn mang đến nhà cho cô gái sáng nay không tới. "Em vẫn nghe qua đĩa, cái đầu máy đĩa em của em để lại. Em thích có máy quay đĩa 'tourne disque' anh nói chêm vào - nghe chắc hay hơn, không lạnh lẽo như máy đầu đĩa". "Đúng vậy" anh nói liền sau, "Anh cũng thích nghe qua máy quay đĩa. Nhưng bây giờ thật khó kiếm máy quay đĩa. Mà em nói, đĩa em của em để lại, vậy đĩa em đi đâu?".

Cô gái nói nhỏ giọng, nhìn ra phía bến cảng: "Hai chị em sống với nhau từ nhiều năm nay. Em chỉ ở trong nhà, còn K., em của em lo việc bên ngoài... cả những chỗ có

dịch thuật, K. đã liên hệ để em có việc làm. Em chẳng cần đi đâu, chẳng cả đi chợ, có người gánh rong mang đủ thực phẩm tươi đến tận nhà. K. lập gia đình với một Việt kiều ở Mỹ, đã sang bên ấy cùng chồng từ hai năm nay". Anh như vừa trút một hơi nén tức ngực, anh nói vậy với cô gái, rằng nghe cô gái nói ngang chừng, anh ngỡ cô em đã trở thành người quá vắng, "Như vậy là em vẫn có người thân, dù ở nơi xa, chẳng như anh không một mối ràng buộc nào". Cô gái nhìn anh, nhìn ra phía bến cảng, rồi lại nhìn anh, khối thuốc lá uốn lượn, râu trắng bạc đầy quanh miệng, chạy xuống dưới cằm, quần rối ở đó, tạo cho khuôn mặt một vẻ gợi cảm hoang dại. "Công việc của anh chắc vất vả lắm... Những người khuôn vác... em nghĩ phải to lớn, thật khỏe". Anh cười lớn tiếng hơn bình thường một chút: "Anh cũng nghĩ, những cô dịch sách phải hay nhắn nhó và mang kính cận". Cô gái nghe anh trả lời như vậy thì không thể biết công việc anh làm có vất vả lắm không.

Tuy nhiên anh lại nói sau giây lát: "Chỉ cần một số tiền cho nhu cầu ít ỏi cũng không phải vất vả gì nhiều: Cà phê thuốc lá và hai bữa cơm không tốn mấy đâu. Thịnh thoảng mua một cuốn sách... Anh thích làm việc lao động chân tay, chẳng riêng chân tay, toàn thân thể vận động nhịp nhàng dưới đôi vai mang những bao bột không hề ba hoa xích thối". Cô gái thốt hỏi: "Thế anh ở trong điều kiện nhà thuê hay có nhà sở hữu của mình?". "Câu này em dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt hả?". Anh trả lời như vậy

nghĩa là không trả lời, và cô gái vẫn không biết gì hơn về nơi anh ở, nhưng điều chắc chắn là phải có một nơi nào đó. Tuy nhiên cô gái không ngăn được ý định muốn biết nơi ở của anh, nói: “Em như vậy, rất muốn được tới thăm anh lúc nào đó không biết trước”.

Cô gái nhìn ngó quanh khắp, tất nhiên quanh khắp trong quán, một căn phố nhà cổ, có lẽ xây dựng từ những năm đầu thời Pháp thuộc, cửa quán mở ra một không gian rộng rãi, qua bến cảng, tới mãi xa phía bên kia sông, nơi ngút ngàn cây lá như bức trường thành mềm mại và u huyền, trong lúc nắng ban trưa nhảy múa chấp chới trên dòng sông nước trắng bạc, “Trước đây chỉ hơn một tiếng đồng hồ, em cứ ngỡ trong căn nhà em ở là đủ tất cả. Bây giờ mới biết có bao nhiêu thứ mình thiếu khi bước ra đường”. Anh châm điếu thuốc, nghe cô gái nói. Cô gái nhìn anh: “Đưa em rể của em ấy, bảo hút thuốc lá rất có hại”. Anh kêu tính tiền cà phê, và nói: “Chiều mai anh đợi em ở quán này nhé... Bây giờ anh trở lại bến cảng, còn năm mươi bao bột mì chờ anh”. Hai người đứng hồi lâu trước cửa quán, anh cầm tay cô gái: “Em... em tên H.” – cô gái nói – “H., chiều mai nhớ ra quán này nhé”.

Hai người gặp lại nhau ở quán cà phê hôm qua, anh có vẻ tư lự sao đó, còn cô gái, giọng nói nhẹ nhàng như hơi gió thoảng: “Về nhà, khép cửa phòng lại, mùi thuốc lá xực nức lên. Hình như mùi thuốc lá anh hút chui vào tóc em, lúc ấy túa ra hay sao đó”. Anh cười, xóa đi vẻ tư lự, và

nói: "Như vậy thì làm sao anh bỏ hút thuốc lá cho được". Hai người uống cà phê, và anh lại mang về tư lự lúc nãy. Đột ngột anh nói: "Lát nữa anh mời em tới nơi anh ở... Nếu cái quán này là một trang cổ điển, thì nơi anh ở là một cuốn sách cổ điển". Tính tiền cà phê, cô gái đang kéo mở cái ví hình chữ nhật nhỏ đẹp màu đen, anh nói: "Lần sau anh sẽ để H. trả".

Hai người đi trên vỉa hè, về phía bến cảng, đi ngang qua quán cơm bình dân, cô gái ngo một khoảng diện tích chỗ trước quán, vương vãi bột mì trắng đục lẫn đất bụi sao đó. Anh dừng lại trước ngôi nhà cổ to lớn lúc cô gái vừa đi tới cây cột đèn điện xưa cũ, chóa đèn sét gi trên bóng đèn tròn, có đính tấm bảng phía dưới:

NHÀ XUỐNG CẤP TRẦM TRỌNG! NGUY HIỂM! CẤM VÀO!

Lúc cô gái nhìn quanh tìm anh, thấy anh lách vào khe cửa, tiếng anh dịu dàng: "H. chờ anh mở cửa phía này. Cô gái im chờ khá lâu. Cô gái chợt nghe tiếng vật gì rớt đổ, một tiếng kêu ngắn ngủi rồi im bặt. Khi cô gái lách vào bên trong ngôi nhà cổ, chỗ lúc nãy anh lách vào, anh nằm bất động trên nền nhà lát gạch Tàu rêu phong bám khô thành những vệt màu đẹp lạ lùng như một bức tranh trừu tượng.

Kẻ bị ám

“Hai phần ba, hay ba phần tư gì đấy, số thịt trâu bò xuất khẩu sang các nước Đông Âu, là từ quê chúng ta...” Anh nói, châm điếu thuốc lá, nhìn tôi mơ màng qua làn khói. Buổi sáng tình cờ gặp anh ngoài phố, tôi mời bằng được anh vào quán cà phê. Chúng tôi là người đồng hương. Có thể cho rằng, anh phải nhắc nhớ tới vinh dự của những con người một xứ nổi tiếng về nghiệp buôn (riêng tôi, có chút gì lấy làm vinh dự về quê mình, là cái vụ việc mà người ta bảo rằng, cái ông tri phủ ở chính nơi đây từng rù quyến được nữ sĩ thiên tài Hồ Xuân Hương về làm vợ lẽ). Trước mặt tôi là một người có diện mạo phong thái văn nhân tài tử, như tôi vẫn nhớ về anh qua vài lần gặp gỡ đã lâu rồi. Và tôi cũng vẫn thấy anh luôn, thấy gián cách, bởi vì lúc nào gặp người đồng hương tôi cũng hỏi thăm về anh. Họ cũng cho tôi biết, anh luôn thăm hỏi tôi, lắng nghe tất cả những gì mà bất cứ ai có thể nói về một người đồng hương ít gặp. Hai phần ba, hay ba phần tư gì đấy, số gia đình của cả quê chúng tôi chuyện nghiệp buôn. Số còn lại cũng buôn, nghĩa là buôn bán nhỏ.

Có thể chúng tôi thấy thú vị nhắc nhớ về nhau, ở chỗ hai gia đình chúng tôi là ngoại lệ. Gia đình anh ra Hà Nội, cách xa quê vài chục cây số. Nghe nói cha anh quản lý một nhà in lớn ở phố Hàng Bông, và anh, từ thuở nhỏ đã tha hồ đọc sách báo như tôi từng nghe nói. Cha tôi làm việc trong ngành đường sắt. Gia đình tôi xuôi theo những con tàu tới ngụ cư đã rất nhiều nhà ga lớn nhỏ của đất nước. Khi chúng tôi trưởng thành, cả hai gia đình đều ngụ cư ở Sài Gòn, nơi thành phố rộng lớn nhất nước này không dễ gì gặp gỡ nhau. Gia đình anh quần tụ với một số đồng gia đình đồng hương, ở vùng Thị Nghè, gia đình tôi ở mãi cuối phía nam thành phố, vùng Phú Lâm.

Đồng hương của chúng tôi vẫn lại là những nhà buôn lớn nhỏ, anh và tôi tiếp tục là những người ngoại lệ. Tôi theo đuổi nghiệp văn chương, còn anh, tôi chỉ biết mơ hồ như biết về một con người của những hành trạng bí ẩn, một kẻ hành hương về những chốn đền đài mất tích.

"Một xưởng chế biến thực phẩm lớn nhất ở Pra ha Tiệp Khắc ký hợp đồng dài hạn, lấy thịt trâu ở quê ta, chỉ lấy ở đấy thôi, trâu của huyện Vĩnh Tường, để làm xúc xích... anh nói, ngón tay gạt nhẹ tàn thuốc vào cái gạt tàn bằng thủy tinh - Thịt trâu thì hàn đấy, nhưng dân Tiệp chẳng để ý hàn nhiệt âm dương gì cả. Họ chú ý tới ngon miệng, vệ sinh, và là thứ thực phẩm có nhiều ca-lo-ri... Dân mình thì khác, phải cẩn thận, xem tính chất âm dương có điều hòa chưa... Phần lớn bệnh tật sinh ra bởi việc ẩm

thực... Bệnh tật thật kinh khủng, nó làm con người thấy cô đơn hơn hết, nó không thể truyền cảm. Người không bệnh không chia sẻ được cơn đau nỗi khổ của người bệnh.”

Anh vừa hút thuốc lá vừa nói, như thể gặp gỡ người đồng hương chỉ để hút thuốc lá và nói. Điều thuốc hút còn mầu ửng ửng, anh dụi tắt thật kỹ trong lòng cái gạt tàn, nhìn tôi và cười, nói tiếp:

“Ấy vậy mà có người lại thích mình được mang danh là bệnh nhân.”

Tôi ra dấu cho người trong quán lấy thêm thuốc lá, nói với anh:

“Tôi chưa thấy ai như vậy.”

“Đấy là một người bạn tôi... Hôm qua tôi mất hai giờ đồng hồ đi tìm anh ta trong bệnh viện. Gặp ngoài đường, anh ta bảo vội đi mua thuốc, đang nằm viện, anh ta nói số phòng, khu trại... Tôi vào thăm, tìm không ra, nghĩ mình nhớ sai, đành tới nhà anh ta để hỏi lại người nhà. Người em bảo ông anh mình có bệnh tật gì đâu, vẫn đi làm bình thường. Rồi hắt vổ trán, cười lớn tiếng, nói: À, anh ấy bệnh thật, bị ung thư lưỡi. Hắn nói xong, biết mình lỡ lời, độc miệng, cười xòa bảo xin lỗi anh tôi nói đùa cho vui... Thật ra, người bạn tôi có máu văn nghệ, muốn làm dáng cho mình bằng một thứ bệnh tật đau ốm nào đấy mà thôi.”

Anh im lặng giây lát, châm điếu thuốc mới, và lại ngó tôi mơ màng qua làn khói. Anh cười trong ánh mắt:

"Lâu quá rồi nhỉ, dễ đến ba bốn năm rồi mới gặp lại cậu... Sắc diện cậu vẫn tươi tốt, vẫn xinh trai đáo đả. Chắc cậu luôn khỏe mạnh, yêu đời đấy chứ?"

Tôi cười, nghĩ anh nói nghe tức cười quá. Nghĩa là anh muốn nói tôi là một ông lão xinh trai. Tôi đã có hơn sáu mươi cái xuân xanh rồi còn gì nữa. Tôi nói: "Ừ. Cũng nhờ trời, tôi không bệnh tật gì... Sức khỏe là vàng. Có sức khỏe là có vàng, nhờ ơn trời đất mới được như vậy, nên tôi rất vui sống."

Điều thuốc lá mới châm lửa, không hiểu sao anh lại dụi tắt, gí đầu cháy sâu xuống giữa lòng cái gạt tàn, giữ im như vậy một hồi lâu. Anh nhìn thẳng mắt tôi, nói chậm rãi, thì thầm:

"Tôi mới thoát khỏi một chứng bệnh đã hành hạ tôi trong nhiều năm... không phải bệnh... tương tự bệnh... một tình trạng... một trạng thái tâm lý... một ám ảnh... Đúng thế, tôi... tôi là... kẻ bị ám."

Tôi hỏi anh bị ám ảnh cái gì, anh nói:

"Tôi bị ám ảnh vi trùng... vi trùng Koch, vi trùng Hansen, vi trùng..." Tôi ngăn anh kể tiếp các loại vi trùng, vì bản thân tôi hết sức sợ chúng.

Anh nói:

"Ai mà chẳng sợ vi trùng, khổ nỗi trong nhiều năm qua, tôi nhìn đâu, nhìn bất cứ cái gì cũng thấy hiểm họa vi trùng... Ra đường, tôi không dám cử động mạnh, cứ khẹp

nếp rút rè, hai tay nếp sát vào thân mình. Lúc nào cũng mang theo chai cồn sát trùng. Nhiều khi dùng hết cồn, kẹt không thấy hiệu thuốc tây để mua, tôi phải tìm nơi kín đáo để cố đi tiểu, lấy nước tiểu thoa lên những chỗ khả nghi vì trùng xâm nhập. Nước tiểu thoa lên chỗ vết xước thấy xót, tôi đoán nước tiểu ít nhiều có khả năng sát trùng."

Anh nói thông thả rành rọt, giọng trầm thì, tha thiết. Anh thả một cụm khói dày như sương mù Đà Lạt, tiếng nói lẫn trong đó: "Cậu phải hiểu tôi đã đau khổ như thế nào trong suốt bao nhiêu năm bị ám ảnh vì trùng... Ăn điểm tâm, tô phở mới đặt trước mặt, ai đẩy ngồi bàn gần bên khắc nhổ xuống đất, thế là tôi phải bỏ tô phở, không dám ăn một miếng nữa. Để rút cây viết, hộp quẹt xuống đường, tôi không dám nhặt lên mà dùng nữa..."

Người đồng hương diện mạo phong thái vừa văn nhã, vừa bí ẩn, tôi hằng mong gặp, ngồi với tôi ở quán cà phê vắng vẻ trong buổi sáng đẹp trời, đã hút tổng cộng hai mươi điếu thuốc lá, nghĩa là trọn một bao thuốc. Anh kể câu chuyện của anh, một kẻ bị ám như anh tự nhận. Rồi chúng tôi chia tay và sẽ hẹn gặp lại một lần tình cờ nào khác. Mỗi người đi một ngả, lúc khuất rồi, tôi chợt tiếc đã không nói với anh, rằng bệnh tật không hẳn làm con người thấy cô đơn hơn hết. Suốt thời gian hút hai mươi điếu thuốc lá, anh đã hòa nhập trọn vẹn vào cơn đau nỗi khổ của chính tôi. Câu chuyện kẻ bị ám là câu chuyện về tôi,

lúc nghe anh nói về vũ khí tiêu diệt vi trùng, chai cồn trong túi quần tôi chỉ còn lại một chút ít.

Nhật ký dã quỳ

Hoa cỏ nào chẳng là con đẻ của thiên nhiên. Có những thứ hoa, con người dời về ở chung với họ, đặt tên và gán cho một ý nghĩa, trưng bày trong phòng khách, gửi trao nhau... Vô vàn loài hoa khác ở lại rừng, ở lại bất kỳ nơi nào chúng đã tự mọc lên, dù ở đây cũng có thứ hoa con người đã đặt cho danh tính trong một trường hợp có thể là dở hơi, vớ vẩn, ngẫu nhiên.

Bạn tôi, Đăng, một người mà tôi ngỡ mình biết rất rõ, thật ra tôi chỉ đọc thơ của anh, đều là những bài anh viết về nơi giá băng, có hoa dã quỳ và một chốn cực kỳ hiu hắt, thị trấn Dran. Tôi đã tin mình biết rõ loài hoa đại ấy sống ở thị trấn Dran. Hóa ra không phải. Dã quỳ không những có khắp miền cao nguyên, mà còn có ở khắp nơi. Chị Ý Nhi, cũng là một nhà thơ mà tôi quen biết, nghe tôi đọc một bài thơ của Đăng, hỏi: "Dã quỳ là gì vậy?"

Tôi hăm hở nói về loài hoa man dại ấy, mô tả nó, pha lẫn trong đó chút đắng cay phần nộ. "Vậy là tôi đã thấy nó", chị nói, "nhiều cực kỳ trên núi rừng Việt Bắc."

Tôi đọc một tập truyện của Sơn Nam, và đã gặp, chỉ trong một dòng chữ, nhắc tới hoa dã quỳ, trơ trọi phất phơ

trên mỏm đất giữa đồng nước bao la của miệt Cà Mau. Trong thơ Đăng thì như có cả rừng dã quỳ vàng rực ngậy đại thiên thu bất tận.

Sau này tôi được đọc một số bài thơ về dã quỳ của vài nhà thơ, nhưng không thấy niềm say mê bí ẩn, mỗi ám ảnh kỳ dị như trong thơ của Đăng.

Tôi mang câu chuyện về hoa dã quỳ nói với Đăng. Anh bảo: "Tôi thậm chí thù ghét thứ hoa ấy. Chẳng qua tôi gặp nó trong cơn đói mà thôi."

Ngạc nhiên, sau đó tôi nghĩ rằng yêu quá hóa ghét, cái tâm lý này vẫn thường xảy ra. Tôi bối rối khi Đăng bảo, anh đã gặp hoa dã quỳ trong cơn đói. Anh nói theo nghĩa đen hay nghĩa bóng?

"Tôi đã ăn vào bụng", Đăng nói, "ít nhất vài trăm bông dã quỳ."

"Anh nói thật sao? Hoa dã quỳ ăn được?"

Cả vẻ mặt và giọng nói của anh đều nghiêm chỉnh:

"Tôi nói thật. Năm..., tôi sống lang thang trên Đà Lạt, kiếm tiền sinh nhai bằng đủ mọi cách. Tất nhiên có lúc chẳng có cách nào kiếm đủ tiền để ăn bữa cơm. Lang thang trên một trái đồi, tôi ngồi nghỉ bên khóm dã quỳ. Chẳng phải là tôi chọn khóm dã quỳ ngồi nghỉ cho thơ mộng. Tôi ngồi đấy vì đôi chân đã mỏi rã và bụng đói cồn cào, chẳng còn đi đâu được. Tôi ngó khóm hoa dại, thấy đàn kiến xúm xít trên những cánh hoa vàng tươi đậm, chúng cong mình nhấm hút trên cánh hoa, chắc hẳn là ngọt. Tôi lựa vài bông, phỉ sạch những con kiến trên đó, cho vào miệng nhai ngấu nghiến. Ăn cũng được đấy, cũng no bụng. Tôi đã nghĩ, lúc nào đói bụng mà không có thực

phẩm của con người, tôi có thể giải quyết cho dạ dày như con dê, con bò, con ngựa. Tôi cho rằng cơn đói khát không bao giờ nên thơ cả, mà nó sẵn sàng biến con người thành con vật."

Nghe anh nói, tôi hiểu tại sao anh thậm chí thù ghét thứ hoa này. Anh đã liên tưởng đã quỳ tới cơn đói. Hóa ra không phải. Anh-nói:

"Loài hoa ấy giống như kẻ phỉnh gạt."

"Nghĩa là... hoa dã quỳ không ăn được? Anh đã bị đau bụng hoặc nôn mửa sau khi nhai nuốt chúng?"

Đặng lắc đầu chán nản:

"Không phải vậy. Đây là câu chuyện khác. Đây là Uyên, cô gái người thiểu số, Thái trắng, sinh ra ở Than Uyên, Lào Cai, người tôi yêu thương đầu tiên và cuối cùng trong đời. Cô gái miền sơn cước này, đối với tôi, chính là linh hồn của hoa dã quỳ. Tôi đã xô nàng xuống vực thẳm ở thị trấn Dran."

Đặng kể lại, anh xô cô gái xuống vực thẳm như thế nào, trong cuộc cãi vã giữa hai người. Về mặt anh không biểu lộ một nét xúc động, đôi mắt anh trông vẫn như buồn ngủ. Tôi rùng mình, tự hỏi: Đặng như vậy sao? Giống một kẻ sát nhân chuyên nghiệp, một tay giết mướn, chỉ có loại người ấy mới có thể bình thản kể lại chuyện giết người. Một kẻ như vậy mà làm thơ? Hóa ra những bài thơ anh viết về hoa dã quỳ, về thị trấn Dran, tạo nên niềm say mê bí ẩn, mỗi ám ảnh kỳ dị chính vì vậy đó, vì anh là kẻ sát nhân lạnh lùng.

"Trong nhiều năm", Đặng nói, "dã quỳ và thị trấn Dran đối với tôi như nỗi chết không rời. Đến bao giờ dứt

được mỗi ám ảnh đó. Bao giờ nguôi được nỗi ân hận đã đẩy Uyên xuống vực chết. Tôi quanh quẩn nơi chốn ấy. Kẻ sát nhân bao giờ cũng vậy, hắn không thể rời, thoát khỏi nơi hắn đã gây án mạng."

Tôi nghe anh nói mà không một chút xót thương. Anh nói như một cái máy điện toán, hiện lên màn hình những dòng chữ kể một câu chuyện ghê gớm. Tôi khiếp sợ, và chỉ có nỗi khiếp sợ ấy mà thôi. Tôi tự hỏi, loài hoa dã quỳ đã phình gặt anh ở chỗ nào? Đứng chột cười rộ nhìn tôi và nói:

"Có phải anh nghĩ tôi là kẻ sát nhân thứ thiệt? Rằng tôi không hề xúc động khi kể lại chuyện giết người?"

Anh không nói nữa, lẳng lặng cho tôi xem một bức thư, từ hải ngoại gửi về, của Uyên. Nàng sống ở bên kia bờ Đại Tây Dương, trong khi mỗi ám ảnh, ân hận đeo riết tâm tưởng anh bấy nhiêu năm. "Bức thư tôi nhận được sau từng ấy năm. Anh thấy đấy, bụi cây dã quỳ dày đặc dưới vực đã đón nàng khi tôi xô nàng xuống. Và vị cứu tinh người thiểu số, tức là người dân tộc người ta gọi sau này, ông dân tộc ấy đi kiếm cây làm củi đốt, đã giúp nàng lên lại an toàn, mà tôi chẳng hề hay biết."

Sau này Đấng còn làm thơ về dã quỳ, những bài thơ ấy có gì rất khác trước. Anh nói:

"Bởi đâu còn cái chết của Uyên ám ảnh, đâu còn ân hận đau xót. Và bởi sau này tôi gặp Kim, như anh biết đấy. Kim đem lòng yêu tôi, tình nguyện theo tôi về rừng, tìm đến những đóa dã quỳ để ấp ủ yêu thương, niềm ấp ủ yêu thương đậm thắm tha thiết vẻ đẹp hồn nhiên của đất trời."

Ngày giống ngày

Nhà thơ Nguyễn Đức Sơn, tức ông Sơn Núi, ba mươi hai năm nay sống trên Phương Bối của rừng núi Đại Lào, thuộc cao nguyên B'laô. Ấy tuy nhiên, ông Sơn Núi từng nói về phụ nữ từ khi ông chưa lên sống trên núi: "Phụ nữ có gì đấy ngàn đời không thể hiểu nổi." Tất nhiên ông Sơn Núi không nói nguyên văn như vậy, anh nhớ đại ý như vậy mà thôi.

Có thể đấy là câu chuyện của anh, với người phụ nữ anh đã gặp trong một ngày này, và, rất có thể, trong một ngày khác.

Ngày... Nếu có thói quen viết nhật ký, anh đã ghi ngày này bằng thứ mực khác thứ mực thường ngày. Ngày thành hôn của anh.

Thời gian trước ngày thành hôn, khi chưa có cả ý định thành hôn, anh cảm thấy mình bế tắc, nhưng bế tắc gì thì anh không biết. Một nỗi bế tắc không tên, đã làm cho anh mất bình thường, làm cho anh lúc nào cũng như bị tức ngực hoặc đau bụng.

Thoại, bạn anh, một người có cả học thức học vị lẫn trải đời, trầm ngâm, giống vị thầy thuốc bắt mạch với vẻ cân nhắc lắng đọng, để kê đơn thuốc hiệu nghiệm nhất, buông gọn câu nói:

"Cậu cần lấy vợ."

Anh giật mình, ngơ ngác hỏi bạn:

"Lấy ai?"

"Lấy ai cũng được... ai mà cậu đang quen biết... miễn là lấy vợ."

Lệ, cô gái anh đang quen biết, không chỉ như vậy, cô gái anh thường nhớ tưởng, cô gái mà anh từng nghĩ, nếu lập gia đình, anh sẽ gọi tên người hôn phối là Lệ...

Lệ có nhan sắc trên trung bình, dù sao thì, đối với anh, nhan sắc không quan trọng lắm. Anh chú ý tới tính cách nhiều hơn. Có thể Lệ hơi nghiêm khắc, nhưng ngay những lúc anh cảm thấy như vậy, anh nghĩ: Lệ nghiêm khắc chính đáng, và như vậy đâu phải là nghiêm khắc mà lo ngại.

Còn anh, tự thấy mình quen thói sống không kiềm chế, lối sống phóng túng nghệ sĩ như người ta thường nói. Lần say rượu với bạn, trở về nhà, anh nhắc chiếc xe đạp qua bậc cửa, cái bánh xe rời tuột. Lệ đón cái bánh xe đang lăn tới, nói vừa đủ cho anh nghe, giọng không âm sắc:

"Lăn say anh đừng làm trò xiếc. Ở đây không đúng chỗ."

Anh cố gắng nhưng tự biết mình khó thay đổi, chàng-tuổi-trẻ-gan-dạ-trên-chiếc-đu-bay vẫn thường làm trò xiếc ở bất cứ nơi nào không phải rạp xiếc.

Thoại tới thăm anh lúc Lệ đang dạy học ở trường. Bạn nói thì thăm để anh hiểu đây là chuyện hệ trọng:

"Tôi mới đọc lại giai phẩm mùa xuân của Trường Kiếu mẫu Thủ Đức, thấy bài đoản văn của Lệ. Trong bài, Lệ cảm xúc về hai câu thơ: *Lá quên thề còn ngoại tình với gió / Đêm hôm rồi nở một đóa phong lan*. Cậu ạ, không thể tin người cảm xúc câu thơ phong tình ấy lại đứng đắn đoan trang được."

Anh giật mình, ngơ ngác như lần Thoại bảo anh cần lấy vợ. Ấy tuy nhiên anh nói:

"Người như anh mà lại suy nghĩ hẹp hòi thế sao?"

Thoại lắc đầu:

"Cậu lúc nào cũng lơ mơ trong mọi chuyện. Vẫn là người. Người viết cảm xúc với câu thơ phong tình ấy hẳn là kẻ đồng lõa phong tình. Tôi nói với ý tốt cho cậu thôi... Cậu hãy cảnh giác, vì hạnh phúc gia đình, nếu cậu muốn giữ nó."

Hóa ra Thoại nói đúng, Lệ dường như từ lâu đã nhìn về hướng khác. Người ta chẳng từng nói, yêu nhau là cùng nhìn về một hướng? Một hôm Lệ nói với anh:

"Hai người quá khác nhau, kết hợp chỉ là gượng ép. Có lẽ chúng ta nên thôi ràng buộc nhau."



“Thôi ràng buộc..., nghĩa là chia tay?” Anh hỏi vậy, nhưng không dám nhìn Lệ có gật đầu xác nhận chẳng. Anh không nghe tiếng nói Lệ trả lời. Một thời gian ngắn sau đó, anh biết người Lệ gặp ở cuối hướng nhìn khác, chính là Thoại, người bạn tiên tri của anh.

Mỗi lần nhớ lại cuộc hôn phối cũ, anh nhớ lại một lần đi trên xe đò. Chuyển đi dài, anh ngủ gà ngủ gật. Một bà thanh nhã lịch sự ngồi bên cạnh nhắc anh: “Ông hãy chú ý tiền bạc, trên xe kẻ trộm móc túi như rươi đấy.” Lúc ngủ lơ mơ anh chợt thức: Bà thanh nhã lịch sự vừa móc túi lấy ví tiền của anh, chen giữa đám người xuống xe ngang chừng ngay sau đó.

Anh gặp Kim vào một ngày nào đấy, một ngày hứa hẹn những ngày gặp nhau trong quán cà phê. Nếu cần gọi tên, mối quan hệ đó gọi là Tình Quán.

Anh không thể nhận xét Kim như đã nhận xét Lệ, dù điều này, nếu muốn, rất dễ dàng: Tính cách của họ khác hẳn nhau. Kim và anh lẫn trong thế giới của những người yêu nhau, không phán xét, không ràng buộc, hoàn toàn tự do.

Sau lúc gặp gỡ, mỗi người lại trở về nơi của mình. Nơi của anh, anh thừa nhận, đây là con đường vô định không dẫn tới đâu, những ngày tháng mở trống hoác. Có thể vì vậy anh luôn tìm gặp Kim, vui lấp bằng thời gian đắm thả dịu dàng.

Kim đã đọc trong nhật ký của anh, cuốn nhật ký rất ngẫu nhiên và khác thường:

"Lê, người tôi yêu đầu tiên và cuối cùng đã chết. Hay chính tôi đã chết? Lê, một thứ độc dược mà cuộc đời đã tặng tôi? Hóa ra, cuộc đời có thuốc độc, có cả thuốc giải độc: Kim đem lòng yêu tôi, tự nguyện cùng tôi làm bạn đồng hành."

Kim nhìn mặt nói:

"Anh là đàn ông, phải ở vị thế chủ động, sao lại viết: Kim đem lòng yêu tôi?"

"VẬY theo em, phải viết thế nào?"

"Dễ thôi... chỉ bỏ bốn chữ 'đem lòng yêu tôi', rồi viết trong dấu mở ngoặc: Hóa ra Lê không phải là người cuối cùng tôi yêu. Đóng ngoặc lại. Xong."

Đến lúc anh cần thiết nói ra điều anh cho là cần thiết:

"Lang thang mãi là một nhà tù... Anh muốn chúng ta chung sống."

Kim nghe anh nói, cười rung cả bàn ghế ly tách:

"Thôi đừng đùa cha nội! Nhà tù của em đã có chồng em ở trong đó rồi... Anh lang thang mỗi chân thì vào quán trò chuyện với em, mắc mớ chi đòi lấy người ta."

Mỗi lần nhớ tới Kim, anh nhớ tới nhà văn bá tước đầy kinh nghiệm về phụ nữ đã nói: Người hiểu rõ phụ nữ, là người biết mình chẳng hiểu được phụ nữ.

Đây là lời của ông Tolstoy, còn anh, có lẽ anh sẽ còn ngơ ngác, vào một ngày....

Nhân vật, buổi chiều

Linh hồn là tên gọi một phần thân thể

NIETZSCHE

Hai người ngồi ở bao lơn của căn gác gỗ. Họ ít cử động, giống hai bức tượng đang sẫm dần trong buổi chiều muộn. Cuộc mưu sinh chặt vật, hiếm khi họ rảnh rỗi như trong lúc này.

Nhưng lúc này họ thành thoi hết những ngày trước đây chừng hơn năm, khi họ còn là hai người bạn, cũng trên bao lơn này, những buổi chiều, khung cảnh và những chuyển động thấp thoáng rì rầm chung quanh. Rồi ngọn đèn ở góc phố bật sáng, họ nói: "Buổi chiều quá vắng."

Dù sao họ chưa bận con. Chị nói: "Em có một nỗi sợ mà lúc nào nhớ đến em cũng nổi gai ốc." Anh tự hỏi, có phải người ta gọi là thần giao cách cảm, anh cũng vừa đọc lại mấy trang của một cuốn sách khó đọc, hình như tác giả là Chesterton, về một nỗi sợ. Anh đọc đi đọc lại cuốn sách trong nhiều năm, những lúc cuộc mưu sinh tạm thả anh,

ngày anh có may mắn được tự do. Một ngày để tùy nghi của Võ Phiến.

Nỗi sợ chị kể lại đang làm chị rung động, có thể chị đang nổi gai ốc. Giá như cô ấy nói chuyện phiếm thì tốt hơn, anh nghĩ. Chị không thích nói chuyện dông dài tiêu khiển thì giờ, chị là loại người hướng nội, quan tâm tới những vấn đề của tinh thần. Anh nhìn chị bằng ánh mắt ái ngại.

Lúc còn là sinh viên, có lần chị tham gia đoàn công tác xã hội của trường đại học, đi thăm hỏi an ủi bệnh nhân trong bệnh viện tâm thần, và nổi kinh hoàng đã đến với chị. Tất nhiên trước khi tới đây, chị đã dự liệu những gì có thể xảy ra, nhưng, chị nói, anh ta là một người điên mà chị không thể tưởng tượng được.

"Khuôn mặt anh ta, nếu là bức ảnh hay bức tượng, thì đây là khuôn mặt đẹp, với vẻ trầm tư." Chị nói. Nhưng anh ta xuất hiện trước mắt chị, dù ở một khoảng cách, anh ta ngồi im bặt trên chiếc ghế đá dọc bên lối đi, giữa khu vườn nhỏ của trại tâm thần. Một cô bạn nói với chị: "Anh chàng đẹp trai thế kia mà bị điên." Cô bạn ngắm anh ta một hồi lâu, vừa xót thương vừa tiếc rẻ. Nhưng chị có cảm giác lạnh xương sống, khi bất giác thấy đôi mắt anh ta đắm đắm nhìn chị từ lúc nào.

Cô bạn đi tới chỗ anh ta ngồi, hiển nhiên là cô ý thức công việc của mình trong buổi thăm viếng. Chị thấy anh ta vẫn ngồi im, vẻ mặt ơ hờ hơn một chút, anh ta

thầm lặng tỏ lời từ khước thăm hỏi? Dù sao chị cũng hiểu được rằng anh ta không chủ ý theo dõi chị, anh ta hơi cúi đầu nhìn xuống đôi bàn tay, một bàn tay đang sờ hững bẻ những đốt ngón tay của bàn tay kia. Mái tóc anh ta kéo nghiêng trên trán, chằm mí một bên chân mày.

Chị đi loanh quanh trong khu vườn, dừng lại hỏi chuyện một bệnh nhân. Người này đã cười ngây ngô khi ngó thấy chị. Tiếp tục đi loanh quanh một hồi, chị lại thấy anh ta, vẫn ngồi im bất trên chiếc ghế đá ấy, đôi mắt anh ta lúc này như thôi miên, hút chị vào chốn sâu tối. Chị thấy mình kiệt sức, vô vọng thoát khỏi cái nhìn thôi miên của anh ta, chị thấy mình đang rớt xuống lòng giếng sâu hun hút, cơ thể đang đẩy lên phản xạ của kẻ sắp phải vùng vẫy trước khi chết đuối.

Trong một thoáng chốc hồi tỉnh trước sức hút của cái nhìn điên rồ, chị thốt nhận ra một điều gì đấy thật đau đớn trong đôi mắt anh ta. "Như thể linh hồn anh ta đang giằng xé trong đáy mắt, buộc anh ta sống trong tù ngục của bệnh điên." Chị nói.

Anh cười khê: "Em quá nhạy cảm nên đã hoang tưởng. Làm gì có linh hồn giằng xé trong mắt anh ta được." Chị lắc đầu: "Nỗi sợ không thể truyền cảm được. May mắn anh không gặp nỗi sợ giống như em... Bây giờ nhớ lại em còn dựng tóc gáy. Dù bệnh điên vẫn tồn tại cùng con người, nhưng em cầu mong không còn ai bị tình trạng điên giống anh ta."



Trại tâm thần - Y viện X năm 1970.

Anh không hề điên xét theo bất cứ dạng nào của bệnh điên. Anh bị xem là người điên, đơn giản vì anh đã bị người ta đưa anh vào đây. Dù bị lầm lẫn, người khác có thể lợi dụng thời gian sống trong trại điên để học hỏi được gì đấy. Anh không có ý định trở thành nhà văn, có những quan sát và hiểu biết về khu vực đặc biệt này của con người. Anh cũng không phải là môn đệ của Freud để nghiên cứu thực tế. Anh chỉ có được nỗi u sầu buồn bực làm bạn đồng hành.

Một lần ông bác sĩ trưởng trại nói chuyện, dò hỏi về dĩ vãng của anh để tìm ra nguyên nhân đưa anh tới bệnh điên, anh hét vào tai ông bác sĩ: "Tôi không điên gì cả. Chính ông mới điên." Sau lần đó, anh được theo dõi bệnh tình thật kỹ lưỡng. Bác sĩ ghi tên anh vào danh sách bệnh nhân cần phải "chạy điện" mỗi ngày.

Một thời gian sau, trong hồ sơ bệnh án, bác sĩ điều trị ghi tình trạng của anh: Bệnh nhân bị chứng Schizophrénie. Rối loạn tâm thần = Tâm thần phân liệt. Mái tóc kéo nghiêng trên trán dài thêm nhiều, phủ lấp một bên mắt, anh bắt đầu vuốt ngược về phía sau, tóc dày nặng xoa hai bên, hình thành đường ngôi ở giữa.

Chị nói: "Một người điên nổi cơn đập phá không đáng sợ bằng anh ta. Biết dè chừng ra sao khi anh ta ngồi im bật như vậy? Anh ta mưu tính gì lúc đó?"

Ngọn đèn ở góc phố bật sáng. "Cái nhìn của anh ta... em đang nổi da gà đây này!" Chị nói. Đột nhiên anh đưa tay lên lùa mái tóc, kéo nghiêng chúng trên trán, hỏi chị: "Em thấy anh giống anh ta không?" "Anh đừng nhát em chứ!" Chị kêu khẽ.

Anh tự nhủ: Thôi đừng, và vẫn ngồi ở tư thế cố định. Họ vẫn ít cử động, giống hai bức tượng, nhưng lúc này hai bức tượng được chiếu sáng từ ngọn đèn ở góc phố.

Mục lục

1. Trưa Tân Hiệp	5
2. Trưa rừng.....	11
3. Buổi chiều có thể	15
4. Giờ đêm.....	21
5. Giờ lành.....	25
6. Một chín chín trên bốn một.....	31
7. Một nơi mất tích.....	37
8. Một cuộc chia tay	41
9. Một tình huống khó xử	47
10. Một nổi thàng thốt.....	53
11. Hai người bạn Việt kiều.....	61
12. Thời gian của chuột.....	67
13. Em trai	79
14. Chiếc ống vố	83
15. Chút ít sự thật của... ..	89
16. Biên bản của mister G.B.....	95
17. Đại Ninh xanh sốt rét	101
18. Và, sau.....	107
19. Kẻ bị ám.....	113
20. Nhật ký dã quỳ.....	119
21. Ngày giống ngày.....	123
22. Nhân vật buổi chiều	129

Nguyễn Đạt

22 truyện ngắn



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 – Nguyễn Trường Tộ – Ba Đình – Hà Nội

ĐT: (04) 8294684 – 8294685

Fax : (04) 8294781

Email : nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa

ĐT : (08) 8469858 - 8486481



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Cừ

Chịu trách nhiệm nội dung:

Nguyễn Thị Hạnh

Biên Tập:

Nguyễn Hồng Hạnh

Trình bày:

Mai Phương

Trình bày bìa:

Nghiêm Hoàng Anh

Sửa bản in:

Hồng Hạnh



LIÊN KẾT XUẤT BẢN – TỔNG PHÁT HÀNH

Nhà sách Kiến Thức

17A Hàng Chuối – Hà Nội

ĐT: 04.9713371 – 0903408530

Email: Nhasachkienthuc@yahoo.com

In 1000 cuốn khổ 13x20 cm. In tại XN in trung tâm thông tin thương mại. Giấy phép xuất bản số 382 – 2007/CXB/10 – 94/Vh. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2007.

Những truyện ngắn này gọi lên cảm giác như một câu thơ đã diễn tả - "Và chưa chỉ chiều đã tắt"

Đó không không đơn thuần là cảm giác về tiếc nuối, mặc dù có một ngọn gió hoài cổ thổi đến tận chân tóc tất cả các nhân vật và câu chuyện ở đây. Sự nuối tiếc chỉ như là một hình thức diễn đạt của một cảm thức về sự chạm mặt vào một quá khứ đang hiện tồn giống như chạm vào những sợi tơ nhện cực mảnh hay những hạt bụi cực nhỏ, cảm giác như vừa trông thấy vừa không.

Tơ và bụi, vương vít và mơ hồ, mỏng mảnh và hiện diện khắp không gian - những câu chuyện này mô tả sự tiếp xúc của những thực thể vừa như không lại như có. Mỗi thực thể đó chứa đựng một câu chuyện riêng, nhưng trong những va chạm triền miên này chúng chỉ gọi lên cảm giác - cảm giác có gì đó lại vừa chạm vào và đi qua, nhưng ở chỗ va chạm đó dứt khoát có và còn một điều, một thứ hoặc liên quan đến ta hoặc không dám bỏ qua.

Nguyễn Đạt chủ yếu gọi lên chứ không kể lể.

Nhà thơ NGUYỄN CHÍ HOAN

Truyện ngắn Nguyễn Đạt là những tình huống thân phận độc đáo , lúc mà các nhân vật không còn làm gì khác ngoài việc quan sát xung quanh. Thời gian dường như còn rất ít. Cái được quan sát một cách gay cấn đó chính là cái sẽ được đọc trong bối hồi . Nó sinh sắc quá , tựa như lời của một thân cổ thụ . Ta mơ hồ về gốc ngọn của nó , nhưng ta biết chắc đang nắm trong tay một điều gì thật lớn lao . Đó là bản chất của hiện sinh . Đó cũng là bí ẩn làm nên sự quyến rũ của truyện ngắn.

Nhà văn - dịch giả MAI SON

Tôi bước vào không gian truyện ngắn của Nguyễn Đạt như bước vào một mảnh đời sống thường nhật , thậm chí đôi lúc rất quen thuộc như một mảnh đời sống của chính tôi . Thế nhưng , cái không gian ấy bao giờ cũng có một điều gì khiến tôi phải tìm kiếm . Thật thế , một cách rất kín đáo , ông đã đặt vào đâu đó trong cái không gian ấy một vài đồ vật , một vài hình ảnh , một vài ý nghĩ , hay một vài cử chỉ của nhân vật - Những thứ có chứa cái ánh sáng kỳ đặc của riêng ông . Và tôi đi loay quanh trong cái không gian ấy chẳng biết phải tìm kiếm điều gì , để rồi bất chợt phải hiện một đốm loé sáng từ một góc khuất nào đó . Và , thật thú vị , khi tôi đã bước ra khỏi không gian truyện ngắn của Nguyễn Đạt , cái đốm loé sáng ấy vẫn còn ở đâu đó trong tôi . Lâu lắm . Lần nào cũng thế .

Nhà văn - dịch giả HOÀNG NGỌC TUẤN
(AUSTRALIA)



Giá \$ 7.00